

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ

SÁNG TẠO

THÁNG NĂM — 1959

- NGUYỄN SỸ TẾ** • Chờ sáng
THAO TRƯỜNG • Riêng tư
VIỆT TỬ • Nguyễn công Trứ
NGUYỄN T. LÂU • Tìm hiểu non nước nhà
DOÀN QUỐC SỸ • Đoàn người hóa khí

và những bài của :

THANH TÂM TUYỀN ★ TRẦN THANH HIỆP
SAO BĂNG ★ MAI TRUNG TĨNH ★ LỐI TAM
PHẠM NGUYỄN VŨ ★ HỒ NAM ★ SONG LINH
THẠCH CHƯƠNG ★ DIÊN NGHỊ ★ HOÀNG
BẢO VIỆT LAN ĐÌNH ★ LÊ HUY OANH

Chủ trương biên tập : Mai Thảo
Tòa soạn và trị sự : 133B, Ký Con Saigon

30

MỤC LỤC

THẠCH CHƯƠNG	SONNET	1
THANH TÂM TUYỀN	BARBARA	1
DIỄN NGHỊ	THƯƠNG NHỚ	3
HOÀNG BẢO VIỆT	HY VỌNG	4
SAO BĂNG	NGƯỜI Ở ĐẦU	7
NGUYỄN SỸ TẾ	CHỜ SÁNG	15
SONG LINH	BỨC TRANH	19
MAI TRUNG TĨNH	AO ƯỚC	27
LAN ĐÌNH	HÀNG XÓM	28
PHẠM NGUYỄN VŨ	ĐẠ KHÚC	29
DOÃN QUỐC SỸ	ĐOÀN NGƯỜI HÓA KHÍ	33
VIỆT TỬ	NGUYỄN CÔNG TRÚ	43
THẠCH CHƯƠNG	MỘT ĐÓA HỒNG CHO EMILY	50
LÔI TAM	CƠN MƯA	59
NGUYỄN THIỆU LÂU	TÌM HIỂU NON NƯỚC NHÀ	65
THAO TRƯỜNG	RIÊNG TƯ	70

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN SỸ TẾ : VIỆT NAM VĂN HỌC TOÀN THƯ CỦA HOÀNG TRỌNG MIÊN (trang 76) — **TRẦN THANH HIỆP** : ĐỀ HIỂU ĐẠO PHẬT CỦA PHƯƠNG BỐI (trang 77) — **THANH TÂM TUYỀN** : TRÍ THỨC LÀM DÁNG (trang 78) — **HỒ NAM** : GIÒNG THƠ SANG MÙA CỦA HÀ PHƯƠNG — KỊCH BUON M'RONG (trang 80).

THƯ TỪ VÀ BÀI VỞ GỬI CHO : MAI THẢO
TIỀN BẠC VÀ BƯU PHIẾU : ĐẶNG LÊ KIM
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO
138B, đường Kỳ Con — SAIGON

SONNET

Như những tiếng cầu xin cứu vớt linh hồn chúng tôi
ngoài khơi bí mật đến từ một con tàu biển ;
qua những mảnh danh từ dẹt nên hồn mầu nhiệm
em vẫn chỉ là tóc mây cổ nồn và môi.

Sau áo len danh từ là thế giới xa vời,
là đêm không trăng sao là trùng dương thăm thẳm;
qua những chuỗi ngọc cười, em vui ; nước mắt đầm
vai anh, em buồn. Đêm hồn anh dài không nguôi.

— Kèn đồng xin loa vang đập những thành kia xuống !
Bóp nghẹt tiếng cười, và xin khô héo đôi môi ;
hãy cho tê liệt bàn tay, cầm ghen những lời

yêu, thương, sâu, nhớ. Hãy vượt qua thành hiện tượng,
soi mặt trời sau mắt em, để tôi chiêm ngưỡng
hình tôi.

THẠCH CHƯƠNG

BARBARA

Nhớ chẳng Barbara
Hôm ấy mưa rơi hoài xuống Brest
Và em bước đi vui tươi
Rực rỡ hân hoan ướt sối
Dưới trời mưa
Nhớ chẳng Barbara
Mưa rơi hoài xuống Brest
Tôi gặp em ở phố Xiêm
Em mỉm cười
Và tôi cũng mỉm cười
Nhớ chẳng Barbara

Em người tôi không quen biết
 Em cũng chẳng hề quen biết tôi
 Nhớ chẳng
 Nhớ chẳng em hôm ấy
 Dù thế nào cũng đừng quên
 Người đàn ông trú trong vòm cổng lớn
 Chàng kêu tên em
 Barbara
 Và em chạy đến dưới trời mưa
 Ướt sồi hân hoan rực rỡ
 Và em ngã vào tay chàng
 Nhớ chẳng phút ấy Barbara
 Đừng giận vì tôi gọi em thân mật
 Tôi gọi bằng em tất cả những người tôi yêu mến
 Ngay với những người chỉ gặp một lần
 Tôi gọi bằng anh em những người nào thương nhau
 Ngay với những người không bao giờ quen
 Nhớ chẳng Barbara
 Đừng khi nào quên
 Trận mưa hiền lành hạnh phúc ấy
 Trên khuôn mặt sung sướng của em
 Trên thành phố sung sướng ấy
 Trận mưa trên mặt biển
 Trên công xưởng
 Trên con tàu ngoài đảo Ouessant
 Barbara ơi
 Thật là chó đẻ Chiến tranh
 Em bây giờ ra sao
 Dưới trận mưa những sắt
 Những lửa những thép những máu
 Và người từng ôm em trong tay
 Ấu yếm
 Chàng đã chết biệt tích hay còn sống
 Barbara ơi
 Mưa rơi hoài xuống Brest

Nhớ ngày nào
 Nhưng không còn mưa buổi cũ tất cả bị chôn vùi
 Nay trận mưa tang tóc đôn đau thê thảm
 Nhưng cũng không còn là cơn giông
 Những sắt những thép những máu
 Chỉ là những đám mây
 Vỡ ra như chó chết
 Những con chó biến đi
 Trôi theo giòng nước Brest
 Và thổi rĩa nơi phương xa
 Rất xa rất xa Brest
 Rồi chẳng còn gì.

JACQUES PRÉVERT
 (Thanh Tâm Tuyên dịch)

THƯƠNG NHỚ

Ta vẫn còn thương nhớ đến em,
 Mùa xuân còn gợn sóng tâm tình,
 Vì ta không rợn lòng xuân nữa,
 Nên bảo rằng ta vẫn nhớ em !

Đêm xuân không ấm rượu hồng say,
 Tâm sự se buồn em có hay.
 Tuổi mộng hai mươi lần mê đắm,
 Đào mai khuya nở cũng hao gầy.

Vương hương, nến lệ, thoáng hơi trầm,
 Lạnh thuở nào xưa, gót cầm tâm.
 Rèm động gió hiu mờ giai ảnh,
 Dư ba điệu vợi tiếng ca cầm.

Em của thời xuân thật lệ kiều,
 Thơ yêu thầm chép ngời tình yêu.
 Làn mi nửa nguyệt, bồn rặng ngọc,
 Đầy đặn vòng trăng, vóc mỹ miều.

Ta phụng thờ em biết mấy xuân,
Quên ngày tháng rụng, sắc quan huân.
Choàng tay gối mộng đêm đêm trắng,
Trưởng niệm hồn trinh, vọng ý thần.

Nơi đâu xuân lại tiết hàn phong ?
Cung điện tịch liêu buốt giá đông,
Ta chạnh nhớ em, thương tiếc mãi,
Lũy thành cách biệt, gió mệnh mông.

Phương ấy bây giờ có bóng em,
Giờ Thân sương xuống ướt mắt nhìn.
Xuân về ta gọi hồn khuê khốn,
Để chứng rằng ta một nhớ em.

DIÊN NGHỊ

HY VỌNG

Là búp hoa mai vừa chớm nở
Là bông lúa trổ sắc trong xanh
Là cây khô lá đâm chồi nhỏ
Là gió xuân hiu thổi dịu lành

Là buổi bình minh trời sáng rõ
Là chim hót hỏ hót trên cây
Là cung đàn nhịp qua hơi thở
Là nắng chan hòa ươm má hây

Là pháo giao thừa đang đợi nổ
Là màu áo cưới cắt chưa may
Là niềm vui nhận từ muôn thuở
Là mạch trào dâng nhựa sống đầy

Là chiếc cầu tre vừa bắc nhịp
Là giòng nước biếc thoát nguồn ra

Là mưa cuối hạ rơi liên tiếp
Là nắng lưng đồi đẹp cỏ hoa

Là ánh trăng ngà soi xóm nhỏ
Là nguồn lửa sáng mãi đêm quê
Là muôn giọng mực xanh đen đỏ
Là tiếng học bài sau lũy tre

Là măng cầu ta treo trước ngõ
Là cam chín vỏ ngọt ngào thơm
Là sầu riêng mùi gai đang vổ
Là chuối quần sai trái chứa hươm

Là bắp truong cò bay lớp lớp
Là cau cao vút mấy tầng không
Là liếp dừa tàu giăng bóng rợp
Là đồng lúa giải sóng menh mông

Là phường phố giữa ngày vui hội
Là tết trung thu lúc tuổi thơ
Là ngày nghỉ học về quê nội
Là chuyến tàu đêm sắp đến giờ

Là lúc phân ly chờ tái hội
Là hồi xa xứ nhớ quê hương
Là hờn vong quốc trời không đội
Là phút lao mình qua gió sương

Là sắc mặt buồn in nét sống
Là lời đau khổ trộn tin yêu
Là câu ca chứa điều mơ mộng
Là tiếng ru em thoảng gió chiều

Là người bạn mến yêu say đắm
Là cánh tay choàng qua bả vai

| Thơ

Là tình mẹ biết bao sâu đậm
Là chuỗi hôn nồng hương chữa phai

Là đêm đông tắt ngày xuân tới
Là vượt đồi cao lội biển xa
Là tung cánh én không hề mỏi
Là đập rừng hoang, xẻ núi ra

Là tuổi đôi mươi khao khát sống
Là mầm xanh trẻ của tương lai
Là hoa trang điểm đời hy vọng
Là mến thương nhiều hơn trước đây

HOÀNG BẢO VIỆT

NGƯỜI Ở ĐẦU

SAO BĂNG

TÔI gấp lá thư của Hy vào cuốn nhật ký với tay tắt đèn rồi lên giường nằm. Tôi áp mặt vào vách. Bóng tối đen sẫm sẫm. Đã nhiều đêm rồi tôi nằm như vậy và chấp chờn trong giấc ngủ với những ý nghĩ lớn vồn không mạch lạc. Nhưng thế nào tôi cũng trở thức vào khoảng hai giờ sáng. Bảy giờ không khí hoàn toàn yên tĩnh. Cái xóm nhỏ nghèo nàn tội nghiệp đắm mình trong bóng đêm tăm tối. Tôi lặng lẽ ngồi trong bàn viết kê bên cửa sổ dưới ánh điện bằng bạc màu lá úa. Không biết làm gì tôi đốt thuốc hút, làn khói mỏng bay lên và loãng tan trong không khí. Tôi hút rất nhiều thuốc cho tới khi đôi ngón tay vàng nhựa, cho tới khi cổ họng nôn nao sặc mùi khói thuốc. Tôi gục đầu xuống bàn thiếp lần đi, thiếp lần đi như thế. Và khi tỉnh dậy không lần nào thân thể tôi tránh khỏi cơn mệt mỏi để chỉ kịp nhận ra sự ồn ào của lối xóm và một ngày mới xuất hiện.

Mùa mưa sắp tới rồi. Chiều qua trận mưa trở mùa hối hả làm nhiều lá rụng. Mặt đường ướt át, thời tiết thường lạnh về đêm.

Lúc tôi ngoảnh mặt ra ngoài, bầu trời hiện trong khung cửa sổ, vài ngôi sao thưa ướt nhấp nháy xa vời. Lá thư của Hy, dĩ nhiên làm tôi nghĩ ngợi.

Cuộc sống như bàn tay tội lỗi thì dù có rửa bằng trăm ngàn thau nước chắc gì đã gột sạch. Mình ở đây cũng vẫn khung trời ấy, vẫn con người ấy. Đau khổ nhiều rồi, ít ra cũng từ bỏ một vài kỷ niệm. Ôm mãi trong tâm hồn có ích gì cho tương lai hoặc giả từ chối hẳn lại càng hay.

Tôi ân hận không nói điều này trước. Tôi muốn viết thư cho Hy. Tôi nói : « Tao muốn tìm một sự thật... » Nhưng tôi không thể viết tiếp. Tôi xé nát tờ giấy thành từng mảnh nhỏ nắm chặt trong tay như nắm chặt một sự tức giận. Bàn tay tôi tê nhức. Thì ngày xưa chúng tôi chả sống với nhau là gì... lần nữa mãi rồi cũng tới ngày chạy trốn.

Tôi trở dậy đứng áp bên cửa sổ. Gió lạnh, những ngôi sao trời như sáng hơn, trong hơn và hun hút. Lối xóm đã vắng người, cái yên lặng ban đêm cho tôi một sự cô độc. Tôi nắm chặt tay đè lên ngực để ngăn cơn ho đang tìm lối thoát. Nhưng không được, tiếng ho đã bật ra khỏi cửa miệng, cổ họng tôi rất buốt, thân thể tôi nóng ran và đi lần vào sự ớn lạnh. Tôi bỏ khung cửa lên giường nằm. Tôi nghĩ tới Thạch, hẳn vừa chết vì bệnh lao trong bệnh viện. Tôi tại nghĩ tới Loan, nhưng tâm hồn nguội lạnh. Giá bây giờ tôi có gặp nàng có lẽ tôi chỉ coi nàng như những người bạn sơ lâu ngày vừa gặp mặt. Thế mà dạo trước tôi dám

t hễ với nàng rằng tôi yêu nàng. Phải chăng cuộc đời là một mớ hình ảnh và con người là những hình ảnh nối tiếp nhau để đi vào quên lãng. Tôi trả lại tự do cho Loan để nàng đi tìm căn phần mới của nàng.

Tôi lại úp mặt vào vách cố tìm giấc ngủ. Sáng hôm sau tôi dậy muộn hơn và toàn thân ê ẩm. Buổi chiều tôi lên cơn sốt. Tôi mê man ly bì tới ba ngày. Sáng ngày thứ tư thì tôi tỉnh hẳn tuy người còn mỗi mệt.

Chị tôi trao cho tôi lá thư của Hy mà người phắc-tơ vừa đưa tới. Tôi bóc ra ngần ngại. Lá thư lần này dày khác thường. Tôi lướt mắt qua mấy hàng đầu, nét chữ vội vàng quăn quại. Tôi thoát nhớ ra rằng đã hai lần tôi không trả lời Hy. Thế mà Hy vẫn viết. Tôi cúi đầu im lặng. Cuộc sống hôm nay đã làm mất trong tôi những hồn nhiên hy hữu. Và sự hoài nghi như liều thuốc độc ngấm dần trong cơ thể để giết dần, giết dần cho tới khi tâm hồn đầy trống rỗng. Tôi không muốn chết trong ý nghĩ của một thằng bạn. Nó nói : « Sự chiếm đoạt thắng lợi nhất không ngoài vật chất ». Tôi muốn sống với thực tâm của tôi. Cái hình hài bé nhỏ kia làm sao mở mắt để nhìn xuất trong lòng sâu vũ trụ. Nhiều lúc tôi muốn quên đi, quên đi cho mình làm một đứa trẻ, đón nhận ảnh hưởng xã hội không phán xét. Nhưng làm thế nào ngăn cản nổi trận cuồng phong trong trí não ? Anh rề tôi là người đạo công giáo, anh khuyên tôi theo đạo. Tôi đã bắt đầu đi xem lễ những ngày chúa nhật. Thượng đế ơi ! sao lòng tôi trống rỗng, tôi muốn thét lên vì không muốn làm con ve sầu để thấy mình sẽ chết rù.

Mùa mưa qua rồi lại tới mùa nắng. Mùa xuân qua rồi thì đằng nào chả tới mùa thu. Tôi thêm khát hương vị của màu lá úa. Tôi như một kẻ chạy trốn nhưng luôn luôn ngoảnh đầu trở lại. Tôi thú thật có nhiều lần muốn từ chối bạn hữu để đi vào ý nghĩ của riêng mình. Cái tâm này khởi lên từ đạo tôi chạy trốn Loan. Có lẽ nàng cho tôi là một kẻ phụ bạc. Nhưng nếu nàng biết, khi mà một tâm hồn chưa biết rằng mình thêm muốn. Và cái thực chất không bao giờ có được.

Tôi đứng dậy mở cửa sổ. Mấy hôm rồi cảm mệt, căn nhà như chìm trong sự thiếu ánh sáng. Bây giờ tôi đã nhìn thấy ánh mặt trời. Ở trên kia, trong lòng xanh hoang vút tận, vài vầng mây trắng trôi lơ lửng.

Tôi cúi xuống để đọc lá thư của Hy, hẳn lại muốn nhắc về kỷ niệm. Những kẻ đi muôn năm luôn luôn biết mình sẽ trở về một khắc. Tôi đứng im để giữ một ý nghĩ vừa tới. Tôi cố tìm về Hy, có một dạo Hy cũng thất nghiệp. Những đêm trăng sáng, hai đứa lủi thủi bước trên con đường đất ngoại ô thiếu ánh điện. Một vài tiệm ăn còn mở cửa, đèn măng-sông đốt sáng, mùi cà-fê thoảng bay với mùi lá mục. Hai đứa đều nghĩ rằng đã trọn tháng trời không ai có một đồng bạc trong túi. Tôi đã nói gì với Hy ? Lý luận của thằng Vinh thế mà đúng : « Chúng mày còn ôm trong tay những hoài bão để làm gì, khi vẫn hai bàn tay

trắng.» Hy đã bỏ đi theo ý muốn của hắn.

Tôi trở lại lòng mình, sự chờ đợi dai dẳng. Những lá đơn xin việc vẫn còn nằm nguyên trong hộp tủ các công tư sở. Ngày tháng cứ qua đi và cuộc đời lầm lũi bước.



Mùa mưa đã đến thật rồi. Người ta cố quên đi những quãng thời gian vừa thụ hưởng. Tôi sống cúi đầu, thỉnh thoảng có viết thư cho Hy và đón nhận hồi âm nhưng không nhiệt thành. Có lần tôi bật khóc giữa lúc viết thư cho Hy. Tôi đọc sách nhiều đề ý niệm Thượng đế, nhưng chưa lượm được nhiều kết quả. Cuộc sống của tôi vẫn sôn sao vẫn chờ đợi, nó tìm kiếm một cái gì muốn gặp, nó đòi hỏi một điều gì rất phức tạp. Tôi đi vào sự căn cỗi của tâm hồn. Mùa mưa làm mất đi những vì sao trên nền trời buổi tối, tôi ngủ nhiều, đôi mắt mọng híp đã thay vào những quầng đen đạo trước. Anh rủ tôi mua vải trắng may quần áo để tôi mặc ngày rửa tội. Tôi được giới thiệu với cha H. người điều khiển lớp giáo lý tân tông. Buổi học bắt đầu vào những chiều tối khi thành phố lên đèn. Trời lạnh và nhiều trận mưa lớn.

Tôi không thể phân tích nổi tôi lúc này. Người ta muốn khám phá không gian bí mật, nhưng người ta có thể khám phá được chính tâm hồn mình không? Cha H. là một người đứng tuổi, nghiêm khắc. Tôi chưa nghĩ tới cha nhiều. Không biết có bao giờ cha bắn khoản tới lớp người đang lên của một thế hệ mới chăng? Xã hội ngày nay đã tạo nên những tâm hồn khủng hoảng. Người ta buồn nôn với chính mình. Tôi vẫn nằm trong trạng thái của một người vừa đi vừa ngủ. Nó đọa lạc quá rồi và hy vọng mỏng manh như sợi tóc.

Buổi học thường tan sau những phút cầu nguyện. Tôi trở về mang nhiều ý nghĩa. Con đường mở dần trong tầm mắt chuyển hướng, những dãy đèn vàng ủa yên phận. Tôi bước đi lầm lũi, nhiều khi tới 9 giờ tối mới mới về tới nhà, mặc dầu con đường rất ngắn.



Tôi gặp Vinh và nói với hắn:

— Tao đang đi trên chiếc cầu mỏng mảnh. Và vực sâu là vùng lửa đỏ, có thể trầm mình lúc nào không biết. Nhưng điều này vẫn tùy ở bàn tay mình, nếu không muốn nói là định mệnh.

Vinh chau mày :

— Mày đi trong thức tỉnh mà sao tâm hồn mày như kẻ còn ngái ngủ.

— Vì cuộc sống vật lộn ném vào mặt tao những hoài nghi đau đớn. Tao cầu Thượng đế...

— Thượng đế ở lòng mày chưa đủ?

— Tao không biết nữa.

Tôi nói như muốn khóc. Hai đứa lặng lẽ quay đi. Hình như Vinh nhìn lên nền trời. Lúc tôi quay lại thì Vinh cũng vừa quay lại. Cả hai cùng linh cảm trong ý nghĩ vừa có một điều gì ngượng ngáp. Vinh bắt tay tôi hơi hột. Đường phố như dài thêm mãi ra và những tiếng động nhỏ dần, nhỏ dần rồi câm nín. Đầu tôi nặng trĩu, tôi lăm lăm trở gót với nỗi buồn tẻ lạnh. Lòng tôi trống không.



Một tháng sau tôi nhận được việc làm tại một tư sở. Tôi ít viết thư cho Hy hoặc có viết thì chỉ là một sự bắt buộc và dần dà rồi thôi hẳn. Tôi cho điều này là một sự thờ ơ của tâm hồn. Lòng tôi đau đờn hồ thẹn. Nhưng thà để sự phũ phàng qua đi còn hơn giữ mãi cho mình những gì giả dối. Lá thư cuối cùng cho Hy tôi viết : « Tao phải sống với tao trước đã Mày cho thế là một sự ích kỷ à ? Mặc, tao đã làm và tao cần đi tới . . . » Tôi gặp cha H. luôn nhưng giữa cha và tôi vẫn đầy cách biệt. Những ngôi sao trời kia dù đang luân chuyển trong vũ trụ, có biết rằng ở quanh mình có cả một khối vô hình đang thôn thức ? Nếu Giu Đa đã hơn một lần bán Chúa thì hẳn chỉ có tội với bản năng của hẳn. Con người quá thấp, kẻ nào tự hào đã cứu thoát một người sắp chết đuối là chính nó đã tự hào với cá nhân của nó.

Chiều thứ bảy tôi gặp Vinh trên phố. Hẳn đứng cạnh tiệm sách, hình như đợi tình nhân. Hai đứa đi giáp mặt nhau mà cùng làm như không hay biết. Tôi buồn bực bỏ về một phố vắng rồi đi vào một quán cà phê rẻ tiền. Nghĩ đã tới lúc cần hút thuốc, tôi tìm bao quẹt, làn khói mỏng trườn lên khi ánh lửa vừa tắt ngấm. Tôi lấy lại sự bình tĩnh thả mắt nhìn quanh. Bên kia, nơi góc phòng gã thủy thủ ngồi tựa cằm thông thả gõ muống lên ly cà phê đen xăm. Cô chủ quán ôm quây hàng nét mặt buồn ngủ nhưng lúc nào cũng sửa soạn để cười. Hai con người ấy đang nghĩ gì trong tâm tưởng của họ ? Tôi bỏ ra về khi trời gần tối. Bộ mặt thành phố không gì thay đổi. Tôi tiếp tục trên con đường nhiều sắc lá vàng, bùn đọng. Hoàng hôn gục đầu, và nắng chỉ còn là một vệt sáng yếu ớt dưới chân trời.

Tôi về nhà hơi trễ. Anh tôi mua cho tôi một cô tràng hạt và quyển sách nhỏ giảng về ý nghĩa xưng tội. Ngân ở Huế về, tới thăm lúc tôi đi vắng và báo tin Loan lấy chồng.

Bữa cơm tối qua đi như thường lệ, tôi ngồi bên cửa sổ hút thuốc. Nền trời thưa thớt sao. Lối xóm vang lên nhiều tiếng trẻ con đùa nghịch. Mấy hôm nay mưa ít, kể cũng đỡ tội nghiệp cho những đứa trẻ bị bó cẳng trong nhà vì những ngày ướt át. Tôi không có cảm giác về Loan, sự dằng buộc giữa chúng tôi đã mất từ lâu, họa chăng chỉ giữ lại ít nhiều kỷ niệm.

Tôi hút thuốc nhiều. Tám giờ tối tôi tới Huyền, Huyền đi vắng.

Gặp Ngân, Ngân đang cho con ăn sữa, thằng bé ngộ nghĩnh, hai tuổi. Nó mở đôi mắt tròn to đen lay láy, nhìn tôi ngơ ngác. Ngân tiếp tôi với sự vồn vã thành thật, có lẽ nàng tưởng tôi còn yêu Loan. Ngân nói :

— Hiền trẻ hơn hồi trước, nhưng hơi buồn. . .

— Chị nói thật hay đùa thế ? chị Ngân.

Tôi nhìn Ngân mỉm cười và muốn bế đứa nhỏ nhưng nó khóc thét. Chúng tôi bỏ ra hàng hiên. Ánh trăng nằm trên mái ngói. Bầu trời như cao hơn và nhạc trôi từ máy thu thanh hồi hã, tiếng hát ngân lên rồi chìm lắng. Ngân kể chuyện với tôi về Loan, về đám cưới sắp tới. Tôi được biết Loan sống trong hi vọng nói những ngày tháng mới, vị hôn phu của nàng là một sinh viên năm thứ hai trường luật, gia đình, bề thế giàu có.

Tôi mỉm cười dễ dãi :

— Họ sẽ sung sướng.

— Nhưng biết đâu cuộc đời sẽ hết ưu sầu. Tôi đã từng sống những ngày thỏa mãn về vật chất. Cho tới ngày nay thì...

Ngân ngừng lại nựng đứa trẻ. Tôi muốn nhìn vào mắt Ngân, trong cái màu hoang long lanh kia còn có những gì khó hiểu. Người ta khổ sở với hiện tại thế sao ? Nhưng tôi không dám ngẩng mặt, cuộc đời tẻ lạnh quá rồi. Tôi lặng lẽ đi gót giày trên đất, những viên sỏi động đập dưới chân.

Tiếng Ngân trầm đều :

— Hiền thành thật với tôi đấy chứ ?

— Sao chị lại hỏi thế ?

— Vì người ta hay dối lòng mình. Tôi muốn khuyên Hiền một điều : đừng để cho tâm hồn sớm già cỗi khi mà mình còn trẻ. Tại sao Hiền không thể thử làm một cuộc phiêu lưu mang theo hình ảnh sự thật. Khi tình yêu đã mất, khi hi vọng mong manh, người ta thường trốn tránh, nhưng người ta không biết rằng cái sự thể tan vỡ cho mình nhiều kinh nghiệm. Tôi cũng đã qua nhiều mối tình thuở còn con gái. Tôi biết tại sao Hiền không tìm tới những người từng chải...

— Chị có những ý tưởng phản lại chị. Chị chưa biết. . .

Đứa trẻ reo lên làm tôi ngừng nói. Vũng nước trên đường in bóng mặt trăng tròn vành vạnh. Ý nghĩ về Thoại — chồng Ngân — cho tôi nhiều câu hỏi. Tôi muốn nói với Ngân một điều nhưng tôi không nói được. Toàn thân tôi như bị một vật gì đè nặng, tôi không nghe tiếng Ngân nói, tôi không nghe thấy gì nữa. Tất cả thời gian và không gian đều ngừng lại như bàn tay tôi buông thõng.

Phải rồi, người ta hay dối giả nhưng người ta có thật thà mãi với cái người ta tưởng người ta thật thà nữa không ? Tôi lại nghĩ đến cha H. Xin đưa tôi ra khỏi mặc cảm, hồi xứ thần màu nhiệm. Loài người

đương muốn làm Thượng đế, họ dục vọng nhiều, họ đương lao dầu đi trong cơn giông bão. Tôi không trách Loan, tôi cũng không muốn kết tội chính bản thân mình nữa.

Tiếng tôi bật lên khó khăn như vừa nghệt thở :

— Chị đừng nói nữa. Chị Ngân, đây này... chị hãy bảo Huyền... tôi không muốn làm chiếc mắc cho người ta treo áo. . .

Tôi nói trong tâm thần mê sảng giữa sự ngạc nhiên của Ngân, rồi tôi bỏ về dưới ánh trăng vàng nhợt nhạt.



Sau đám cưới của Loan, Ngân lại về Huế. Tôi bỏ thành phố đi Hà Tiên không mục đích. Tỉnh nhỏ buồn như cánh đồng sau mùa gặt. Phố cát liền bên bờ sông màu nước xanh thẫm. Bên kia là đồi, những ngọn đồi đầy thảo dã sừng sững vươn mình trong bóng đêm. Tôi đã ở được một tuần lễ, tâm trí chỉ yên tĩnh trong những ngày mới đến. Đứa con gái quen mặt ở Saigon cũng có mặt tại đây. Nó chữa hoang, nó cần trốn tránh dư luận. Mẹ nó tới thăm nó mỗi tuần một lần vào ngày thứ bảy rồi lại trở về Saigon. Tôi thường thấy nó đứng trong cửa sổ vào những buổi chiều tàn, thỉnh thoảng nó bỗng đưa hài nhi và se sẽ hát, tiếng nó vô tội.

Một sự tình cờ cho tôi gặp Nguyễn — người bạn cũ khi còn ở Thái Nguyên. Nguyễn hơn tôi bốn tuổi, hắt bỏ gia đình để dự vào cuộc chiến đấu dân tộc. Hắn say sưa bằng đôi mắt nhìn thẳng mà không hề ngó lại sau lưng.

Có một thời gian dài tôi đã xa Nguyễn, dạo ấy vào khoảng cuối năm 51, tôi bỏ chiến khu để theo gia đình về Hanoi khi tôi cảm thấy một sự ngã lòng vô bờ bến. Tôi còn nhớ hình bóng Nguyễn ở đôi mắt. Một đôi mắt đen sáng đến lạnh lùng. Bây giờ cũng đôi mắt ấy, nhưng tâm hồn kia đã già theo năm tháng.

Nguyễn nắm tay tôi rất chặt :

— Chắc anh còn nhớ...

— Cái gì đã đi qua trong đời mình mà chẳng nhớ. Nhưng bây giờ giữa chúng ta có khác...

Tôi cười to và thấy tiếng mình lạc lõng. Nguyễn khoanh tay trước ngực, đôi môi mím lại, nhìn tôi. Có lẽ Nguyễn đang thầm nghĩ tôi hỏi gì về hắn. Hai đứa đứng dưới bóng cây nhìn chiếc bắc qua sông chậm chạp. Buổi trưa không có nắng, bầu trời xám ngợt tăng thêm vẻ âm thầm của những ngọn đồi hoang dã. Nguyễn cho tôi biết cuộc sống của Nguyễn : làm thợ khắc đồi mồi.

Nguyễn nói :

— Tôi hiện tại như đang sống trong một giấc mơ mà mình thì mở

mắt. Anh vẫn coi tôi như hồi chúng mình mới gặp nhau ?

Nguyễn hình như xúc cảm. Buổi tối tôi về ngủ với Nguyễn. Hai đứa chong đèn suốt đêm nói chuyện. Tôi hồi tưởng lại những kỷ niệm cũ và cảm thấy lòng hoang vắng. Quãng ngày thơ ấu của tôi sớm thất vọng, tôi không muốn nghĩ về nó. Tôi bảo Nguyễn :

— Hình như chúng mình sinh ra cốt để nhận lấy đau khổ.

— Mà lỗi nào phải tự chúng mình.

Nguyễn nằm nghiêng quay mặt về phía tôi. Nguyễn tiếp :

— Tôi đón hi vọng chần chề và tiếp nhận sự thất bại. Anh có biết tại sao tôi chọn nơi này mà ở không : nó có những hình ảnh của quê cũ. Chính nơi trưởng thành ấy, một người chú tôi đã trút linh hồn vì sự nhân tâm của giống người. Em tôi chết vì một việc vô lý, rất vô lý.

Giọng Nguyễn lắng xuống, đôi mắt mờ đi trong ánh đèn Nguyễn kể với tôi về hoàn cảnh của Nguyễn ở Hanoi sau ngày tiếp : những tra xét thành phần, những vụ đấu tố. Cha Nguyễn nằm chết trên công trường giữa những lời sỉ nhục vì liên quan, và ngoan cố (!) Mẹ Nguyễn lo buồn bệnh hoạn mà không một viên thuốc uống.

Có còn gì nữa không? Nguyễn chau mày và úp bàn tay vào mặt. Nguyễn nói:

— Anh có biết khi tâm hồn người ta cần cỗi rồi người ta sẽ thế nào không, người ta chỉ còn tìm tới một con đường cùng tận.

Đêm ấy chúng ngủ giữa hai câu chuyện dang dở.

Chúa nhật tôi bỏ Nguyễn về Saigon vì số tiền mang theo đã hết. Tôi nói dối :

— Mình phải về vì công việc đang chờ đợi.

Nguyễn đưa tôi tới bắc. Hai đứa cầm tay nhau rất lâu cho tới khi chiếc bắc từ từ rời bến. Nguyễn đứng trên bờ hẹn với.

— Nhớ viết thư luôn.

Tôi nhìn Nguyễn gật đầu. Khi tôi nhìn về dãy phố nơi tôi vừa ở, đứa con gái quen mặt đã đứng trong khung cửa sổ từ bao giờ, bàn tay nó giơ lên như đang vuốt làn tóc loà xoà trên vai áo.



Tôi về tới Saigon vào buổi trưa lúc trời mưa nặng hạt, đường phố ngập đầy nước. Khi tôi tới nhà thì quần áo thấm lạnh. Anh tôi có ý phiến trách, tôi không biết nói gì hơn là im lặng. Tôi thay quần áo rồi lại ngồi trong bàn viết. Chán nản tôi đứng dậy ra hàng hiên. Mưa đã tạnh, mấy đứa trẻ lười xóm đang nhảy nhót trên những vũng nước mưa vẫn đục. Tôi trở vào trong nhà tìm giấc ngủ. Trong giấc mơ tôi gặp toàn những người đã chết. Lúc tỉnh dậy toàn thân tôi mệt mỏi mồ hôi ướt đầm.

Tôi nghĩ cần phải đi dạo phố cho tâm hồn ổn định. Tôi tìm lại

quán cà phê quen thuộc. Cô chủ quán vẫn ngồi ôm quầy hàng, nét mặt không có gì thay đổi. Chiếc bàn gỗ thủy thủ ngồi hôm nào bây giờ bỏ trống. Tôi uống vội ly cà phê rồi bỏ ra ngoài, lang thang trên đường phố. Kỷ niệm đầy buồn thảm, từng hình ảnh tuần tự dâng lên. Tôi nghĩ tới bạn hữu: một Vinh, một Nghĩa, một Huyền một Nguyễn. Tôi lại nghĩ tới Loan tới Ngân, đứa con gái có nét mặt u buồn đứng trong cửa sổ căn lầu ở Hà Tiên mỗi chiều nắng tắt. Thạch chết trong bệnh viện. Sau cùng tôi nghĩ tới Hiên tới Tâm ... những ngày của Hà Nội, tim tôi se thắt. Tôi mất đi quá nhiều rồi. Có phải cuộc đời chỉ gặp nhau trong tìm kiếm và trốn tránh giận hờn đấy không? Tôi giơ bàn tay lên và thấy tay mình ớn lạnh. Tôi vội rảo bước, đường phố nhiều sắc lá rụng.

Tôi tìm tới Huyền nhắc lại những truyện cũ. Huyền lạnh lùng, hần nói với tôi câu truyện không liên can gì tới tôi cả. Hần bảo hần cần nhiều thì giờ để học. Hần ước mong thi đậu, làm công chức và sẽ cưới vợ. Thất vọng, tôi tới Vinh, Vinh báo tin Hy đi buôn lậu rồi giết người và hần vừa bị bắt. Tôi trở về với Tâm, Hiên cho biết Tâm bỏ nhà đi trốn với một đứa con gái ngoại đạo tuần trước. Đứa con gái ấy đã đính ước với một người cùng tỉnh và đang sửa soạn ngày hôn lễ. Bác Kim — mẹ Tâm và Hiên — buồn rầu mang bệnh phải vào nhà thương thí.

Hiên đứng với tôi ở cửa, mái tóc nàng đen mượt. Hai đứa nhìn nhau rung rung. Hiên trách tôi sao lâu không lại. Hiên nói :

— Mẹ Hiên buồn vì anh Tâm mà phát bệnh. Hiên cũng đang buồn đây. Anh nhớ thế...

Tôi cầm tay Hiên mà tưởng như hai đứa còn thơ ngây như ngày nào ở Hà Nội. Tôi hẹn với Hiên sáng mai sẽ vào nhà thương thăm bác, chúa nhật tới rủ Hiên đi lễ. Tôi nhìn ra ngoài. Bóng chiều đã tắt tự lúc nào và màn đêm từ từ bao phủ. Có tiếng hát trầm buồn văng lại.

SAO BĂNG

CHỜ SÁNG

NGUYỄN SỸ TẾ

Tôi đã luẩn quẩn hơn 10 hôm nay với bài báo cho tờ Sáng Tạo số này. Những dự định hăng hái nhất trong những ngày nghỉ tết cũng tiêu tan lần lần theo nóng bức và công việc đến ngập đầu. Tôi vẫn nhận chân rằng bận công việc không phải là một lý do quyết định. Đã lâu lắm rồi, tôi thường chỉ viết trong khuấy động mọi bề. Tuần trước, trung thành với chính mình, ngồi vào bàn tôi giở một dự án tác phẩm ra suy nghĩ lại : Tương lai Văn học Việt Nam, Tiểu luận 6 chương Chương I. Nhận định hiện trạng và tìm hiểu nguyên nhân... Cuốn sách vẫn ở trong trạng thái những ghi chú chồng chất lên nhau từ hai năm nay ngày một thêm đen đậm chẳng chịt. Những ý nghĩ, những thắc mắc, những bức bối... và một ngại ngần mới ! Tôi gấp tập tài liệu lại, cất vào đáy tủ và đi tìm một công việc nhàn nhã hơn. Ba hôm sau, thiên tình sử số 1, nhan «Thơ Biền», trong bộ 12 thiên tình sử kim thời hăng ắp ử, viết xong rồi lại xé đi. Mọi sự phải bắt đầu lại, tôi lại bị ném trở về khởi điểm như sự việc từng xảy đến cho tôi và một vài thân hữu. Có người kêu chúng tôi tham lam quá thành ra việc này chưa qua, việc kia đã phát động, để rồi về sau hai công việc đều bỏ dở cho một công việc thứ ba, cứ thế... Chúng tôi không chối cãi mà chỉ cảm thương thêm cho mình. Cũng như bao phen tôi quyết tâm vươn lên trên, vượt ra ngoài mong nghĩ cho đời đề rớt cục tôi lại chỉ sống với đời. Và thế là thay vì một bài khảo luận về Văn học Việt Nam hay Quốc tế hứa hẹn với anh chủ nhiệm (mà có lẽ chính anh cũng quên rồi, nếu tôi không viết dòng này ở đây), tôi lại chỉ có những trang cảm nghĩ tầm thường này để cống hiến bạn đọc.

Đã nửa giờ tôi ngồi trong một căn phòng lạnh của nhà thương Đồn Đất ghi chú vội vàng trên một mẩu giấy trắng mang theo những điều đến với đầu óc tôi. Tôi dừng lại chốc một. Ánh sáng mờ hồ từ vườn bệnh viện dừng lại sau tấm kính mờ vít kín cửa sổ. Tôi không thể nhìn ra ngoài nhưng cũng tưởng tượng ra sự vật bên kia tấm kính : Ánh sáng chắc có những chùm dài chấp nối, không phân bình diện như một bức họa trừu tượng; vòm lá chắc đang suy tư trên ngọn cây và chiếc xe hơi lướt êm trên đường nhựa trong im lặng bao la. Nguyên sự việc như sau. Mẹ tôi theo chúng tôi di cư vào đây thẩm thoát đã hơn bốn năm. Sau 20 năm âm ỷ rồi tạm yên trong khối lửa, bệnh đau mắt cố cựu của người lại tái phát. Mắt người mờ dần. Người ta sợ chẳng bao lâu nữa người sẽ lòa nếu không cũng thông manh. Chỉ còn một phương kế tối hậu là mổ mắt.

Mẹ tôi nói «Cái nếp dòng họ nhà tôi nó như thế». Viên bác sĩ phụ trách đề cho thân chủ của ông suy nghĩ, song vẫn nói một câu: «Xin tùy bà quyết định, tôi không bảo đảm gì hết». Và mẹ tôi đã quyết định lấy một mình như từng quyết định bao việc hệ trọng khác liên quan tới đời người và đời chúng tôi. Người ta đã lấy ở trong mắt người ra một viên cắn động to bằng một hạt đậu. Mắt người được khâu kín và băng bó lại và người ta bắt bà cụ nằm bất động luôn trong 48 giờ trên giường bệnh. Chỉ còn 24 tiếng đồng nữa là người ta có thể biết được kết quả. Tôi đợi anh tôi vào để nhường choa nh cái ghế bên giường mẹ cho một đêm canh thử hai. Đứa con gái lớn lên 6 tuổi của tôi chạy loanh quanh trong hết xó này đến xó kia. Bà nó gọi lại để sờ nó. Nó đến với một sự dè dặt rõ rệt, nâng đỡ, gượng rẹ cái váy xòe của nó. Hình như nó có một ý niệm riêng nào đó về làm đẹp. Người ta bảo nó xinh. Mẹ nó phen nản: «Nó ích kỷ chẳng khác gì con Liz (?) trong phim Bốn cô con gái của bác sĩ March. Tôi ngồi trầm ngâm kẻ hình ảnh hai bà cháu và nghĩ thầm: «Chẳng hiểu rồi đây giữa hai người đàn bà đó có một mối cộng đồng nào không, ngoại trừ mối cộng đồng tình cảm? Cái thế hệ trung gian là thế hệ tôi này liệu có ích lợi gì trong đó không? Tôi sẽ đuổi theo đảng nào, hay phải làm gì để được chủ tình thế?...»

Tôi còn nhớ trong một bài giảng thuyết về Nguyễn công Trứ tại một lớp trung học, tôi có nói: «Uy Viện tướng công đã phá danh vị, danh lợi và đưa ra một quan niệm danh phận; đặc tính của con người - một quan niệm danh thực xây dựng trên tài, đức, chí và sự nghiệp hiển hách của người trượng phu. Quan niệm của ông là một chân lý có một tầm quan trọng đặc biệt trong hoàn cảnh lịch sử nhiều nhượng, phân tán, đảo điên thời ông. Ngày nay tư tưởng của ông vẫn còn là chân lý, nhưng tầm quan trọng của nó có phần suy giảm nhiều. Chúng ta đã có những quan niệm khiêm nhường và rộng rãi hơn về chữ danh. Tại sao đã đưa ra ý niệm tốt đẹp và danh phận, ông Hy văn lại không đưa xa ý niệm tới tận cùng hậu quả luận lý của nó? Tôi kính cần nghiêng mình trước những vàng son lịch sử nhưng hãy để cho tôi gửi tặng những lời này cho những bà mẹ hiền, dâu thảo, những người nông phu, những trang chiến sĩ không tên không tuổi âm thầm sinh ra, âm thầm chết đi mà cuộc đời đã không vô ích trong việc gây dựng dân tộc và trường tồn nhân loại đến ngày nay.» Với một niềm triu mến mệnh mông, tôi nghĩ tới tác giả những bài «Những ý nghĩ cần thiết ngày khai trương» và «Cuối đường.» Không có gì cao đẹp bằng một sự hy sinh thuận tình, hình thức siêu đẳng của Tự do. Tôi biết tôi đã nợ nần mẹ tôi tất cả và chưa làm được gì để trả nghĩa người. Tôi chỉ còn biết sống với bạn hữu, với những người tôi gặp trên đường đời chân thành bằng trọn vẹn tâm tình tôi. Với các em học sinh, ngoài việc làm giàu trí thức của các em trong môn học phụ trách, tôi đã vẫn tham lam muốn gây dựng tình cảm cho các em nữa, nghĩ rằng nền

giáo dục tư tưởng muốn thành công phải bắt đầu bằng nền giáo dục tình cảm. Trong một tập thơ, trên trang đề tặng, một bạn thơ viết cho tôi : « Anh..., tôi bao giờ cũng nghĩ tới anh với một niềm kính yêu trọn vẹn ». Tôi cho rằng sự thất bại đáng kể trong đời tôi sẽ là cái ngày tôi làm sao đó để không còn được xứng đáng với ân tình người bạn. Tôi vẫn ngán sàu những « cái đầu óc chính trị » kia, trong cuộc sống cho riêng họ hay cho thân hữu, vẫn giữ cái lối tệ hại là làm một đảng nghĩ một nẻo ngay trong cả những việc làm mà họ không hề bị ép buộc. Tôi bỗng nhớ tới một so sánh của một nhà văn học Pháp : « Trong khi người Ấn Độ nghĩ một cách đạo đức (*penser moralement*) thì người La Mã đã chỉ nghĩ thành những danh từ chính trị (*penser en termes de politique*). Tri thức ta bị La Mã hóa cả rồi chăng?

Đứa con gái tôi loay hoay mãi không với được cái đĩa hạt dưa ở trên bàn bà Tàu, bệnh nhân cùng phòng với mẹ tôi. Nhà tôi bảo nó : « Sao mày ngốc thế ! Cái bàn thì cao, mày thì thấp, làm sao với được mà với, trừ khi mày có một cái ghế bắc cho cao thêm ». Tôi góp chuyện : « Nhưng mà nó có thích ăn hạt dưa đâu cho cam ! » Mẹ nó tiếp : « Thế nó mới kỳ cục ! ». Tôi nói một mình : « Nó không thuận luận lý với chính nó ! » Nói đến luận lý tôi lại nhớ tới việc một số bạn bè phản nản tôi hay thay đổi nghề nghiệp, thay đổi việc làm. Tôi chỉ trả lời họ : « Nhưng mà có một việc làm mà tôi chưa hề bỏ bao giờ, bạn đã biết. Và lại, đó cũng chỉ là để cho tôi được thuận luận lý với chính tôi. » Tôi vừa nghĩ tới một người bạn đã ngang nhiên bỏ học sau một va chạm ý kiến với giáo sư và nhận rõ thấy cái vô ý nghĩa của một văn bằng. Rồi tôi buồn cho một bạn khác đã cứ cố nai lưng ra mà đeo đuổi một công việc mà anh không tin tưởng. Khi tôi nói luận lý, tôi biết có rất nhiều luận lý. Thầy Tử sản có luận lý của thầy Tử Sản, tên đầy tớ máu mê cờ bạc có luận lý của nó. Tôi ghét hình thức phiến diện để lừa người, tôi ghét thuận luận xa lìa thực tại. Như con bé con tôi nó không thích hạt dưa mà cứ cố với lấy đĩa hạt dưa, có thể nó có cái luận lý của nó : lấy để vứt đi chơi. Luận lý đó là *luận lý vô ích*. Cũng vô ích như cái luận lý của một số người luận lý chỉ để mà lý luận, một xảo thuật chỉ đứng ở một chiều và chỉ làm cho trẻ con đứng ở một phía reo vui, ấy là chưa kể những luận lý giết mình, giết người, giết nhân loại. Tôi đã vẫn ngán một số các ông « đồ ta » và « đồ tây » học ngôn ngữ bằng tự vị và nghiên cứu triết học bằng ngữ vựng, trong khi đó thực tại phồn tạp và lộn xộn thoát không biết mấy. Tôi không phủ nhận giá trị của triết học, tôi không chối cãi địa vị bao trùm của triết học, nhưng sang đến lãnh vực chuyên môn kinh tế, chính trị, xã hội... lại còn có lệ tắc riêng nữa chứ? Những tiến bộ, những phát minh của khoa học chẳng thay đổi cả triết học là gì? Tôi vẫn nói vui đùa với học sinh rằng : « Trong thời đại chúng ta này, các danh từ thường có xu hướng muốn tận cùng bằng

« isme », chúng ta lại mắc phải cái « bệnh danh từ » nữa thì văn học sẽ đi tới đâu ? Một thí dụ : đứng ở phía tả này thấy vật B đặt sau vật A, người phía đó bèn coi B là cứu cánh và A là phương tiện ; ngược lại đứng ở phía hữu thấy vật A xa hơn vật B, người phía đó bèn cho A là cứu cánh và B là phương tiện. Tôi muốn hỏi các em : cứu cánh là gì mà trả lời được cho phương tiện ? Cứu cánh có bao gồm lấy phương tiện không ? Đạt tới cái [gọi là cứu cánh đó người ta có bỏ hết được phương tiện đã giúp tiến tới không ? Chừng nào cái « gọi là phương tiện » còn là cái giàn nương tựa, cái lý sống cho cái « gọi là cứu cánh », thì hai danh từ đó đã bị lạm dụng ! Các em muốn một thứ hợp quần trong không gian rộng rãi, được lắm, khen thay, hợp lý, hợp tình, nhưng các em đã có khi nào nghĩ tới thứ hợp quần trong thời gian nhỏ hẹp là một vài thế hệ chưa ? »

Những lời ghi chú của tôi đến đây bắt đầu lèm nhèm rồi chấm dứt. Đêm đã xuống đậm ngoài tấm kính mờ. Ánh sáng căn phòng nhà thương đã rõ rệt. Khí lạnh do chiếc máy điều hòa không khí cũng thấm thía hơn. Mẹ tôi vẫn nằm bất động. Nhà tôi thử thử nói chuyện với một bà chị họ đã hy sinh vào đây săn sóc một bà di mà chị coi như mẹ. Đứa con gái tôi ngồi co ro, âu sầu trên một chiếc ghế con bằng vải thấp ở chân giường, hai tay thụi lòng chiếc váy. Anh tôi vào, êm nhẹ như một hơi gió thoảng, tay cầm một cuốn tiểu thuyết Mỹ. Đứa con gái tôi reo lên như mừng « giờ giải phóng » của nó. Tôi nhường chiếc ghế cho ông anh. Đêm thứ hai chờ sáng bắt đầu cho mẹ tôi. Đêm canh mẹ thứ hai bắt đầu cho ông anh. Tôi ra về. Tôi, tôi cũng chờ sáng. Nhưng rồi sáng có đến không cho chúng tôi, đó lại là chuyện đến sau. Bây giờ tôi chỉ xin mượn lời bác sĩ đề từ biệt bạn đọc : « *Tất cả còn tùy thuộc. Tôi không bảo đảm gì hết !* »

NGUYỄN SỸ TẾ

BỨC TRANH

SONG LINH

TÔI lấy nhà tôi được gần ba năm thì nhà tôi mất mang theo cả đứa bé hơn ba tháng ở trong bụng. Để lại cho tôi đứa con riêng của nàng mới bốn tuổi. Nàng mất đạo ấy nhằm vào một mùa đông giáp tết, nhưng có khác là năm đó lạnh hơn nhiều. Tôi nhớ rõ lắm, đêm hôm ấy cũng là đêm ba mươi tết như đêm nay, nàng giật lên một cơn dữ dội rồi trút hơi thở cuối cùng. Tôi vuốt mắt cho nàng trong khi chiếc đồng hồ trên tường rè rè điểm đúng mười một tiếng — Chỉ còn một giờ nữa là thiên hạ đón giao thừa. Nhưng có lẽ cái xóm lao động nghèo nàn tôi ở, họ không còn nhớ đến xuân, hay nói khác đi họ không cần xuân cũng được. Xuân đối với họ cũng chỉ là những ngày thường, có khi còn khổ hơn là khác. Họ vẫn ngủ kỹ. Tôi nhìn qua khe cửa, ngoài sân đen như một đĩa mực tàu. Anh còn lạ gì cái đêm củ mật đen tối nhất trong năm như đêm nay, mình tôi cô độc ngồi bên xác vợ trước những ngọn nến vàng chập chờn cháy không đủ soi sáng cho căn nhà tối om. Tôi đau khổ nhìn nhà tôi, lòng tan nát tưởng có thể lịm đi được, rồi tôi gục xuống xác nàng khóc nức nở như một đứa trẻ.

Bên ngoài tiếng mưa tí tách rơi trước mái tranh tôi nghe buồn như chính mưa rơi trong lòng mình. Gió nhẹ nhẹ và lạnh lùa vào khe cửa rét tê, làm những ngọn nến ngã rạp xuống như muốn tắt.

Tôi cố lắng cả giác quan vào yên tĩnh của đêm đen để thông cảm với linh hồn nàng. Chỉ thấy da nàng toát lạnh. Mùi tử khí phát ra từ người nàng, khiến tôi có cảm tưởng là hương thơm của da thịt, những khi tôi mê man ôm nàng vào lòng ân ái. Và không hiểu sao lúc ấy tôi tưởng nàng vẫn sống. Tôi nhớ tới những lúc nàng giặt quần áo cho tôi mệt mỗi nằm nghỉ trên giường, tôi thường ngồi ghé bên cạnh an ủi và hôn lên miệng nàng. Nghĩ vậy quên cả sự chết của nàng, tôi ôm chặt lấy xác nàng gọi không ra tiếng và môi tôi tìm môi nàng, cặp môi lạnh lẽo như một miếng thịt ươn. Nàng vẫn trơ trơ không nhúc nhích. Thì ra chỉ có tôi còn sống, mà nàng thì đã là một cái xác.

Nhà bên cạnh có tiếng võng đưa như tiếng nghiêng rặng của người ngủ mê quen tột. Tôi rùng mình ngẩng lên nhìn nàng chăm chăm không hề chớp mắt. Lại có tiếng ngái ngủ rư con ời ời từ xa vọng lại não nề. Đêm dài quá anh ạ. Trên trần nhà một vài con mối đuổi nhau qua các ô mành nhện bị gió lay động.

Lúc ấy tôi đã bình tĩnh lại. Tôi triu mến cố tìm lấy một hình ảnh duyên dáng trên khuôn mặt của nàng, nhưng hết rồi anh ạ. Nàng đã đánh

mất cả vẻ đẹp ngày trước hay đúng hơn thì bệnh tật đã cướp hết sắc đẹp cùng với linh hồn nàng về cõi chết. Và bây giờ thì nàng đang ngủ trong lúc chúng ta nói chuyện về nàng.

* Nàng ngủ mãi và giấc ngủ của nàng không còn mộng mị.

Tôi quên không nói với anh là nàng chết vì bệnh tetanos, nên thân người thì vàng và gầy như một cành cây cằn cỗi, chân tay bé như cẳng gà, những bắp thịt nẩy nở trước kia không hiểu hao mòn đi đâu mà nhanh chóng quá. Đặc biệt nhất khuôn mặt khả ái của nàng ngày xưa tròn trắng, thì lúc ấy sao nó nhăn nhoe và vàng như da quả soài chín nẫu. Miệng nàng qua những cơn giật kinh khủng méo đi. Trông xấu và đáng thương đến ghê sợ. Anh còn lạ gì tôi nữa — con người lãng mạn lúc nào cũng quý mến và tôn trọng cái đẹp tuyệt đối, mà thấy nàng xấu đi một cách ghê sợ hẳn phải đau khổ đến bậc nào. Mà đau khổ thì sinh ra nghĩ ngợi nhiều. Quả tình tôi nghĩ cần phải làm nàng đẹp lại trước khi đưa nàng tới nơi an nghỉ cuối cùng. Chắc anh cho tôi điên, nhưng không đâu, tôi tỉnh lắm, có tỉnh mới nhớ ra cây hồng của nàng trồng đằng sau nhà trước kia, bây giờ đã có mấy hoa. Tôi để xác nàng nằm ngủ với những cây nến thắp đang khóc. Rồi cầm chiếc đèn hoa kỳ, tôi mở cửa lần ra ngoài mưa tìm đến gốc cây hồng, hái một bông hoa vừa độ nở. Anh có thể đoán tôi sắp làm gì rồi. Phải sau khi hái hoa, tôi khép cửa lại, đuổi gió lạnh ra đêm đen, rồi vào đặt bông hoa lên miệng nàng. Bông hoa còn đọng sương đêm và nước mưa, trông mịn và đỏ thắm như nàng thoa son ngày trước. Rồi không hiểu vì còn tươi nhựa sống hay vì hơi nóng của nến, hoặc vì sinh khí còn đọng ở miệng nàng mà bông hoa cứ từ từ nở ra anh ạ. Nếu không nở thì cũng có thể lúc ấy óc tôi bảo tôi rằng hoa nở.

Tôi nhìn hoa nở có cảm tưởng nàng đang cười trong khi ngủ mơ, và lúc đó vành môi méo của nàng không còn ám ảnh tôi nữa. Tôi có đủ bình tĩnh để thương tiếc nàng và để tưởng tượng. Trước ánh nến lung linh tôi thấy mắt nàng chớp, rồi chân tay nàng cử động thật.

Tôi sung sướng quá cúi hôn nhẹ lên môi hoa của nàng, tự nhiên tôi liền tưởng tới hình ảnh thanh tịnh ngày còn nhỏ. Khi ông tôi luộc xong một con gà vàng ngậy, đặt lên mâm sồi trắng dẻo đem ra đình lễ, lại sai tôi ra vườn hái một bông hoa hồng gài lên mỏ con gà cho đẹp. Cái ý nghĩ ngộ nghĩnh ấy chỉ kịp thoáng qua trong tâm hồn chắt đầy đau khổ của tôi, như một tia sáng loé giữa vòm trời lúc giông bão rồi biến ngay. Tôi chỉ còn biết thương tiếc nhà tôi thôi. Con người khi yêu thiết tha bao nhiêu thì lúc thương nhớ lại càng nặng bấy nhiêu. Tôi không hôn nàng nữa, mà ngồi ủ rũ nhớ lại kỷ niệm ngày thơ ấu của tôi với nàng. Mắt tôi khô lệ nhưng còn những ngọn nến và cái xác nàng in sâu trong ấy. Cuốn phim kỷ ức quay lại đứt đoạn trong tiềm thức tôi. Xa xa tiếng pháo đón xuân tung bừng nổ, tiếng chiêng

trống ở miếu đình và tiếng chuông nhà thờ rung lên rộn rập vọng đến tai tôi.

Ngày ấy, xa lắm rồi, bây giờ chỉ còn là một hình ảnh rất mờ, khó mà nhớ hết được. Nhưng tôi cố nhớ để nói cho anh nghe.

Cách đây hơn 15 năm, tôi còn là một đứa bé lên tám, đầu tóc mượt mà, mặt mũi chân tay trắng trẻo. Tính tình ngoan ngoãn dễ yêu, học lớp ba trường làng — gọi là trường làng cho tiện chứ thực ra quê tôi ngày ấy chưa có trường. Nhân gặp loạn lạc một gia đình người Hà nội, có hai ông bà già với một cô con gái 16 tuổi, tản cư về xóm tôi, rồi mua lại cái nhà lá của bác tôi để trú thân. Trong thời gian khói lửa, của cải đem đi không được bao nhiêu, mà lại ngồi không ăn tiêu hàng mấy năm trời, chẳng mấy lúc gia đình ấy trở nên túng bấn hơn gia đình chúng tôi.

Hắn vì cũng có ít chữ nghĩa, cô con gái liền mở trường dạy học để giúp gia đình độ nhật. Bởi thế tôi được tiếp tục học lại lớp ba (trước kia tôi đã học lớp ba nhưng bỏ dở). Nhà tôi ở sát cạnh nhà cô giáo, nên cứ đến giờ ra chơi là tôi lại chạy về nhà vò mệ quả bánh. Trong số hơn 20 đứa học trò chỉ mình tôi là được cô giáo yêu mến hơn cả. Cô coi tôi như em cô, trái lại tôi cũng mến cô như chị ruột. Mỗi khi đi đâu về cô thường mua kẹo gọi tôi sang cho, hoặc có thức gì ngon cô cũng để dành phần cho tôi. Đôi khi tay tôi bẩn mực hay lấm đất cát, cô bắt tôi đi rửa sạch rồi mới cho. Cũng có lần cô cầm tay tôi lâu lắm rồi nhìn vào mặt tôi cười yêu mến. Tôi cảm thấy một cái gì khác lạ nẩy nở trong tâm hồn non nớt của tôi, và từ đấy tôi thích được cô giáo cầm tay. Tôi thích thì tôi lại càng cố ý nghịch ngợm đất cát để cô giáo săn sóc đến tay tôi. Có một chiều tôi cùng cô đi chơi trên bờ sông Tiên. Gió mặt sông đưa lên mát rượi. Trong bóng chiều vàng nhạt, tôi thấy tóc cô bay quện vào cặp má đẹp, mắt cô có vẻ mơ màng. Có lẽ lúc ấy cô không nghĩ đến tôi đang đi cạnh, cô nghĩ đến một sự gì khác lạ. Tôi hơi tức, giả vờ ngồi xuống phụng phịu gọi cô :

— Cô ơi ! Giắt em mấy, em mỏi chân rồi.

Cô ngảnh lại cầm tay tôi cười nói :

— Con trai sao yếu thế, thôi đi cô giắt. Rồi nhìn bàn tay tôi cô nói tiếp :

— Từ giờ em phải rửa tay sạch nhé, nếu không cô không yêu nữa đâu.

Tôi yên lặng gật đầu, cô đập nhẹ tay tôi rồi nói :

— Sao em không lớn như cô, nhỉ ?

Câu nói ấy mãi tới sau này tôi mới hiểu. Song ngày ấy trí non nớt của tôi chỉ bảo tôi ngoan ngoãn yên lặng, mà không hiểu ý nghĩa của

nó. Từ đó tôi chịu khó rửa tay lắm, nhưng thỉnh thoảng vẫn bị mực dây vào. Cô giáo ngày nào cũng khám tay học trò, trông thấy tay tôi bẩn lại bắt tôi dơ bàn tay nhỏ bé ra thưởng cho mấy thước đau quắn. Đánh xong cô làm mặt giận nói với tôi :

— Nếu Nguyên còn nghịch bẩn nữa thì nhất định cô không chơi với nữa đâu.

Tôi vâng lời, và càng ngày càng yêu cô hơn. Đêm ngủ tôi thường mơ thấy cô cười.

Nhưng bỗng một hôm cô không đi chơi với tôi nữa, cô đi một mình và mặc cả áo dài màu xanh da trời. Mặt cô hình như có phần hồng, tóc cô chải mượt bồng lên khác với ngày thường. Trước tôi cứ tưởng cô đi đâu có việc nên không đòi theo, sau thấy chiều nào cô cũng đi ra phía cánh đồng. Tôi buồn bã đứng tựa gốc khế nhìn theo, thì lạ thay khi cô gần đến ngôi mả xây trên cái gò cao có cây mọc xanh um, lại có một người mặc quần áo tây chạy ra đón. Rồi hai người dắt tay nhau đi khuất vào ngôi mả. Tôi đứng lặng nghĩ ngợi, phục cô không sợ ma dám ra đấy chui vào mả người ta. Tôi cho cô có phép lạ, chứ có biết đâu cô đến đó ngồi ân ái với tình nhân. Khi ấy tôi chỉ nghĩ tức bực cô đã cầm tay kẻ khác mà không cầm tay tôi nữa. Tôi rình mãi đến khi chiều tắt sau những gò đồng trên cánh đồng mới thấy cô về. Trong những đêm trăng sáng, tôi đem chuyện đó ra nói cho chúng bạn nghe. Chúng nó bảo hay cô giáo là ma. Từ bấy giờ tôi cứ sờ sợ cô thế nào ấy. Mãi sau này tôi mới biết cô có người yêu. Nhưng hồi đó cô đã về thành rồi. Tôi nhớ có lần cô ở ngoài đồng về gặp tôi, tôi hỏi cô đi đâu mà ra đấy thì cô ngập ngừng bảo :

— Em còn bé không được tò mò, sau lớn sẽ hay.

Nói xong cô sợ tôi tủi thân nên lại cầm tay tôi âu yếm :

— Giá em lớn bằng cô thì thích nhỉ.

Tôi ngây thơ trả lời :

— Thế thì em phải ăn bốn bát cơm cho chóng lớn cô nhỉ.

Cô cười hỏi :

— Thế mỗi bữa Nguyên ăn mấy bát ?

Tôi khẽ đáp :

— Mỗi bữa Nguyên ăn ba bát đầy ụ.

— Ừ Nguyên phải ăn nhiều, ăn bốn bát thì mới chóng lớn như cô được. Rồi cô dắt tay tôi yên lặng bước đi. Trăng thượng tuần sáng mờ mờ cong như cái lưỡi liềm treo trên ngọn cây gió động. Cô nhìn trăng giọng buồn buồn bảo tôi :

— Thế nhớ cô đi nơi khác thì Nguyên có nhớ cô không ?

Tôi đáp :

— Nguyên có nhớ, cô cho Nguyên đi theo.

Cô cúi xuống hôn tôi :

— Nguyên ngoan lắm, thôi về học bài đi, mai tôi mua kẹo cho.

Quãng ngày thơ ngây vui tươi ấy chỉ ở với tôi có gần một năm thôi. Rồi bỗng một hôm — một hôm ngoài tết, khi những lá đào trước cửa nhà cô và nhà tôi bắt đầu rụng lác đác xuống sân. Tôi thấy nhà cô có nhiều người ra vào tấp nập, và xác pháo nhuộm đỏ cả thềm. Giữa khói pháo quện khói hương tản mạn bay, có một toán người ăn mặc sang trọng rước cô ra khỏi đầu làng, rồi đi xa và khuất hẳn. Người trong làng ra xem đông lắm. Họ bảo cô đi lấy chồng.

Cô đi rồi, ngày hôm ấy tôi buồn lắm, chẳng thiết gì cả, và đêm đêm tôi úp mặt vào chăn khóc ảm ức.

Ngày qua, năm tháng qua. Tôi đã thành một họa sĩ. Một hôm đang đi phố, tôi bỗng gặp một thiếu phụ đầu chít khăn tang, nét mặt nàng trông gầy xanh nhưng thanh tao trong sáng lắm. Một hình ảnh xa xôi chợt thức dậy trong tiềm thức tôi, tôi ngờ ngợ đứng lại nhìn nàng. Nàng cũng ngàng ngờ nhìn tôi, rồi nhận ra tôi trước nàng khẽ gọi :

— Cậu Nguyên cậu có nhớ tôi không ?

Tôi gật đầu sung sướng :

— Kia cô giáo !

Cô cười nói :

— Dễ thương đến hơn 15 năm rồi còn gì !

— Vâng xa quá rồi, không ngờ tôi lại còn gặp cô.

Lúc ấy thì chúng tôi đã xưng hô với nhau khác rồi anh ạ. Cô gọi tôi bằng cậu chứ không bằng em như hồi còn là học trò lớp ba của cô nữa. Trái lại tôi vẫn gọi cô bằng cô nhưng đã xưng tôi.

Gặp nhau chúng tôi mừng quá, đem tất cả những chuyện xưa cũ kỹ ra kể cho nhau nghe. Chúng tôi nói liên miên không đâu vào đâu. Sau tôi hỏi thăm chồng cô, cô buồn rầu bảo :

— Nhà tôi mất đã hơn năm nay.

Tôi lại hỏi :

— Thế bây giờ cô làm gì ?

Cô thở dài nhẹ nhẹ, trả lời chán nản :

— Cũng chưa biết nên làm gì.

Sau nửa buổi hàn huyên, bảy giờ trời đã về trưa, cô vội từ giã :

— Thôi xin phép cậu, tôi phải về không cháu bé ở nhà mong.

Hôm nào có rỗi cậu lên chơi. Tôi ở số.....phố hàng Đào.

Qua buổi gặp gỡ, thỉnh thoảng tôi lại đến thăm cô giáo cũ của tôi, và thỉnh thoảng khi tiện đi đâu cô cũng tạt qua thăm tôi. Có lần tôi dẫn cô vào phòng vẽ chỉ cho cô xem những họa phẩm mới sáng tác của tôi. Cô nhìn tôi có vẻ thán phục lắm — hẳn cô cũng nghĩ không

ngờ một đứa học trò nhỏ bé của cô khi xưa nay lại tài hoa đến thế. Tôi để ý thấy mắt cô buồn và đẹp một cách lạ lùng.

Cứ thế chúng tôi càng ngày càng chăm đi lại thăm nhau, và những tác phẩm mới của tôi hầu hết vẽ về cô. Những cái nhìn cũng bắt đầu đổi khác. Có một dạo chúng tôi thấy cần gặp nhau luôn, mỗi ngày ít ra phải một lượt, nếu không thì cảm thấy mình như thiếu thốn một sự gì, và bứt rứt khó chịu lắm.

Anh có thể tin rằng tình yêu đã đến với chúng tôi không. Đúng vậy, một lần tôi đánh bạo hỏi nàng.

— Cô có tin là ái tình có thể vượt khỏi tuổi tác không nhỉ?

Nàng ngập ngừng bảo tôi :

— Như cậu thì không hiểu, chứ theo tôi thì ái tình không cần phải phân biệt gì cả.

Tôi sung sướng tiếp thêm :

— Tôi cũng nghĩ vậy, tình yêu là thứ tình do chính tim con người rung động. Tuổi tác và ngoại vật chỉ là phần phụ nhỏ mọn.

Nàng yên lặng trong khi tôi lấy hết can đảm nói một câu :

— Cô có thể tin rằng ở đời này, có ai là học trò mà lại yêu cô giáo không?

Nàng cười gượng đáp :

— Thế là thường.

Lòng tôi rung động, mắt tôi nhìn miên man lên mặt nàng, như muốn thôi miên nàng, cần ngấu ngiến cái vẻ đẹp hiền dịu và uống hết lời nói trong trẻo của nàng. Tôi khẽ tỏ lộ với nàng :

— Hiện giờ tôi đang tha thiết yêu một người đàn bà, mà người đó chỉ ngồi cách tôi không đầy nửa thước.

Nàng cảm động chớp mắt :

— Có thể người đó cũng yêu lắm.

Dứt lời nàng vội vàng đứng dậy làm bầm :

— Chúng ta hiểu cả rồi.

Thế rồi không đầy nửa tháng chúng tôi lấy nhau thật. Tôi lấy cô giáo đã dạy tôi — nàng hơn tôi tám tuổi — và bây giờ nàng đã chết.

Hiện nay lòng tôi vẫn không sao nguôi được sự thương tiếc đau khổ. Càng thương tiếc bao nhiêu thì tôi lại càng hối hận mình đã tệ bạc với nàng bấy nhiêu, mặc dù sự đó chỉ là một điều nhỏ mọn. Có gì đâu anh, chúng tôi lấy nhau được hơn hai năm thì một buổi trưa, tôi đang mơ màng ngủ, bỗng nghe thấy nàng thì thầm mắng đứa con riêng của nàng :

— Tâm, ai bảo con dám vẽ bậy vào tranh của cậu thế kia, cậu dậy bây giờ thì chết.

Tôi giật mình mở choàng mắt rồi vội vàng chạy ra xem. Bức tranh mà tôi ưng ý nhất đang vẽ dở bị thằng bé bôi đầy cả mực lên. Tôi

cáu quá vớ lấy thanh thước vút cho thẳng bé mấy cái quần đit. Nó đau quá khóc òa lên, mẹ nó chạy lại vội ép nó vào lòng rồi nói nựng :

— Ai bảo con nghịch dại, thôi nín đi. Ra xin lỗi cậu mau không cậu đánh chết bây giờ.

Tôi quát lên :

— Không tội lỗi gì cả, ngồi chường xác ra mà thấy nó nghịch cũng cảm khẫu không thêm bảo nó.

Nàng chớp mắt rồi dơ tay khẽ phân trần :

— Em đang bận giặt quần áo ở dưới nhà, lúc lên thấy con nó đã nghịch rồi, thôi con nó bé chót dại, cậu tha cho nó.

Tôi lại càng tức giận, mà không hiểu sao lúc ấy con tức ở đâu lại đến với tôi đột ngột đến thế. Hay vì nàng là đàn bà nên tôi làm già, Thật chỉ tài bắt nạt vợ.

Tôi mắng nàng :

— Thôi đừng bênh nó nữa, làm hỏng cả bức vẽ công trình của người ta. Có mấy bộ quần áo thì ngồi chầy thấy ra mãi chẳng xong ; dắt nó cút đi đâu thì đi đi.

Nàng ngọt ngào xin lỗi tôi mãi không được đành ngồi ôm mặt khóc thút thít. Thằng bé thấy vậy cũng nem nép vào cạnh mẹ. Như mọi khi có lẽ tôi đã nguôi và xin lỗi nàng rồi, song lần ấy thấy nàng khóc tôi lại càng tức lộn ruột. Tôi cho rằng đàn bà chỉ được cái thói lảm mồm mau nước mắt. Con tức thường xui người ta đến chỗ mù quáng, nên tôi thấy cái gì nàng cũng lỗi, và bạ cái gì tôi cũng có thể đem ra xỉ vả nàng. Rồi không hiểu mình điên đến độ nào mà tôi dơ thẳng tay tát mạnh vào mặt nàng một cái. Nàng ngã chúi đi xong lại lồm cồm bò dậy bụi lại mớ tóc. Tôi thấy nàng nước mắt vòng quanh lại càng tưởng mình có lý. Mà quái lạ lúc ấy trông nàng sao lại dơ dáng đến phát ghét lên được. Tôi nhục mạ nàng thậm tệ :

— Đồ ăn bám, đồ thừa thãi biết điều thì cuốn gói xéo đi, đừng ngồi đấy trông dơ mắt lảm.

Nàng chỉ ôn tồn bảo tôi :

— Nếu cậu không thương mẹ con em nữa, mẹ con em xin đi nơi khác, cậu không cần phải nhieếc mắng mẹ con em nhục nhã đến thế.

Tôi vào nhà lấy mũ rồi đi vội ra đường. Trước khi đi tôi còn nói :

— Muốn sống lấy sơn trắng quét trả lại bức vẽ đi, rồi muốn đi đâu thì đi.

Ra ngoài đường một lúc, cơn giận của tôi bớt hẳn. Bảy giờ tôi mới cảm thấy mình tệ bạc quá. Tôi hối hận quay về. Trên đường tôi bước nhanh như kẻ ăn cắp, bụng nghĩ thầm chỉ sợ nàng đi mất. Về đến nhà tôi thấy nàng đang cúi húi cầm pinceau quét sơn lên tấm tranh. Tôi treo mũ lên mắc, lòng cảm thấy ngượng ngập thẹn thùng. Mãi một

lúc lâu tôi mới làm lành với nàng :

— Con đi đâu rồi em ?

Nàng ngược nhìn tôi, mắt vẫn còn ngấn lệ :

— Con nó chơi ở dưới bếp.

Tôi ra đóng cửa lại, rồi vào cầm lấy tay nàng khẽ bảo :

— Thôi để anh vẽ lại, em mệt đi mà nghỉ.

Nàng áp ứng như người nấc :

— Đề em sơn lại giúp anh.

Tôi giăng lấy bút vẽ quăng xuống đất, rồi cúi xuống bế bổng nàng lên đặt xuống giường, tôi ngồi vuốt lại tóc nàng, xin lỗi :

— Lúc nãy anh quá nóng — em tha thứ cho anh.

Nàng chớp mau cặp mắt, rồi tủi thân khóc thút thít. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên má nàng :

— Thôi Hà ơi, anh nhận lỗi rồi, từ giờ anh không nóng nữa. Em có còn yêu anh không ?

Nàng yên lặng nghẹn ngào, rồi từ từ quay ra cầm chặt lấy tay tôi đặt lên ngực, đoạn khẽ hạ hàng mi ướt lệ gạt đầu.

Từ giờ phút đó trở đi chúng tôi càng yêu nhau tha thiết hơn. Nhưng nào cuộc đời có êm đềm mãi mãi. Tình yêu và hạnh phúc ấy chỉ cho chúng tôi hưởng rất ngắn.

Chẳng bao lâu nàng bị bệnh rồi mất. Khi mất nàng không nói với tôi được nửa lời. Nàng mất được độ ba bốn tháng thì cháu Tâm cũng bị bệnh, có lẽ nó nhớ mẹ nó. Tôi lo lắng chạy chữa mãi mới khỏi, nhưng lúc khỏi cháu lại bị cấm khẩu không nói được nữa. Năm nay cháu lên bốn, chỉ còn bốn năm nữa là cháu học lớp ba như tôi ngày xưa. Và nếu nhà tôi còn sống thì tết năm nay nàng vừa đúng 34 tuổi.

Bây giờ lắm lúc ngồi thương tiếc lại chuyện cũ, tôi thấy mình hối hận không thể tưởng được.

Có khi tôi nghĩ và ước ao mình bé lại làm cậu học trò lớp ba ngày xưa, hay nghịch bẳn để nàng cầm lấy tay mà đánh cho mấy thước kẻ, như tôi đã đánh cháu Tâm hôm cháu làm hỏng bức tranh.

SONG LINH

AO ƯỚC

Thế nào thì rồi cũng phải chấm dứt
 Như cuộc hành trình vào còn đường đến dãy núi ngang
 Tôi sẽ đứng lại
 Tôi nằm xuống
 Khối óc không còn nguyên
 Giây thần kinh vừa vụn nhão
 Đôi mắt đã hoang hoàn toàn hết sắc màu
 Hai cánh tay chết cứng còn dơ cao
 Như nói chưa hết
 Và cẳng chân nghiêng mỗi mệ
 Tôi đã chết.

Lịch sử qua tuổi tôi
 Như những trận độn hãn
 Bao giờ bay hết được
 Tôi vẫn nhủ âm thầm
 Kỷ niệm sẽ phai ư
 Tôi nhớ tôi đã bỏ
 Phố cũ mái nhà xưa
 Tôi nhớ bỏ cố đô
 Như một cuộc đời trước
 Tôi nhớ qua sông nước
 Những chiều giạt mình xem
 Quang cảnh trắng rồi đen
 Khiến linh hồn khóc nức.

Thế nào thì rồi anh cũng phải nhắm mắt
 Bộ mặt có còn nguyên vẹn chẳng?
 Chắc hẳn người ta sẽ ngạc nhiên vì nó méo mó
 Nhưng anh chỉ mong sẽ nằm trong cỗ áo quan
 Để được em đưa về Hà Nội cũ
 Hồn anh không còn muốn nhớ
 Một chút gì dù biết rằng lịch sử đã qua tuổi anh
 Anh nhắc lại : như những trận độn hãn.

Anh sẽ được về chứ ?
 Trong nghĩa địa ngoại thành ?
 Anh phải đi vòng Hoàn Kiếm hồ
 Nghe mùa Thu qua mảnh liễu phất
 Hãy đặt anh nằm quay mặt về Đống Đa
 Để anh nghe mùa Xuân đến Trung Liệt thét.

MAI TRUNG TĨNH

HÀNG XÓM

Bao người yêu cũ đi vừa hết
 lòng bồng hoang-vu tựa quán nghèo
 muôn thuở tay ngà xa cử dật,
 cái gì quên mất chả đem theo ?

Thua về khu phố làng-da-đỏ,
 nhà núi lênh-đênh tấp lối gầy ;
 gió tụ đầu đường, tan cuối ngõ,
 đêm dừng, chẵn mông khép hồn vơi

Cửa-sổ đầu giường đóng nặng gió,
 hoàng-hôn bay lá tự cây nào ?
 chân trời hững mặt-giai-nhân-khóc,
 gác bụi đèn thăm vọng lối sao...

Về đây chôn cất một tình yêu,
 thu xếp tâm-tư đã rất nhiều ;
 hồn chả ai đóng mà vơi quá...
 buồn rồi không biết cất vào đâu !

Nhà ai hiên gác vắng quanh năm ?
 đếm giọt ti-gôn rung trước rèm...
 đâu bảo một nàng thơ mộng lắm ?
 vì rằng trong mái có lồng chim.

Nhiều sớm heo may, bừng mắt dậy,
 nắng qua cửa sổ, nắng lên màn :
 then song vờn nét tranh-hình-khối,
 con sáo trong lồng lại hót sang.

Người bên gác bụi ngó qua song,
 chim ở hiên xanh nhẩy đánh vòng.
 Người huyết sáo sang, chim hót lại...
 khi người đi vắng, chim buồn không ?

Một sáng vô tình người dậy sớm,
 nắng còn e-then rẽ đường sương ;
 chim đang dẫu mặt trong lồng ấm,
 ai víu cành lê rủ góc tường ?

Em đẹp nhìn xa ngoài vũ-trụ,
 tóc chiều hơi-thở-đóa-hôn-dầu ;
 da đào trôi lịm như niềm ngủ,
 hiên bướm-hoa-qui-nâng-gót-châu !

Làm sao quên hết người yêu cũ ?
 như vẫn lòng son đến tận giờ,
 ở gác lan-đình, hàng xóm có :
 chim huyền, hoa trắng với em thơ...

LAN ĐÌNH

DẠ KHÚC

I

Đêm không dưng lạnh ngoài cửa sổ
 Mùa đã gọi dậy tháng xuân về
 Những đêm mà sao rơi như mưa
 Quyến lầy chân anh
 Em ơi ngoài kia là bóng tối
 Như dĩ vãng tuổi ấu thơ chúng ta

Cánh đồng cỏ hoang mùa xuân phẳng lặng
Buổi chiều xám không ánh nắng
Chút heo may hơi thở
Loài côn trùng nào độc ác
Như đôi mắt em nhìn
Vò xé trái tim anh
Nối buốt hai bàn tay vào lửa
Cháy hết linh hồn
Cho kẻ độc hành hết đời lang thang
Đi một mình tro troi.

II

Em sẽ chẳng thức dậy tình cờ
Chiếc áo len đen
Ngủ giữa trán vùng tóc rối
Buổi chiều đã gọi hơi
Giống những giọng chuông buồn bã
Chính giờ này tay anh còn cảm giác một lần
Trong tối âm u chỉ mắt còn trong
Nhìn rõ thấy một lần
Em như hiền từ loài cỏ may yếu đuối
Hồi những đám linh hồn
Thở than ngoài mộ địa
Hồi em lửa đốt trái tim anh
Hãy ngủ những ngày đông dài không trở dậy
Không ai ngoài cửa sổ
Vì buổi chiều anh đi
Không ai nhìn từ già
Mưa lạnh lòng
Em đã nằm rên xiết thân thể anh
Mỗi giây mỗi phút
Không nổi đòn đau nào hơn nữa.

III

Em là bóng ma em biết không
Anh yêu iden cuồng sợ hãi

Một cây kim đâm giữa tim
 Thân thể anh thành biển
 Những sóng cuồng vạm vỡ
 Em là nỗi buồn nỗi nhớ
 Kẻ khóc một mình ngoài sa mạc
 Nỗi buồn dẫn anh vào bóng tối không tha
 Hãy kể những ngày đó
 Như tội lỗi hình ảnh êm đềm
 Anh ôm ghì vào dĩ vãng
 Thở lấy chút hơi tmi kiếm không thôi
 Và chút hương kỷ niệm.

V

Em ơi chẳng bao giờ tình yêu tuyệt vọng
 Như lúc anh đi
 Gió tháng mười, tối khua rèm cửa
 Trong những phút lạnh lùng
 Nỗi trống trơn gian phòng cũ
 Mỗi ngày thêm sự vắng mặt của em
 Nỗi trống trơn không bao giờ hết được
 Hai cánh tay anh mệt mỏi
 Sự ấy biết bao giờ
 Chỉ còn đêm vây anh những giấc mơ
 Mũi dao tàn phá
 Tứ chi anh quờ quạng
 Mồm anh là thảm thiết
 Vì sự yên lặng kinh hoàng
 Anh rơi vào vực thẳm
 Tua tua giáo móc yêu tinh
 Và chết âm thầm
 Hồn anh sẽ đi đâu
 Kẻ lang thang phiêu bạt
 Loạn ơi !

VI

Bây giờ mùa xuân gọi thảo hoa trở dậy

Mặt biển êm dềm
Chút dưng luồng gió độc
Lạnh lẽo trái tim côi
Sao em đã xa những con đường hoa thơ dại
Không hứa hẹn gì
Một sáng mai yếu đuối
Cỏ may đầy năm mộ linh hồn
Vì em sự từ giã lạnh lùng
Hủy thiêu hai tuổi trẻ
Mà bằng chứng vào cuộc đời trống không
Buổi mai như bóng tối đầy
Ngón tay móng sắc
Làm thương tích giữa môi anh
Như một loài quạ đen đáp xuống từng hàng
Cuốn thân thể anh đi
Rất xa em mãi mãi.

(tháng ba 1959)

PHẠM NGUYỄN VŨ

ĐOÀN NGƯỜI HÓA KHÍ

Truyện dài của DOÃN QUỐC SỸ

PHẦN 1

MỘT CHÚT ÍT LỊCH SỬ

CHƯƠNG 1

QUẦN ĐẢO HỒNG SA

N G O À I khơi Thái-bình-dương, phía dưới Hoàng Hải, vào khoảng giữa Bắc vĩ độ 20 và 30 có một quần đảo rộng chừng 400.000km² gồm sáu đảo chính rất sát nhau. Một đảo lớn nhất ở chính giữa, năm đảo nhỏ hơn hợp đều ở năm phía như một đóa hoa mai năm cánh. Đó là quần đảo Hồng Sa, thủ đô là Bình-Lưỡng thiết lập ở chính đảo giữa.

Quần đảo Hồng Sa chia làm bốn miền thiên nhiên :

Miền Bắc có hai rặng núi cổ song song, trong đó có một ngọn núi lửa còn âm ỉ. Trước đây hơn một trăm năm, vùng đảo này trải qua một trận động đất kinh khủng, rồi tiếp đó núi phun trong ba tháng liền. Trong trận động đất và núi phun sau cùng mà không phải cuối cùng đó có tới hai vạn người chết, còn nhà cửa của cải bị thiệt hại không biết đâu mà kể.

Miền Tây có bốn rặng núi cổ, bờ biển cao và khúc khuỷu, trừ một vài quãng nhỏ là thấp và phẳng. Những nơi này đều là căn cứ xuất phát của dân chài lưới Hồng Sa trên khoảng biển gần đại lục Châu Á.

Miền Nam là một bình nguyên khá rộng do phù sa của một con sông lớn tạo nên, bờ biển thấp và phẳng. Miền này là vựa thóc của cả quần đảo Hồng Sa.

Miền Đông ở giữa trũng, phía bờ biển là một rặng núi chạy theo hình vòng cung phình ra phía ngoài. Tương đối miền này có nhiều quãng bờ biển thấp và phẳng nên số dân chài lưới ở đây cũng đông hơn cả.

Khoảng cách gần nhất giữa Hồng Sa với đại lục Châu Á là eo biển Hồng Sa rộng chừng 30 hải lý ở phía Tây. Theo lịch sử của dân tộc Hồng Sa thì người Tây-Bắc thường mượn con đường ngắn nhất này để vào xâm lăng quần đảo.

Người Hồng Sa thường dùng danh từ «*người Tây-Bắc*» để chỉ những dân tộc phía Bắc Châu Á, «*người Tây-Nam*» để chỉ những dân tộc ở Đông Nam Châu Á, «*người Trung-Tây*» để chỉ những dân tộc ở giữa đại lục Châu Á, còn tất cả những dân tộc da trắng ở Châu Âu

đều được người Hồng Sa gọi chung là « người cực Tây ».

Hồng Sa là một nước theo quân chủ, song vua chỉ có tính cách một thần tượng để cụ thể hóa quốc hồn, còn các công việc chính điều khiển guồng máy quốc gia đều do một hay vài vị đại thần — thường là văn võ kiêm toàn phụ trách. Liêm khiết hầu như là đức tính truyền thống của các vị đại thần này.

Dân số quần đảo Hồng Sa có chừng 30 triệu người. Về mặt nhân chủng giống người Hồng Sa là kết tinh cuộc dung hòa của hầu hết dòng máu thái cổ : Nê-gô-ri-tô, Anh-đô-nê-di, Pô-ly-nê-di, Mông-gô-lích. Nhưng dòng máu nào là chính ? Cuộc tranh luận này thuộc thẩm quyền các nhà nhân chủng học, chúng ta chỉ biết người Hồng Sa thuộc giống da vàng. Những người làm ruộng hay chăn nuôi có nước da nâu hồng, những người chuyên nghề chài lưới ngoài biển có nước da nâu xám, những học giả thuộc giai cấp sĩ phu có nước da sáng sủa hơn. Song, tuy nước da có khác nhau chút ít vì lý do nghề nghiệp hầu hết dân tộc Hồng Sa đều cùng một vóc người tầm thước. Với nét mặt thanh tú, với mái tóc đen trên vầng trán rộng, với cái mũi dọc dừa cùng đôi mắt đen láy, toàn thể khuôn mặt người Hồng Sa gợi lên một cái gì tươi mát hồn hậu.

Nếu liêm khiết là đức tính truyền thống của các bậc đại thần nói riêng, thay vua nắm quyền cai trị dân, thì giản dị và sạch sẽ là nếp sống thanh đạm đặc biệt của toàn thể dân Hồng Sa ở chốn thôn hoa cũng như tại miền thôn dã. Tại các miền thôn dã họ sống tụ họp thành từng làng, nhà ở thường lợp bằng cỏ gianh, xung quanh trồng trúc. Những đầm ao thông ra sông hay ra đồng ruộng xung quanh cũng giống trúc. Đâu đâu cũng một bầu không khí thanh bình trong suốt tràn đầy sinh lực, thứ sinh lực thần tiên khiến con người đắm trong đó thấy tâm trí dễ dàng vươn tới cõi ảo huyền cao cả, sáng suốt. Có lẽ chính vì thế mà về đức tính tinh thần, dân tộc Hồng Sa có một quan niệm nhận thức rất mực uyển chuyển và tế nhị để đồng hóa mọi tư tưởng du nhập từ ngoại bang vào. Không bao giờ họ cố chấp theo ý thức hệ nào như theo kinh thánh. Họ trọng kỷ luật nhưng lại ưa trào phúng. Trọng kỷ luật, họ biết tuân lệnh cấp trên, nhưng thẳng hoặc cấp trên lạm quyền — ở nước nào, ở thời nào mà chẳng có những cấp trên lạm quyền — ấy là lúc tinh thần trào phúng của họ được dịp biểu lộ. Lập tức họ đặt những câu ca thật thần tình, thật di dõm để riễu bóng gió thời xấu đó. Kiểu nói phúng này vừa thông minh khôn ngoan vừa ôn hòa lễ độ nhưng cũng thấm thía lắm. Phẩm khí bài thơ đó đến tai cấp trên, lập tức nhà cầm quyền tỉnh ngộ tìm cách tự sửa ngay.

Sáng suốt và không câu chấp vẫn là đức tính cố hữu của toàn thể dân tộc này !

Dân tộc Hồng Sa nhẹ về tinh thần cá nhân và coi gia đình mới thực là mảnh đất ươm màu đầy đủ cho những mầm non của thế hệ sắp

tới. Do đó với ông bà cha mẹ họ là những người con, những người cháu thật hiếu hạnh ; còn về nghĩa anh em, họ đã biết phát triển tình này đến một cao độ thật cảm động : toàn thể dân Hồng đều yêu thương nhau đậm thắm như anh em một nhà. Tình anh chị em này càng biểu lộ rõ rệt khi những người Hồng Sa xuất ngoại được dịp gặp nhau ở nơi đồng đất nước người. Quấn quít vồn vã nhau đã đành, họ còn tận tình săn sóc nhau khi đau ốm, chu đáo như anh săn sóc em, thiết tha như vợ săn sóc chồng.

Tình khăng khít đó có nhiều lý do. Cũng có thể là tại tương đối đất Hồng Sa hẹp, dân Hồng Sa ít. Cũng có thể là tại dân Hồng Sa thường phải sát cánh nhau để đương đầu với bao trở lực thiên nhiên nào động đất, nào núi lửa phun, nào phong ba bão táp của trùng dương. Trong đau khổ, gian lao tình người dễ trở nên keo sơn ! Lý do sau cùng — và cũng là lý do chính — là cả một vấn đề sống còn của dân tộc : dân Hồng Sa qua bao thế kỷ đã phải luôn luôn đoàn kết thành một khối vững chắc để đương đầu với hiểm họa xâm lăng hầu như thường xuyên của người Tây Bắc. Có thể nói kẻ thù truyền kiếp của dân tộc này là người Tây-Bắc.

Suốt trong hơn hai ngàn năm kể từ ngày lập quốc cho đến cuối thế kỷ XVII người Hồng Sa đã phải đương đầu trên một trăm lần với một giống người có một chiến thuật xâm lăng với một sức đồng hóa mãnh liệt và nguy hiểm nhất hoàn cầu : đó là người Tây Bắc.

Phân tách những trang sử oanh liệt của dân tộc Hồng Sa người ta thấy tuy họ cũng có được hai yếu tố thiên thời địa lợi thật, nhưng yếu tố quyết định vẫn là họ đã biết sát cánh bên nhau thành một đoàn quân ruột thịt để chiến thắng kẻ thù chung. Lịch sử dân tộc Hồng Sa là lịch sử về tình thân bất khuất. Đặc biệt trong hơn một trăm lần chống người Tây Bắc có tới ba lần do các vị liệt nữ nổi lên. Phần lớn cuộc đề kháng thành công ngay và người Tây Bắc thường phải vội giương buồm rút quân về nước. Có trên mười lần người Tây Bắc chiếm cứ quần đảo này, trong hai hoặc ba năm, chỉ có ba lần ở ba thế kỷ khác nhau họ đã ngự trị trên đất Hồng Sa tới ngoài mười năm. Người Tây Bắc đã rút được nhiều kinh nghiệm thất bại trong cuộc xâm lăng «quần đảo bất trị» này nên trong những dịp chiếm đóng lâu dài hoặc tương đối lâu dài, lập tức họ cho thi hành ngay những chính sách đồng hóa lợi hại nhất để chinh phục đối phương trong hòa bình. Nhưng sức dẻo dai của dân tộc Hồng Sa thực như những rừng tre rừng trúc kia, chỉ uốn mình nằm rạp xuống dưới cơn giông tố để rồi lại vươn lên bất khuất dưới ánh mặt trời.

Người Tây Bắc tìm cách thủ tiêu hết kho tàng văn hóa của Hồng Sa ư ? Dân Hồng Sa đã đồng lòng nhanh tay hơn cắt đầu đi. Có những chiếc trống đồng, những chiếc bình lớn được quăng xuống giếng sâu. Đã có người dân chài khuôn một tượng đồng nặng trên một trăm cân đem ra khơi thả xuống. Người đó nghĩ dân tộc còn thì pho tượng vẫn còn ở hải

phận nước nhà. Khi đã đánh bật người Tây Bắc họ lại tung bừa tát cạn giếng, quăng lưới ngoài khơi để các cố vật được trở về với cố chủ.

Người Tây Bắc muốn pha trộn giống nòi bằng cách cưỡng hiếp hay cưỡng ép những gái Hồng Sa ư? Thì trong kho tàng ca dao tục ngữ của người Hồng Sa đã đầy rẫy những câu nguyên rửa mỉa mai «quân xâm lăng Tây Bắc» của chính những cô gái đó truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Và những đứa con hoang, kết quả của cuộc hôn phối bằng bạo lực đó, sinh ra trên đất Hồng Sa, đã chịu nền giáo dục hiếu hạnh và chuộng hòa bình của dân tộc mẹ đẻ rồi cả tâm hồn hoàn toàn nhuộm màu đất mẹ, sống chết với đất mẹ.

Ba lần người Tây Bắc đã chiếm cứ đất Hồng Sa trên mười năm và cũng ba lần người Hồng Sa rửa nhục mất nước bằng những chiến công rực rỡ. Nhưng rực rỡ hơn cả ấy là chiến công cuối cùng vào đầu thế kỷ XVII với vị anh hùng dân tộc Thái-Cát-Gia. Chiến công này cùng đời vị anh hùng kia đều được toàn thể dân tộc Hồng Sa, kể từ đứa con nít lên sáu trở lên, thuộc lòng và hàng ngày nhắc nhở.

Để chấm dứt mấy trang giới thiệu dân Hồng, các bạn hãy cùng tôi nghe câu chuyện đó. Các bạn hãy tưởng tượng rằng trên bờ cỏ bên sông kia, hoặc dưới gốc cây cổ thụ cao vút nọ, hoặc bên hàng dâu trúc dưới mái lều hiu hắt gió có tiếng người kể chuyện. Cũng có thể là cha hoặc mẹ kể cho con nghe, cũng có thể là anh hoặc chị kể cho em nghe, cũng có thể là đôi tình nhân muốn đem tình mình đặt trên nền thăm mệnh mông của tình dân tộc đương kể chuyện cho nhau nghe. Giọng họ thủ thỉ say sưa như kể chuyện tâm tình, mặc dầu họ tự biết người kể cũng như người nghe đều đã thuộc lòng câu chuyện từng câu từng chữ.

Họ kể rằng :

« Đầu thế kỷ XVII trong vòng có ba năm mà bốn lần quân xâm lăng Tây Bắc đem quân đến hòng thôn tính nước nhà. Ba lần trước họ đã bị vị anh hùng dân tộc của chúng ta, ngài Thái-Cát-Gia đánh cho đại bại. Lần thứ tư họ trở lại với ý chí quyết liệt chinh phục bằng được dân tộc mình. Lần này ở đại lục Châu Á họ đã bình định xong cả vùng Trung Tây, nên rảnh tay về mặt đó, họ tập trung toàn lực để quyết sống mái với mình một phen cuối cùng.

Chiến thuyền địch tiến tới san sát rợp trời. Họ đổ bộ lên quần đảo ở hai mặt Tây và Nam và lập tức dùng chiến thuật chớp nhoáng đánh tỏa rộng ra. Quân họ được lệnh đi đến đâu cưỡng hiếp đàn bà, giết trẻ con đến đó, đồng thời họ đốt phá các đền đài, thiêu hủy các sách vở. Các tượng vàng, trống đồng, bình cổ được chuyển xuống thuyền đem về Tây Bắc. Những cái gì vĩ đại khó bề di chuyển thì họ hủy phá cho vỡ nát đi. Kế hoạch đã thâm độc lại được áp dụng thật nhanh chóng nên cả một năm đầu năm phần năm lãnh thổ nước nhà đã bày ra một quang cảnh thảm thương của đầu rơi máu chảy, cửa nhà cửa hoang tàn đổ nát.

Trước khi thể hung bạo của kẻ thù, Thái-Cát-Gia đại nhân vội một mặt phò giá đức vua tới miền an toàn, một mặt gấp rút tổ chức tản cư những người dân lành thoát khỏi nanh vuốt địch, một mặt phân chia quân đội nhà thành từng đoàn nhỏ để đêm đêm bắt ngờ xuất hiện tiêu hao địch.

Một năm qua . . . Những nơi dân tạm tản cư thời bị nguy cơ thiếu lương thực, những toán quân nhỏ của ta bám sát địch ban đêm tuy có đem lại kết quả chút ít nhưng không vì thế mà ngăn cản hẳn được bước tiến của địch. Trái lại sau khi hoàn toàn kiểm soát các đảo phía Tây và phía Nam, địch bắt đầu tiến vào đảo chính giữa.

Thái-Cát-Gia đại-nhân vội xin vua cho hạ chiếu chỉ triệu tập một hội nghị lão trượng toàn quốc. Các vị râu tóc bạc phơ từ bốn phương lại—kể cả những vị ở địa phương bị địch chiếm—cùng nhau thống nhất ý chí diệt xâm lăng và cử ra một bộ tham mưu tối cao để định một kế hoạch trường kỳ để kháng. Phải trường kỳ để kháng ! Vì lần này các ngài biết không thể một sớm một chiều đánh bật địch ra khỏi bờ cõi. Kế hoạch đó đã được bàn luận kỹ trong một tháng ròng và tuyệt đối giữ kín. Sau đó tất cả những công trình mỹ thuật và điêu khắc của nước nhà ở những miền chưa bị chiếm đóng được cất dấu đi hết hoặc vứt xuống giếng hoặc mang chôn vào rừng sâu. Tất cả những trai gái còn trẻ được lệnh tập trung để cùng hộ giá vua về phía đảo phương Bắc nơi địch chưa hề tính chuyện bén mảng tới vì có rừng núi hiểm trở và nhất là có trái hỏa diệm sơn lúc nào cũng chực phun lửa. Đồng thời, những chiến sĩ đánh đêm ở lại được lệnh tăng cường hoạt động để địch không kịp chú ý đến cuộc di chuyển vĩ đại của chúng ta.

Ôi, cuộc chia ly giữa ông bà cha mẹ già nua ở lại với đàn con cháu trẻ trung ra đi thật là đau lòng ! Nhưng nỗi đau lòng ấy đã là một kích thích lớn khiến kẻ ở cũng như người đi đều nuôi một chí căm hờn bất diệt với kẻ thù Tây Bắc.

Rồi quân Tây Bắc tiếp tục Bắc và Đông tiến, chiếm những nơi chỉ còn lại những người già nua.

Vì không ngờ có cuộc di chuyển lớn lao kia nên địch vui mừng cho rằng dân tộc ta đã đến ngày kiệt quệ và ngày chiến thắng hoàn toàn của chúng không còn bao xa. Họ bắt những ông, bà già đó lên rừng kiếm sừng tê, ngà voi hoặc xuống biển mò hạt trai đem về nộp chúng. Không đêm nào là chúng không bị đoàn chiến sĩ đánh đêm của chúng ta tiêu diệt cho hao mòn một ít, nhưng chúng tin rằng một khi chiếm xong các đảo chính rồi thì « đoàn quân đêm » kia tự nhiên sẽ bị triệt hạ hết. Song chúng tính một đằng sự thực đến một nẻo. Chúng càng vào sâu quân đội càng dần mỏng, càng bị « đoàn quân ruột thịt » của chúng ta tiêu diệt nhiều.

Cuộc chiếm đóng càng trở ngại, địch càng không từ một thủ đoạn tàn ác nào. Giặc Tây Bắc đã đốt phá cả vùng, treo cổ hàng dãy người ở những nơi họ bị đánh tía.

Còn đoàn người trẻ tuổi của chúng ta kìa ra đi lên phương Bắc, họ làm gì ?

Họ không đi hẳn một mạch, họ đi từng chặng và bao giờ cũng có cả một toán quân chủ lực đi tập hậu, sẵn sàng ngăn bước tiến của địch nếu địch rượt tới.

Qua địa phương nào họ giúp những ông bà già ở địa phương ấy cày cấy và vẽ màu. Mỗi một năm sau, họ mới tới địch, khi đó đằng sau họ lúa đã vàng hạt, màu mỡ đã lên xanh. Hoa màu ấy sẽ là lương thực để dân địa phương sẽ hoặc chuyển tới cho đoàn quân đánh đêm hoặc tiếp tế cho căn cứ miền Bắc.

Tới địa điểm mới ngoài việc vẽ màu, cày ruộng, ngoài việc gia nhập quân ngũ để luyện tập dưới quyền điều khiển của vị anh hùng dân tộc Thái-Cát-Gia, mỗi người trong họ còn được lệnh trồng, tưới và bón một cây hỏa-liên-tiến (1) trên một khoảng đồi trọc rộng mấy ngàn mẫu.

Đoàn quân nào đã được huấn luyện tinh nhuệ rồi dời căn cứ miền Bắc xuống các đảo dưới để thay thế cho đoàn quân cũ. Trong khi di chuyển và thay phiên nhau thế các chiến sĩ của ta không quên đi đến đâu giúp « ông bà cha mẹ ở địa phương » cày cấy vẽ màu đến đấy. Chính sách khôn ngoan đó đã khiến dân ta chiến đấu với địch trong mười hai năm liền mà không hề bị thiếu lương thực.

Mười hai năm qua !

Khoảng đồi trọc mấy ngàn mẫu đã biến thành khu rừng bát ngát xanh rờn.

Mười hai năm qua !

Biết bao chiến sĩ yêu dấu của chúng ta đã bỏ mình trong những trận đánh đêm. Biết bao ông bà già ở lại đã bị địch treo cổ, biết bao địa phương đã bị san thành bình địa.

Mười hai năm qua !

Thái-Cát-Gia đại-nhân, linh hồn cuộc kháng địch, đã già đi trước tuổi rất nhiều. Vị anh hùng dân tộc của chúng ta lúc ấy thực là hiện thân của bao gian lao thống khổ mà toàn dân ta đã chịu đựng trong mười hai năm trường. Má, ngài hóp, râu tóc ngài bạc phơ, duy có đôi mắt tinh anh kia còn giữ được nguyên vẹn tia lửa tin tưởng một ngày chiến thắng gần đây.

Mười hai năm qua !

Về phía địch chúng cũng đã bị hao mòn khá nhiều. Vừa lúc đó ngay tại chính nước chúng có cuộc thay đổi triều đại, lòng dân có bề phân tán,

(1) Đó là một thứ cây chỉ mọc rải rác ở miền có núi lửa này. Đặc điểm : rất mau lớn và giống một thỏi vôi sau tự nó để ra mười và vẩy xung quanh gốc chính như đàn con vây quanh mẹ. Cây này xưa thường được người Hồng-Sa dùng để làm tên bắn. Thân cây có chứa chất nhựa rất dễ bén lửa, một cây tươi cháy có phần mau hơn một cây khô.

các nước Trung Tây nhân dịp này đã kế tiếp nhau nổi dậy. Thời cơ định trong kế hoạch Hồng Sa đã tới. Đầu mùa xuân năm ấy Thái-Cát-Gia đại-nhân xin với đức vua cho lệnh phản công. Quân ta từ bốn phương tập trung lại nhằm đánh vào đảo giữa. Tức thì quân lực Tây Bắc cũng quy tụ lại ở đảo giữa để đối phó. Trận đầu vì bị đánh úp bất ngờ nên quân Tây Bắc bị thua lớn, kể từ trận thứ hai, chúng đã kịp chuẩn bị để không những không bị đánh úp nữa, trái lại còn chuyển sang thế công.

Quân ta lùi dần... lùi dần... về phía Bắc.

Đại quân Tây Bắc hăm hở rượt theo. Lúc đó họ mới biết rằng suốt trong 12 năm qua đảo Bắc đã là căn cứ huấn luyện của ta. Tình thế cấp bách tại nước họ càng thúc đẩy tướng tá địch quyết tâm san phẳng căn cứ cuối cùng này. Họ ra lệnh cho ba quân tiến như vũ bão vào sâu nội địa đảo Bắc. Vượt khỏi giải đồi đầu tiên, họ thấy xuất hiện trước mắt một khu rừng xanh mướt đương ngả nghiêng như đùa với gió dưới nắng xuân : đó là khu rừng hỏa-liên-tiến! Có một cột cờ cao vút được dựng giữa khu rừng, bên trên phấp phới lá quốc kỳ lớn của ta trông như tay vẫy, miệng cười khiêu khích. Lúc đó trời đã về chiều.

Vị nguyên soái Tây Bắc cả cười ngạo nghễ chỉ gươm về phía rừng nói với các tùy tướng : « Nội trong ngày mai chúng ta sẽ san phẳng khu rừng kia! »

Và ngay từ tình sương hôm sau đại quân địch đã bõ vầy bốn mặt kình tướng con cáo, con chồn cũng khó bề chui thoát. Chúng đã bắn hàng ngàn vạn phát tên vào đó mà tịnh không thấy một tiếng động nào khả nghi ngoài tiếng rì rào qua khe lá. Khu rừng vẫn thản nhiên ngả nghiêng đùa với gió xuân.

Trời đã gần về chiều, nguyên soái Tây Bắc ra lệnh quân bốn mặt cùng đột nhập khu rừng. Trước còn e dè, sau mạnh bạo, địch tiến dần cho tới khi cả bốn đạo quân của chúng gặp nhau ở khu cột cờ chính giữa để mà biết rằng đó là khu rừng không người.

Sợ mắc mưu ta, nguyên soái địch vội hạ lệnh rút lui ngay.

Mặt giới vừa khuất nhưng ở giữa rừng thì tướng như trời đã bắt đầu xâm tối. Quân sĩ địch nhất cảnh khô đốt đuốc lên để soi đường ra. Không ngờ lửa bén vào lá tươi cũng bùng cháy. . .

Một đốm lửa ... hai đốm lửa ... ba đốm lửa... rồi không biết là bao nhiêu đốm lửa. Những đốm lửa đó loang ra rất chóng, ba quân toán loạn xôn xao, xô đẩy nhau mạnh ai nấy chạy tìm đường thoát thì ... thì chợt bốn bề ngoài khu rừng cũng đã phát hỏa.

Suốt một ngày địch đã vầy khu rừng trống để bây giờ bị quân ta bí mật từ các thung lũng ra vây lại với đại lửa. Chính quân ta đã đốt đuốc châm lửa bên quanh rừng. Phút chốc cả khu rừng hỏa-liên-tiến mới ban ngày đây là một biển màu xanh mướt thì giờ đây là cả một biển lửa ngút trời.

Tiếng quân sĩ Tây Bắc kêu khóc vang trời. Ánh lửa và tiếng kêu

làm náo động cả một khoảng rừng núi 20 dặm vùng quanh. Người ta nghe thấy tiếng hồ gầm vượn hú, tiếng chim bay xào xạc từ bốn phía xa xa... Gió từ biển thổi nhiên thổi tới càng mạnh. Tàn tro từng khối đổ rục theo nhau bay cao lên trông như những nụ cười có hào quang của Hỏa-thần.

Bỗng cả bốn mặt quân ta lùi răn ra xa... lùi răn ra xa nữa... Không phải là vì lửa nóng mà vì mùi khét đã bắt đầu thấy tiết ra nồng nặc theo hơi lửa.

Đêm tàn...

... Tàn theo rừng lửa.

Gió sớm phe phẩy nhẹ nhàng như một bàn tay hiền dịu đến quá chậm. Hình như gió có mang đến cả hương thơm của muôn vàn hoa búp ở những khu rừng lân cận.

Từ ba phía Đông, Tây, Bắc, ba đạo quân nhà chảy về tập trung cả tại khu đồi phượng Nam nơi có Thái-Cát-Gia đại-nhân cùng bộ chỉ huy tối cao.

Đại nhân, ngài chống gươm đứng lặng trên mỏm đồi cao kia. Ai nấy đều ngạc nhiên khi nhận thấy qua một đêm lửa mà Người già thêm bằng cả 12 năm đề kháng vừa qua. Râu tóc bạc phơ của Người hầu như xơ xác, má hóp hăn và đôi mắt hiền từ của người đượm một vẻ buồn mệnh mang.

Một bộ tướng của Người tiến lên cất lời cung kính hỏi:

— Dám thưa lão soái, chẳng hay lão soái nghĩ gì mà sau chiến công oanh liệt có một không hai trong lịch sử còn nóng hổi kia, Ngài lại đượm vẻ không vui làm vậy?

Vị anh hùng dân tộc của chúng ta cất giọng ngậm ngùi đáp:

— Các con yêu quý của ta, các con yêu quý của dân tộc Hồng Sa bất diệt, nay nước nhà đã thoát ách nô lệ rồi ta muốn mở lòng ra để thương thay cho những kiếp người vô tội kia đã bị hôn quân của họ lợi dụng. Trong khi họ ôm nhau chết thiếu ở đây thì hôn quân thủ xướng xâm lăng vẫn vui hưởng thái bình ở chính quốc.

Các tướng tá thấy đều lặng lặng cúi đầu.

Ngay ngày hôm sau đại quân Hồng Sa giải tán. Quân sĩ được trở về nguyên quán để hoặc lại trèo thuyền ra biển quảng lưới đánh cá hoặc cấy ruộng vỡ hoa màu. Sau mười ba năm xa quê hương nay đoàn còn cháu trở lại thì có nhiều ông bà cha mẹ hoặc đã khuất núi vì tật bệnh thiếu thốn hoặc đã bị giặc tàn sát để gián tiếp trả thù «đoàn quân đêm». Cũng có người may mắn được gặp một cha hay một mẹ còn sống. Cũng có người may mắn hơn nữa — phần này rất hiếm — được gặp đủ cả cha mẹ. Buổi gặp gỡ đầu tiên cha con, mẹ con chỉ biết ôm nhau mà khóc, khóc nức nở không nói được lời nào mà cũng không biết nói gì. Khóc vì sung sướng thấy đất nước thoát vòng nô lệ; khóc vì lại được sống đoàn tụ nơi quê

hương yêu dấu với mảnh vườn thừa ruộng hoặc với khoảng trời biển bao la, nơi mọi người đã gửi gắm cả tâm hồn tự thuở còn thơ ấu; khóc vì sau 12 năm đau đớn và cách xa nay tự thấy người trẻ đã trưởng thành, người già đã thêm vô số nếp nhăn trên trán nhưng qua những biến đổi đó có một cái gì bất biến: đó là tình quê hương, tình gia đình sâu nặng. Chính tình này đã đặt nền móng cho tình yêu thiết tha nước tổ, đã dạy cho con dân Hồng Sa biết đem dạ sắt son phụng thờ tổ quốc. Chúng ta đi từ tình gia đình đến tình yêu tổ quốc như nước bắt đầu từ nguồn nhỏ mát qua sông con sông lớn để rồi đổ ra biển cả mênh mông. Bởi vậy tình gia đình càng thấm thiết sau trận thử lửa đau thương vừa qua của tổ quốc.

Mọi người khóc, nước mắt tuôn như mưa mà lòng thênh thang như gió.

Dân kinh đô còn thêm một tin khiến họ bàng hoàng: Thái-Cát-Gia đại-nhân quyết tình xin đức vua cho trở về cố hương, một làng hẻo lánh miền thung tung đảo phía Đông, để trông nom con cháu cây cấy đồng ruộng quê nhà. Sau khi đã cùng cả triều thần hết lời ngăn giữ mà không xong, đức vua đành chuẩn y và sắc phong Người là «Hưng Quốc Đại Vương». Người khởi hành ngay hôm sau.

Thời gian tuy gấp, toàn thể dân chúng kinh đô cùng những vùng lân cận cũng đã bảo nhau lũ lượt kéo tới tụ tập ngay từ sớm ở khoảng đất rộng trước cửa thành để tiễn Người.

Đức vua cùng triều thần đứng tụ cả trên thành cao, nơi dựng đài tiễn biệt.

Sau khi đã cúi lạy đức vua, bài biệt các bầy hữu tướng tả và giao tay ra hiệu chào toàn thể dân chúng, Hưng-Quốc Đại-Vương thông thả giắt ngựa đi xuống. Ngài mặc áo đỏ, chít khăn đỏ. Con tuần mã của Ngài sắc trắng đốm nâu. Sau Ngài là mười viên tùy tướng mặc áo xanh được đức vua cử đi theo Ngài đến tận quê. Hai viên bộ tướng cũ của Ngài còn bịn rịn dời mắt thành theo Ngài xuống.

Một trong hai người nói:

— Uy vũ của đại vương đã bao lần phá tan giặc nước. Râu tóc đại vương đã bạc phơ để non sông xanh tươi mãi mãi. Đại vương là vị anh hùng của dân tộc. Đại vương không ở lại, chúng tiểu tướng chẳng khác những người con xa cha già.

Ngài vỗ vai hai viên bộ tướng:

— Ta cảm ơn các con đã tỏ tình quyến luyến. Các con còn trẻ cần phải ở lại phò vua gìn giữ xã tắc ta nay đã quá già...

Ngài bỗng cất tiếng cười lớn:

— Vả lại giặc nước hết rồi ta anh hùng với ai?

Rồi Ngài nhảy lên mình ngựa giắt cương. Con ngựa chồm lên tung hai vó trước trong khi Ngài giao tay một lần cuối chào toàn thể dân chúng khi đó cũng đang xôn xao trong một nỗi niềm ly biệt se lòng.

Rồi con tuần mã của Ngài nhích nhàng, uy nghi cất vó theo nước kiệu.

Mười viên tùy tướng áo xanh cũng vội lên yên và cho ngựa chạy theo.

Trên thành cao đức vua và triều thần ngậm ngùi đưa mắt nhìn.

Dân chúng cảm lòng không được cùng bật lên tiếng thôn thức, nước mắt đổ ra. Mới ngày tái ngộ hôm qua họ đã khóc biết bao nhiêu, ai ngờ họ vẫn còn không biết bao nhiêu nước mắt nữa để tiễn đưa vị anh hùng dân tộc hôm nay.

Cho hay khi đã xuôi theo dòng đạo lý, lòng người thật mệnh mông, tình người thật vô bờ !

Qua màn nước mắt mọi người thấy bóng áo đỏ biến thành một điểm lớn chập chùng. Họ có cảm tưởng vị lão soái thân mến của họ đương lặn lội một cách vất vả trong biển nước mắt do chính họ đã đổ ra để mong cản Ngải lại.

Điểm đỏ nhỏ dần quanh những điểm xanh lay động . . . cho đến khi toàn thể khuất sau rừng cây xanh ở tít xa chân trời.

Ra về . . . trên từ vua quan, dưới đến các thần dân. Không, đó chỉ là thể xác họ ra về, hồn họ còn vương vất ở ngọn cây xanh đặng xa tít kia, nơi đã che khuất màu đỏ của một bông hoa cao quý nhất của dân tộc. »

(còn nữa)

DOÃN QUỐC SỸ

NGUYỄN CÔNG TRỨ

VIỆT TỬ

A.— ĐUA DUYÊN

Đã từ lâu lắm, tôi vẫn áy náy không viết được một bài đặt đúng Hy-văn vào địa vị của ông.

Hiểu được Nguyễn công Trứ là một điều rất khó khăn. Cao bá Quát là một thiên tài nên nhiều điểm ta có thể dùng trực giác để soi thấu. Vả công nghiệp của họ Cao chưa có gì nên trọng-tâm suy cứu chỉ là tâm hồn của tiên sinh.

Nguyễn công Trứ không thế. Tương công là một nhân tài cao tuyệt, đã thành công nhờ thực học đầy đủ và vững chãi, lại nhiều sự nghiệp vĩ đại nên hiểu được Tương công là cả một vấn đề phức tạp. Phải đã học qua tất cả sách vở kinh luân mà ông đã học mới biết cái tài giỏi áp dụng và tri cơ. Phải tự đặt mình vào thời đại ấy mới tìm được những khó khăn ông gặp và những mưu lược ông thi hành để vượt qua. Phải phác họa được nền giáo dục về đời ấy mới hiểu được trí sáng suốt của ông đã vượt qua thời đại đến bậc nào. Nhận thấy cuốn của giáo sư Lê Thước chưa đầy đủ, tôi lại chưa có được cái học thâm thúy của giáo sư nên tôi đã ngần ngại biết chừng nào !

Nhưng rồi lòng tôn kính của tôi đối với vị đại công-thần « *nói về công thì công rất lớn, nói về đức thì đức rất dày, mà nói về ngôn luận thì ngôn luận văn chương rất có giá trị* » ấy kích thích tôi bạo dạn cứ viết. Ước mong rằng tấm lòng nhiệt thành của tôi bù trừ vào chỗ thiếu hụt về tư tưởng và tài năng.

B.— THỜI ĐẠI

Nguyễn công Trứ sinh năm 1778, chết năm 1858, thọ 81 tuổi. Ông sinh năm Thái Đức lên ngôi ở Quy Nhơn, cách mệnh ở Pháp, chiến tranh giải phóng ở Hoa Kỳ. Ngôi sao của ông bị lay động bởi những cuộc đảo lộn vĩ đại của thế giới. Nếu ta ghi thêm rằng năm 1778 là năm Nguyễn Ánh lấy Sài Gòn và được tôn lên làm Đại-nguyên-súy, Nhiếp-quốc-chính và năm 1858 là năm Rigault de Genouilly đánh phá Đà Nẵng hạ thành An Hải và Tôn Hải để năm sau 1859, lấy đứt ba tỉnh miền đông Nam Việt thì ta thấy rằng đời Nguyễn công Trứ ăn khít vào niên hiệu đầy nghiệp của Nguyễn Ánh và năm nhà Nguyễn suy vong bắt đầu mất nước.

Nguyễn công Trứ đã chịu ảnh hưởng của thời thế. Ta phải kể đến làn sóng đáy mà Pirenne gọi là « *des lames de fond* » của chí nguyện Việt. Làn sóng đáy ấy đã đột khởi rất mạnh với Quang Trung trên đủ mọi

phương diện văn hóa, chính trị và quân sự còn lại những dư ba là tất cả nhóm sĩ phu đầu triều Nguyễn, nhất là Uy-viễn Tướng-Công, Cao bá Quát, Hồ xuân Hương, Nguyễn Du v.v... Những cuộc hành binh thần tốc hết ra lại vào vừa của Quang Trung vừa của Nguyễn Ánh với những gương oai hùng ấy cũng đã ảnh hưởng lớn lao vào trí tưởng tượng của một cậu nhỏ Nguyễn công Trứ thông minh và dũng cảm. Lớn lên, Nguyễn công Trứ lại gặp được thời đại cực thịnh của lịch sử Việt. Biên cương Việt lần đầu tiên đi từ Nam Quan xuống Cà Mau làm cho chàng trai Việt tung niếm câu :

*Làm trai cho đáng nên trai. **

Xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài tan
càng phấn khởi mà mơ màng những sự nghiệp hiển hách.

Sang đời Minh Mạng, nước Việt lại bảo hộ cả Cao Miên và Lào, nên một người Việt xứng đáng chỉ còn biết phụng sự, dù vua Minh Mạng có những tệ xấu. Đó là điểm cắt nghĩa tại sao một người tài ba, chí cả như Nguyễn công Trứ lại nặng chữ «quân thân», lại chỉ trông vào một đường xuất thân : đường khoa cử. Vua tượng trưng cho quốc gia. Quốc gia dưới triều đại một ông vua được hưng thịnh và mở mang bờ cõi thì không có lý gì ta tranh chấp hay khởi loạn. Thời đại Cao bá Quát khác. Cao bá Quát xuất thân năm 1831, triều Minh Mạng bắt đầu suy vong, tiếp tục sang đến triều Thiệu Trị, Tự Đức, tình thế nước Việt cũng không sáng xửa gì, nào nội loạn, nào thiên tai nên Cao bá Quát « kiến cơ nhi tác » xét ra cũng chính đáng. Mà Nguyễn công Trứ « hết hai chữ quân thân mà gánh vác » cũng không thể cho là trí tuệ hẹp hòi. Vào thời ấy, thái độ ấy rất thích hợp.

C.— QUÊ HƯƠNG VÀ DÒNG DÕI

Sinh ở xã Địa-linh (Quỳnh côi — Thái bình) cậu nhỏ Trứ đã phải sớm trở về Nghệ An vì thời cuộc. Đất Hồng lam, núi trùng điệp, biển mênh mông, nhưng xơ xác nghèo nàn lại đứng trấn biên giới Chàm là nơi phát xuất những người sức khỏe, trí vững, tâm hùng, hết lớp này đến lớp khác hiên ngang ra Bắc dẹp loạn, vào Nam gây dựng cơ đồ. Quân Nguyễn Kim là người Nghệ, quân Quang Trung, Nguyễn hữu Chỉnh cũng mộ ở Nghệ. Nguyễn công Trứ 80 tuổi còn sáng suốt xin đi đánh giặc, một phần nhờ ở non Hồng, sông Lam. Tả Ao có Vũ đức Huyền, Tiên Điền có dòng họ Nguyễn Du, Uy Viễn có Nguyễn công Trứ đã chứng thật một phần nào câu kết luận về địa lý : « Hồng lĩnh sơn Cao, song Ngự hải khoáng, nhược trị minh thời, nhân tài tú phát ». (Non Hồng cao, biển Ngự rộng, gặp thời sáng sủa, nẩy nở nhân tài.) Đất Nghệ lại là đất cổ cội của nòi Việt nên dư ba của làn sóng dấy Việt rung động mạnh mẽ những tâm hồn cao đẳng như Nguyễn Du, Nguyễn công Trứ. Nguyễn Du đã gạn lọc mọi

ảnh hưởng Tàu ở văn chương ; Nguyễn công Trứ muốn phác họa điển hình kẻ sĩ để thay thế cho điển hình quân tử của nhà Nho. Chí của hai ông thật xứng với chí Quang Trung và giải linh địa Nghệ Tĩnh.

Quê hương đã có tú khí mà dòng họ của Tướng công cũng oai hùng. Không có tài liệu đầy đủ, chúng ta chỉ cần dẫn chứng thân phụ là Nguyễn công Tấn. Nguyễn công Tấn đậu cử nhân làm quan với nhà Lê, nên xưng nghĩa Cần-vương được phong là Đức-Ngạn-Hầu. Sau khi thất bại Ngài đành thủ phận an bản, không chịu ra làm quan với Tây Sơn dù được Nguyễn Huệ triệu nhiều lần. Đến người em gái Nguyễn công Trứ là nàng Năng-Văn thi thí phát đề trọn tiết nghĩa dù vừa trẻ, vừa có tài, có sắc. Giáo sư Lê Thước đã phải khen : « Gia thế của cụ Nguyễn công Trứ là một nhà thi, thư thế-phiệt, khoa giáp danh giá. Đức Ngạn Hầu không chịu khuất tiết với Tây sơn, đành vui thú lâm tuyền cho trọn đạo thần tử, thật là « trung thần bất sự nhị quân », Diệu Điển thiền sư không chịu ô danh với Trần Thận, tìm lối nương thân của Phật cho trọn đạo tông phu, thật là « liệt nữ bất canh nhị phu ». Trong nhà mà gồm đủ cả trung thần liệt nữ, biền cương thường đã chói lọi trong cõi Hồng sơn, Lam thủy».

Quê hương ấy, dòng họ ấy phải kết tinh một con người đặc biệt. Ta thử phân tích con người Uy Viễn tướng công.

D.— CON NGƯỜI NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Đây không phải là một thiên tài. Đất Hồng Lam sơ sác đã sản xuất ra những người bền gan vững chí. Nguyễn công Trứ đã thành công chính nhờ bền gan vững chí vậy. Đứng ở con đường Nam tiến, con người không thể trầm lặng, phải tích cực hoạt động. Bẩm tính của Uy Viễn tướng công là tính ưa hoạt động. Đó là một người thích cực đoan. Ông hưởng lạc ngay từ thừa trẻ.

Mặt tài tình đang độ thiếu niên

Cuộc hành lạc vẫy vùng cho phỉ chí

Ông thích hơn người ngay cả trong việc chơi bời :

Chơi cho lịch mới là chơi.

• *Chơi cho dài các cho người biết tay,*

Tài tình dễ mấy xưa nay..

Ông tự tin và thích làm những việc khác thường « làm cho rõ tu mi nam tử » :

Thông minh nhất nam tử

Yếu vi thiên hạ kỳ

Vì thế mà ông muốn làm những việc không ai làm nổi : lúc ở Thanh Hóa, ông xin đi đánh giặc Phan bá Vành, được làm tướng, ông xin đi khai khẩn đất hoang.

Ông tự tin tự hào ngay từ thuở hàn vi :

*Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu há phải vay.*

Cương quyết thực hiện chí khí của mình, ông không sợ sóng gió trở ngại, mà trái lại còn đi tìm sóng gió trở ngại để đương đầu :

Đổ kỵ sá chi con Tào.

*Cũng có lúc mưa dầm sóng vỗ,
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.*

Học tất cả, làm tất cả :

Kinh luân khởi tâm thương, binh giáp tàng hung trung.

Ông lại còn là người hưởng mọi thích thú ở đời :

*Cầm tử tiêu nhiên, kỳ tử sảng
Thi hoài lạc hỷ, tửu hoài nồng*

kể cả thú nhục dục :

*Khi đắc ý mắt đi mây lại,
Đủ thiên thiên thập thập thêm nồng.*

Học đủ, làm đủ, nên ông tự hào lắm, tự hào đến mang đời mình ra làm điển hình cho hậu thế, đến diêu-cột với Phật :

*Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.*

Qua văn thơ ta đã phác họa được một Nguyễn công Trứ. Dõi theo đời sống ta nhận thấy càng rõ rệt cái bóng dáng thấp thoáng ở văn thơ.

Nhà nghèo, vì Đức Ngạn Hầu bỏ quan về ở ẩn. Nguyễn công Trứ chịu hàn vi đến năm 42 tuổi, nhưng ông ương ngạnh nhất định chịu nghèo để theo đuổi chí hướng :

*Thuốc men rắc bòn chài gỡ bữa,
Thày bà mong đôi trá kiếm ăn.
Quẻ dã hạc toan nhờ lộc thánh...
Huyết chân long toan bán đất trời...
Buôn bán rắc theo nghề đỏ...
Bạc cò toan gỡ cơn đen...*

Tất do thiên, ấu phận ấy là thường ; hữu kỳ đức ắt trời kia chẳng phụ.

Tiểu tài cả phải phạn ngư bần trúc, dấu xưa ông Phó, ông Hề ; cần nghiệp nho khi tạc bích tự huỳnh, thuở trước chàng Khuông, chàng Vũ.

Có lúc nghèo quá «đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc nhường ong», ông cũng nghĩ đến «sinh sang hội gió mây», đến :

*Nợ trần hoàn quyết trả lúc này xong.
Dồi dào thiên-tử vạn chung,*

Khanh hầu xa mã tướng công lâu dài.

Trần ai ai dễ biết ai.

Nhưng ông vẫn giữ được ngay, ông hiểu rõ giá trị đồng tiền :

Hôi tanh chẳng thú vị gì.

Cả trong cái thời hàn vi, ngoài sự luyện trí, học-hỏi, ăn chơi, ông chỉ có một hành động : dâng Thái Bình thập sách cho vua Gia Long. Cử chỉ ấy bộc lộ chí khí chứ không có gì là hèn kém. Ta có thể nói Nguyễn công Trứ lập chí, nuôi một ý lực mạnh (tựa như *idée-force* của Foulon) Đã là người cũng có những lúc ông mơ ước danh lợi, nhưng ông đã chế ngự được những tính đôn hèn đó, giá trị của ông vì thế càng tăng. Cả đến ương ngạnh cố thực hiện chí-nam-nhi cũng bộc lộ sự tu dưỡng đạt đến mực tâm thành. Và cũng nhờ có thời gian hàn vi lâu dài ấy mà họ Nguyễn đủ thì giờ học tất, nghiền ngẫm tất, thấu đạt tất để đến khi ra hành đạo thì gách vác mọi việc phức tạp mà việc nào cũng đến nơi đến chốn. Nguyễn công Trứ thành công nhờ thời gian và cố công tức là thực học vậy. Cho hay « *sinh nhi tri, học nhi tri, khốn nhi tri, tri giả nhất dã* »

Từ năm 1819, Nguyễn công Trứ bước chân vào hoạn lộ đầu óc cứng cáp và đầy đủ. Ông đã bị ba lần giáng chức : từ Hữu tham-tri giáng xuống Tri huyện ở kinh về việc Phi quý Trại ; từ Bình bộ thượng thư xuống Hữu tham-tri vì đề tù trốn; và từ Tham tri xuống làm lính về việc buôn lậu ở An Giang. Giáo sư Lê Thước đã biện bạch rõ rệt trường hợp oan khốc của ông và thủ tục điên đảo thời chuyên chế. Lý luận của Giáo sư dựa vào sự thật rất cứng đúng nên ta cũng nhận rằng đưa một thổ hào ra cai trị đất mới là hợp lý và lời tấu của Hoàng Quýnh dựa vào lẽ thể diện của khoa mục chỉ có giá trị một lời ghen ghét. Đến việc buôn lậu khẩu ở An Giang, Trần ngọc Giai và Đặng Kham nhận rằng Nguyễn công Trứ bị vu cáo, lại đã có tiền án ở làng Tân Hữu để làm bằng chứng mà kết tội Nguyễn công Trứ thì công lý đã điên đảo mà triều đình nhà Nguyễn tối tăm đã đi dần đến suy vong vậy.

Chính ở những thử thách này ta hiểu được Uy Viễn tướng công một cách sâu sắc hơn. Ta chớ nên lầm ông nhục nhằn theo đuổi công danh. Nếu Nguyễn công Trứ bị giáng chức uất ức về hưu thì tỏ ra yếm thế không hợp với bản tính lạc quan ưa hoạt động của ông. Nếu ông từ quan phản động lại thì ông sẽ là người tầm thường nhục nhã theo đuổi công danh. Ông cố đeo đẳng làm quan mặc cho thăng, giáng mới thật thái độ quân tử : *chỉ nghĩ thực hiện lý-tưởng, lưu thủ đàn tâm, bình thần trước công danh chức tước*. Không oán người vu cáo, không hậm hực với người giáng chức mình, không phân biệt chức trọng quyền nhỏ chỉ biết thực hiện sự nghiệp. Nguyễn công Trứ đã tỏ ra thoát vòng danh lợi, cảm niệm được lẽ huyền vi của Tạo vật cùng với tạo vật mà vô-vi hoá-sinh vậy. Có như thế ông mới giám :

Sách Hoàng Thạch, Xích Tùng ở cũng đúng, có như thế, ông mới có thể ước:

*Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông.*

Cái thái độ bình thản trước danh lợi, trong danh lợi thật là khó khăn! Chỉ một họ Nguyễn đạt được.

Đừng ví với Cao bá Quát, vì họ Cao gặp thời loạn phải «xoay bịch ốc lại lâu đài», còn họ Nguyễn gặp thời thịnh phải:

*Nghiêng mình những vì dân vì nước,
Túi kinh luân từ trước để về sau
Nghìn thu một tiếng công hầu,*

Tư cách của họ Nguyễn còn hiển hiện ở rất nhiều trường hợp — Ông là người thẳng thắn liêm khiết.

Đánh giặc Phan bá Vành (1826) khi đến huyện Thủy-đường trời tối, tri huyện đi vắng, tên lại mục Đỗ trọng Chiêu và Nguyễn hữu Dụng đón rước rồi làm phản; ông biết mưu gian nên mang quân ra đi thì đã bị vây. Sau khi đánh tan quân giặc, tên Dụng mang 300 lạng bạc để chuộc tội, ông từ chối.

Năm Minh Mạng XI (1831) vì việc cử Phi quý Trại làm huyện thừa huyện Tiền Hải ông bị giáng từ Hữu tham-tri bộ Hình xuống Tri-huyện ở kinh, sau đó một năm lại được thăng làm Lang-trung nội-vụ rồi Bố chánh Hải-Dương.

Lúc ra đi vua có dụ: «Khanh nhà nghèo, trăm vẫn biết rõ ràng, cứ giữ lòng thanh liêm như thế, nếu chi dùng không đủ thì mật tấu về trăm sẽ chu cấp cho».

Đến tỉnh lý được hai tháng, ông tưng tiếu mật tâu về, vua sai thị vệ đem ban cho 20 bánh thuốc mỗi bánh ở trong có một nén bạc. Tình vua tôi thân thiết đến như thế thực lý thú và làm quan thanh liêm đến như Nguyễn công Trứ thực mới xứng đáng là phụ mẫu dân.

Vừa có tâm hồn nghệ sĩ vừa có thái độ cao quý của một nhà nho đại đạt nên khi bị giáng xuống làm lính ông không đổi ý phục và nói: «Cứ xin để vậy, lúc làm đại tướng tôi không lấy làm vinh, thì nay làm tên lính tôi cũng không lấy làm nhục. Người ta ở địa vị nào có nghĩa vụ đối với địa vị ấy, làm lính mà không mang đồ ấy thì sao gọi là lính được.»

Đến khi về già tám lòng trung trinh vì dân vì nước càng rõ rệt. Bị triệu về kinh vì viên thị vệ tố cáo, ông gửi cho sử quan tám ảnh có bài văn ý nói: «Đã bệnh lý lại sốt rét, chứng chết đã hiện ra thì chết cũng có tiếc gì. Nhưng chết mà không được phân minh thì còn phải khua trống kiện cho ra, chết mới nhắm mắt. Còn lúc đã chết thì việc mình thế nào đã có sử quan ghi chép».

Đây là lòng trung và đây là chí phục vụ : năm 1858 nghe tiếng súng của Pháp ông cùng các quan ở Nghệ-An là Vũ trọng Bình, Lê bá Thân xem xét đề thiết lập đồn ải ở Vinh. Khi vua Tự Đức có chiếu triệu, ông tâu: « *Thần già này còn thở ngày nào, thì xin hiến cho nước ngày ấy* ». Ông không vào kinh vì quan tỉnh Vinh giữ lại.

Công đức của Trương công vẹn toàn, một dạ sắt son nêu gương vắn vặc vì dân vì nước. Chúng ta mà hiểu nhầm Trương công há chẳng sa vào cạm: « *Quân tử chi sở vi chúng nhân cố bất thức dã* » của cổ nhân hay sao ?

VIỆT TỬ

MỘT ĐÓA HỒNG CHO EMILY

WILLIAM FAULKNER

THẠCH CHƯƠNG dịch

KH I Cô Emily Grierson mất, cả tỉnh đi đưa đám Cô: bọn đàn ông đi đưa như do lòng quý mến, kính trọng một tòa kiến trúc vừa đồ, còn bọn đàn bà thì nhất là vì tình hiếu kỳ muốn đi xem trong nhà Cô mà gần mười năm nay chưa ai được thấy ngoại trừ một ông bố già vừa trông vườn mà cũng là người làm bếp.

Đó là một căn nhà gỗ to lớn, vuông vắn, có một hồi sơn trắng, với những vòm tròn, những chóp trên nóc, những ban-công xây hình tròn ốc làm theo kiểu hồi 1870, trông vui mắt nhưng phức tạp. Căn nhà dựng trên một con phố có lần được coi là chọn lọc nhất ở tỉnh chúng tôi. Vậy mà những nơi chứa xe, những máy làm bông đã tới chế ngự và làm lu mờ đến cả những tên tuổi oai nghiêm nhất vùng ấy; còn mỗi nhà Cô Emily là còn lại, vẫn nâng giữ cái vẻ tàn phế ương ngạnh và đông đánh lên cao khỏi những xe bò bông, những ống bơm ét-săng—một gai mắt giữa những gai mắt. Giờ thì Cô Emily đã về góp mặt với những kẻ đại diện cho hàng tên tuổi oai nghiêm ấy ở nghĩa địa um tùm vạn niên thanh kia, nằm chung với những dây mồ chiến sĩ vô danh của Hợp Chúng Quốc đã chết ở trận Jefferson.

Sinh thời, Cô Emily là một truyền thống, một bồn phận, một mối lo lắng, một thứ nghĩa vụ di truyền cho cả tỉnh, kể từ cái ngày năm 1890 khi Trung tướng Tỉnh trưởng Sartoris — cha để sắc lệnh cấm không mụ da đen nào ra phố nếu không quàng khăn ở bụng — đã miễn thuế cho Cô. Sự miễn này được kể từ ngày cha Cô mất cho đến mãi mãi. Không phải là Cô Emily đã nhận một bố thí. Trung tướng Sartoris đã bịa ra một truyện là cha Cô Emily đã cho tỉnh vay một số tiền nào đó, và cả tỉnh đều coi sự trả nợ thế này là rất phải. Thật chỉ có gã đàn ông nào ở thế hệ và tư tưởng thời Trung tướng mới dám bịa ra truyện ấy, và chỉ có đàn bà mới tin được như vậy.

Cho đến thế hệ sau, với những tư tưởng mới, trở nên có quyền thế trong tỉnh, thì sự dàn xếp như trên gây ra ít nhiều bất mãn. Đùng ngày đầu năm họ gửi cho Cô một thông cáo đòi thuế. Đến tháng hai vẫn không thấy trả lời. Họ bèn viết cho Cô một bức thư theo thủ tục, đòi Cô lúc nào tiện xin đến bàn giấy Tỉnh trưởng. Một tuần sau ông Tỉnh trưởng tự tay viết cho Cô, xin cho đến gặp hoặc xin cho xe đến đón, nhưng rồi ông nhận được một mảnh giấy cũ kỹ, ở trên có mấy giòng chữ nghiêng, đẹp, viết bằng một thứ mực nhạt, nói rằng Cô không còn

đi đâu ra ngoài nữa. Tờ thông cáo đòi thuế cũng gấp kèm theo, không bàn luận.

Hội đồng tỉnh trưởng bèn triệu tập một phiên họp bất thường. Một nhóm đại diện cho hội đồng đến xin tiếp kiến' Cô, lần đầu tiên được gõ lên cánh cửa mà từ tám, mười năm nay chưa hề một khách lạ nào bước chân qua, từ cái dạo Cô thôi không nhận dạy vẽ đồ gốm Tàu nữa. Một lão già da đen ra dẫn họ vào một gian phòng lớn, tối om. Gian phòng đưa tới một thang gác càng tối hơn. Gian phòng sực mùi bụi và thứ mùi đã lâu không dùng — một mùi bùng bít, ẩm ướt. Lão da đen đưa họ sang phòng khách. Ở đây có bày những bàn ghế, to nặng, toàn bọc da. Khi lão da đen kéo mảnh len từ một cửa sổ, họ thấy các đệm da đã rách nứt, và khi ngồi xuống, bụi đưa lên nhẹ nhẹ và chậm chậm quanh đui, quện thành những đám nhỏ bay chậm chạp trong một khe nắng. Đằng trước lò sưởi có một bức truyền thần bằng chì hình cha Cô Emily, đóng trong một khung vàng đã bạc phếch.

Họ đứng cả dậy khi thấy Cô vào — một người đàn bà thấp, béo, mặc toàn đen, đeo một giây truyền vàng dài xuống đến ngang bụng và lần sau thắt lưng, chống một chiếc gậy lim đầu bọc vàng cũng đã bạc phếch. Xương người thì nhỏ và mảnh; có lẽ vì vậy mà ở người khác thì béo lẳn, ở Cô lại là béo nộn. Cô trông có vẻ như trương lên, như một xác ngâm lâu dưới nước phẳng lặng, da thì tai tái. Đôi mắt, biến mất trong những nếp nhăn béo của mặt, trông như hai hòn than nhỏ, đen, ấn vào trong một đồng bột nhéo, đưa từ người nọ sang người kia. Trong lúc ấy bọn khách lên tiếng giải thích tại sao họ đến thăm Cô.

Cô không mời ngồi. Cô chỉ đứng ở cửa và yên lặng nghe cho đến khi người đại diện bỗng ngừng bật. Rồi họ nghe rõ tiếng đồng hồ nhỏ kêu tích-tắc ở cuối sợi giây truyền vàng của Cô.

Giọng Cô khô và lạnh :

— Tôi không có thuế má gì ở Jefferson cả. Trung tướng Sartoris đã giải thích cho tôi rõ. Có lẽ một ông cứ về lục lại hồ sơ của tỉnh thì biết.

— Thưa chúng tôi đã. Chúng tôi là nhà đương cục trong tỉnh. Thế ra Cô không nhận được một tờ cáo thị do chính ngài Tỉnh trưởng ký ?

— Có, tôi có nhận được một tờ giấy, cô Emily nói. Chắc ông ấy tự coi là Tỉnh trưởng ở đây... Tôi không có thuế má gì ở Jefferson cả.

— Nhưng trên giấy tờ không có nói gì về chuyện ấy, Cô ạ. Chúng tôi phải thi hành theo...

— Đến gặp trung tướng Sartoris. Tôi không có thuế má gì ở Jefferson cả.

— Nhưng, Cô...

— Đến gặp trung tướng Sartoris. (Trung tướng Sartoris đã mất gần mười năm nay). Tôi không có thuế má gì ở Jefferson cả. Và cô gọi :

Tobe ! Lão da đen hiện ra. Đưa các ông này ra cửa !

II

Thế là Cô thắng, toàn thắng, cũng như Cô đã thắng được cha ông của họ ba mươi năm về trước, về vụ một mùi hôi thối. Đó là hồi hai năm sau cái chết của cha Cô, và chỉ ít lâu sau khi người yêu của Cô — người mà chúng tôi đã tưởng là sẽ cưới Cô làm vợ — đã bỏ rơi Cô. Sau khi cha Cô mất, Cô ít đi ra phố mấy ; khi người yêu Cô bỏ đi, thì người ta không còn thấy Cô đâu. Có vài ba bà đánh liều đến thăm, nhưng đều không được tiếp, và dấu hiệu hoạt động duy nhất ở chỗ Cô ở là một người da đen — hồi ấy còn trẻ — cắp rổ đi chợ ra, vào.

Mấy bà nói :

— Thật đúng là đàn ông trông bếp, chả trách. Không cứ là đàn ông nào. Và các bà không ngạc nhiên gì khi thấy mùi hôi thối xông ra. Dịp ấy, nó lại là một sợi giây liên lạc giữa nhà họ Grierson quí phái, tiếng tăm ấy với cái thế giới đang bùng lớn lên, mãnh liệt, bên ngoài.

Một người hàng xóm, một bà, đi lên kêu với Tỉnh trưởng, hồi ấy là quan toà Stevens, già đến tám mươi tuổi.

Ông chánh án nói :

— Nhưng bà bắt tôi làm thế nào bây giờ ?

— Ở kia, gửi giấy đến bảo cô ấy làm cho hết mùi ấy đi chứ lại. Không có luật lệ nào hay sao ?

— Tôi cho là chẳng cần làm thế, ông chánh án nói. Chắc lại rắn chết hay chuột chết mà cái thằng đen kia nó giết trong vườn đó thôi. Để tôi bảo nó.

Ngày hôm sau ông chánh án lại thêm hai người đến kêu ca nữa. Một gã có vẻ trong bụng thì muốn đi thưa mà lại sợ lòi thối.

— Thưa ngài, ta phải làm gì ngay mới được. Thật tôi là tên cuối cùng trên trần này đến làm phiền cô Emily, chứ ta phải làm gì ngay mới được ông ạ.

Đêm hôm ấy Hội đồng tỉnh trưởng nhóm họp, ba ông râu tóc bạc với một tên trẻ tuổi, một thành phần trong cái thế hệ đang lên đó.

— Có gì đâu, tên ấy nói, tổng giấy đến bảo cô ta tẩy uế đi. Ra hạn cho cô ta ít lâu, rồi nếu không . . .

Ông chánh án ngắt :

— Con khỉ, chứ ông có đi buộc tội vào mặt một người đàn bà là có mùi thối không ?

Thế là đêm hôm sau, quá nửa đêm, bốn người lên qua sân cỏ nhà Cô Emily, dón dón luồn quanh nhà như kẻ trộm, đánh hơi quanh tường gạch và quanh cửa hầm, tay đưa lên đưa xuống phun một thứ gì từ một vật đeo lưng lẳng ở vai. Họ mở cửa hầm và phun vào trong, rồi phun

tất cả bên ngoài nhà. Khi đi qua sân cỏ, một cửa sổ ban nãy còn tối om đã bật sáng tự bao giờ, và Cô Emily đang ngồi bên trong, ánh sáng chiếu đăng sau Cô, nửa trên người thẳng tắp và bất động trông như một thần tượng.

Họ đón đến qua sân cỏ rồi biến vào bóng tối những cây bàng dọc bờ phố. Một, hai tuần sau mùi thối mới tan đi hết.

Cho đến hồi ấy người ta mới bắt đầu cảm thấy buồn hộ Cô ta. Những người trong tỉnh chúng tôi, nhớ lại bà cụ Wyatt, là bà cô của Cô ta, đã có lần hóa điên, mới tin rằng nhà họ Grierson đã tôn mình lên cao quá. Không một chàng nào trong thế hệ trẻ là thật xứng đáng với Cô, nọ kia. Chúng tôi thường đã lâu chỉ nghĩ tới gia đình ấy qua một bức họa; Cô Emily là một hình mảnh mai trắng nuột ở bối cảnh, ông thân sinh ra Cô là một bóng bao trùm ở tiền cảnh, lưng quay lại phía Cô và tay nắm một chiếc roi ngựa, cả hai được đóng khung trong một cánh cửa mở ra phía sau. Bởi vậy khi Cô đã ba mươi mà còn cô độc, chúng tôi cũng không hẳn là hài lòng cho lắm, mà lại có phần nghiêng về phía Cô; cho dù trong họ có chuyện điên kia, Cô chắc cũng chẳng hoàn toàn từ chối những cơ hội tốt nếu chúng đã thật hóa thành sự thật.

Khi cha Cô mất, người ta đồn rằng tất cả của cải để lại cho Cô chỉ là căn nhà ấy, và người ta cũng hơi lấy làm hả trong bụng : vì đã đến lúc người ta có thể thương hại được cô Emily. Bỏ lại cô đơn, nghèo nàn, Cô đã trở lại như con người thường bằng da bằng thịt. Giờ thì chắc thế nào mà Cô đã chẳng hiểu được cái nỗi run sợ, cái nỗi cùng quẫn quen thuộc đến từ một đồng xu.

Chính ngày hôm sau khi cha Cô chết, rất nhiều bà sẵn sàng đến thăm hỏi, an ủi và giúp đỡ Cô, như thói quen thông thường của chúng tôi. Cô Emily chỉ tiếp họ ở ngoài cửa, ăn mặc như mọi khi, và không một dấu vết âu sầu nào trên mặt. Cô bảo các bà rằng cha Cô không phải là đã chết. Cô cứ một mực nói như vậy suốt ba ngày, cả với các mục sư trong tỉnh đến thăm Cô, cả với các bác sĩ đến xin cô cho phép họ được lo việc mai táng. Mãi cho đến khi họ viện đến luật, đến lực, cô mới chịu khuất phục và họ vội đem chôn cha Cô ngay.

Lúc ấy thì chúng tôi chưa dám bảo Cô là gàn. Chúng tôi cho rằng Cô phải làm thế. Nhớ lại bao nhiêu chàng trẻ tuổi đến đều bị cha cô đuổi ra khỏi nhà, nên chúng tôi biết rằng, đến bây giờ khi không gì còn lại với Cô, Cô cũng phải bầu vùi lấy cái người đã đánh cắp đi cuộc đời của Cô, ai cũng đến thế.

III

Cô bị ốm trong một thời gian khá lâu. Khi chúng tôi lại trông thấy Cô, thì thấy tóc Cô đã cắt ngắn, trông như một Cô gái nhỏ, và mừng

tượng như những hình thiên thần trên các cửa sổ màu ở nhà thờ, cũng cái lối bi đát và yên ổn như thế.

Tỉnh chúng tôi vừa quyết định cho xây vỉa hè, và đến mùa hè sau cái chết của cha Cô thì họ bắt đầu vào việc. Công ty kiến thiết tới, với một bọn nhỏ, những lừa những ngựa, những máy móc, và có một người cai tên là Homer Barron, một dân miền Bắc — to, đen, đầy thiện chí, giọng nói oang oang, đôi mắt trông nhẹ và nhanh hơn nét mặt. Bọn trẻ thường kéo nhau theo sau hắn để nghe hắn chỉ bọn nhỏ, và nghe bọn nhỏ hát theo nhịp lên xuống của cuốc, mai. Chỉ độ ít lâu là hắn quen hết mọi người trong tỉnh. Cứ quanh đầu phố, đám đông nào có lắm tiếng cười nhất là thế nào Homer Barron, cũng đang ở giữa đám. Rồi bỗng nhiên, chúng tôi bắt đầu trông thấy hắn với Cô Emily vào những chiều chủ nhật, ngồi trên một chiếc xe ngựa bỏ mui trần, có bánh xe sơn vàng và đôi ngựa hồng thuê.

Mới đầu chúng tôi mừng vì thấy Cô Emily đã tìm được một thú vui, bởi các bà ai cũng bảo : «Đã hắn là nhà họ Grierson cũng chẳng còn câu nệ gì với một dân miền Bắc, một dân lao động công nhật». Nhưng rồi có những kẻ khác, những ông bà già, bảo rằng cho dù sâu muộn đến đâu cũng không làm cho một người đàn bà quý phái quên cái *noblesse oblige* (1) đi được — tuy không ai nói thẳng là *noblesse oblige*. Họ chỉ nói : «Rõ tội Cô Emily! Họ hàng đâu phải đến với cô ta chứ». Cô có vài người trong họ ở Alabama; nhưng mấy năm trước đây cha Cô đã có chuyện xung đột gì với họ về một chuyện tài sản nào đó của bà cụ Wyatt, cái bà cụ già điên ấy, và thế là hai nhà không đi lại gì với nhau nữa. Thậm chí họ cũng không hề có mặt hôm đi đưa đám.

Và lúc những bậc già cả vừa nói «Rõ tội cô Emily», thì những tiếng thì thào bắt đầu nổi lên. Họ bảo với nhau :

— Có đúng là như vậy được không ?

— Thì đã hắn. Còn là cái...

Cứ như thế thì thào, tay thì che miệng; rồi là những tiếng xột xoạt của những tà lụa, sa-tanh xám thấp thoáng sau những bức màn kín che ánh mặt trời ở mỗi buổi chiều chủ nhật khi có tiếng *clop clop clop* nhẹ và nhanh của đôi ngựa hồng đi qua cửa : «Rõ tội cô Emily!»

Thế mà Cô ta vẫn kiêu hãnh lắm — ngay đến khi chúng tôi cho là Cô đã sa cơ rồi. Hình như, hơn bao giờ hết, Cô đòi ai cũng phải biết đến phẩm giá của Cô, người cuối cùng trong nhà họ Grierson; có vẻ như phẩm giá ấy đã cần viện đến một vài nét thể nhân để xác nhận lại một lần nữa cái vẻ bền vững của Cô. Giống như hôm Cô đi mua thuốc giết chuột, *arsenic*. Chuyện này xảy ra một năm sau khi ai cũng nói, «Rõ tội cô Emily», đúng giữa hồi có hai người chị họ của Cô đến thăm.

(1) Theo nguyên bản — Người dịch.

— Tôi muốn mua ít thuốc độc, Cô bảo người ở hiệu thuốc thế. Hồi ấy Cô đã ngoài ba mươi, tuy có hơi gầy hơn mọi khi, và đôi mắt thì lạnh lùng, ngạo mạn trên một khuôn mặt đầy vết nhăn nheo quanh hai thái dương và quanh vòng mắt, giống như khuôn mặt một người canh gác cột hải đăng. Tôi muốn mua ít thuốc độc, Cô nói.

— Vâng. Cô muốn mua thứ nào, cô Emily ? Cho chuột chiếc gì đó phải không ạ ? Tôi cho là cô nên...

— Tôi muốn mua cái thứ tốt nhất. Không cứ là loại nào.

Người bán thuốc đọc lên vài tên :

— Nghĩa là giết được đủ thứ, cho đến cả voi là khác. Nhưng thứ cô cần là...

— *Arsenic*, Cô Emily nói. Thứ ấy tốt ?

— Thứ... *Arsenic* ? Vâng, tốt. Nhưng cô muốn...

— Tôi muốn mua *arsenic*.

Người bán thuốc nhìn xuống Cô chăm chăm. Cô ngẩng lên nhìn trả lại, thẳng tắp, mặt trông như một lá cờ phát thẳng lì.

Người bán thuốc nói :

— Dạ, được lắm chứ ạ, nếu Cô muốn mua thứ ấy. Nhưng luật đòi Cô phải nói rõ Cô dùng nó vào việc gì ?

Cô Emily chỉ đứng nhìn người bán thuốc trân trân, đầu ngả ra đằng sau để ngó vào thẳng tận mắt, cho đến lúc người kia nhìn đi nơi khác, rồi đi lấy *arsenic*, rồi đem gói lại. Một thằng bé da đen mang gói hàng ra cho Cô ; còn người bán thuốc thì không thấy trở ra nữa. Về nhà, khi Cô mở gói ra, thì thấy trên mặt hộp có vẽ hình sọ người với hai xương bắt chéo, ở dưới đề : «Dùng để giết chuột».

IV

Bởi vậy ngày hôm sau chúng tôi ai cũng bảo : « Chắc cô nàng đến lại tự tử ! », và ai cũng cho như thế là phải nhất. Lúc Cô bắt đầu đi với Homer Barron, chúng tôi đã nói : « Chắc thế nào cô nàng cũng lấy anh chàng ». Về sau chúng tôi bảo, « Chắc cô nàng còn phải khuất phục anh chàng », bởi chính Homer có lần hẳn nói — hẳn thích đàn ông, và thấy đồn có lần hẳn uống rượu cùng với bọn trai trẻ trong hội Elk — rằng hẳn không phải là cái «típ» lấy vợ. Cuối cùng chúng tôi đều nói sau màn cửa : «Rõ tội Cô Emily !» khi cặp ấy đi qua vào chiều chủ nhật trên chiếc xe ngựa bóng loáng, Cô Emily thì đầu nâng lên cao, Homer Barron thì mũ đội lệch ra đằng sau, điệu xi-gà giữa hai hàm răng, cương và roi ngựa trong chiếc găng tay màu vàng.

Thế rồi các bà bắt đầu bảo như thế là một sự nhục mạ cho cả tỉnh, một gương xấu cho bọn thanh niên. Bọn đàn ông thì không muốn lôi thôi, nhưng rồi các bà trong tỉnh bắt mục sư bên đạo Baptiste đến gặp Cô — họ nhà Cô Emily thì đi đạo Episcopale. Ông mục sư không hề

cho ai biết gì về cuộc gặp gỡ ấy cả, nhưng ông nhất định từ chối lần sau không tới nữa. Chủ nhật sau cặp ấy lại lượn xe quan phố, liền ngày hôm sau đó bà vợ ông mục sư bèn biên thư cho họ hàng Cô ở Alabama.

Thế là trong nhà Cô lại thấy có người họ hàng đến, và chúng tôi bình tĩnh nghe ngóng xem tình hình biến chuyển ra sao. Mới đầu chẳng có gì xảy ra cả. Sau chúng tôi cả quyết là họ sẽ lấy nhau. Chúng tôi được biết rằng Cô Emily đã đến hàng bạc đặt làm một bộ đựng dao cạo, sà phòng v. v... bằng bạc, thứ nào cũng khắc hai chữ H. B. Hai ngày sau chúng tôi lại biết Cô ta vừa mua một lô quần áo đàn ông, có cả một chiếc áo ngủ, và chúng tôi đều bảo: «Chàng và nàng lấy nhau rồi». Chúng tôi vui mừng thật sự. Vui mừng là vì hai cô chị họ kia quả đã xứng đáng là con cháu nhà họ Grierson hơn Cô Emily bao giờ hết.

Bởi vậy chúng tôi cũng không ngạc nhiên gì khi Homer Barron — lúc ấy đường phố đã làm xong từ lâu — đã đi đâu mất. Chúng tôi cũng hơi bức mình vì không thấy có tổ chức gì ầm ỉ, nhưng ai cũng tin rằng hẳn đi khỏi chắc là để sửa soạn đón Cô Emily đi sau, hay là để cho Cô được dịp tổng khứ hai cô chị họ kia. (Hồi ấy chúng tôi lập mưu với nhau vào bẽ với Cô Emily, cốt để làm trở ngại hai cô chị họ). Thi quả nhiên, một tuần sau hai cô kia đều ra về cả. Và, như dự đoán, trong ba ngày Homer đã thấy trở lại tỉnh. Lúc chập tối một buổi kia, có kẻ hàng xóm trông thấy tên da đen đón hẳn ở cửa bếp.

Và đó là lần cuối cùng tôi được thấy Homer Barron. Và được thấy Cô Emily trong ít lâu. Tên da đen cắp rồ đi chợ ra vào, nhưng cửa đằng trước thì lúc nào cũng đóng kín. Đôi khi chúng tôi thấy Cô ở cửa sổ trong giây lát, như đêm hôm nào bọn kia lên vào phun vôi bột, nhưng trong khoảng gần sáu tháng liền Cô ta không hề đi ra phố. Nhưng đó cũng là điều tiên đoán; hầu như cái phẩm chất của cha Cô đã một lần phá hủy cuộc đời đàn bà của Cô quá thâm độc, quá mãnh liệt để chịu lia bỏ.

Khi chúng tôi gặp lại Cô Emily, thì thấy cô đã béo ra và tóc đã ngả xám. Trong vài năm sau mỗi ngày mỗi xám hơn, cho đến độ sang màu xám của sắt, xám muối hạt tiêu, thì thấy cứ như vậy mãi. Đến ngày Cô chết, lúc đã bảy mươi tư, tóc Cô vẫn một màu xám sắt mạnh mẽ ấy, như tóc một người đàn ông năng hoạt động.

Từ đấy, cửa đằng trước cứ một mực kín mít, ngoại trừ trong khoảng sáu, bảy năm, độ Cô hãy còn bốn mươi, Cô có nhận dạy vẽ đồ gốm Tàu. Cô mở một phòng vẽ ở một căn nhà dưới, và các cô con cháu những kẻ đồng thời với trung tướng Sartoris đều được gửi đến Cô, đều hòa và thường nhiên như đi nhà thờ sáng chủ nhật tay cầm một đồng 25 xu để cúng vào quỹ nhà thờ. Trong lúc ấy, cô vẫn được miễn thuế.

Rồi thế hệ mới ngày một trở nên xương sống và tinh thần của tỉnh, bọn học trò học vẽ nhớn dần lên, thờ ơ, cũng chẳng buồn cho con

cái chúng đem những hộp màu, những bút lông vô vị, những ảnh cắt ra từ một tờ báo phụ nữ đến Cô nữa. Cửa trước khép lại sau lưng đũa học trò cuối cùng, và cứ đóng kín mít như vậy mãi mãi. Khi tỉnh chúng tôi bắt đầu nhận được thư, không mất tiền, thì mỗi mình Cô Emily nhất định không cho người ta đính miếng sắt ghi số nhà lên cửa hoặc cài một hộp thư bên cạnh. Cô một mực không thèm nghe.

Hàng ngày, hàng tháng, hàng năm chúng tôi ngắm lão da đen tóc xám đi hơn, lưng còng xuống hơn, cặp râu đi chợ ra vào. Mỗi độ tháng chạp chúng tôi gửi cho Cô một cáo thị thuế, thì một tuần sau bức thư lại trở về nằm ở bưu điện, không ai nhận. Đôi khi chúng tôi trông thấy Cô trong một cửa sổ nhà dưới, — tầng trên suốt ngày đóng bùng bít — giống như nửa trên một bức điêu khắc của một thần tượng đặt trong một khám ở tường, nhìn chúng tôi hay không nhìn chúng tôi, không ai phân biệt được rõ. Cứ như vậy, Cô sống từ thế hệ trước qua thế hệ sau — thân mến, trầm tĩnh, bền vững, bướng bỉnh và không thể trốn tránh được.

Và thế rồi Cô mất. Nằm ốm ở trong nhà đầy bụi bặm, bóng tối chan hòa, với mỗi mình lão già da đen run lẩy bẩy săn sóc bên Cô. Thậm chí chúng tôi cũng không biết là Cô ốm ; đã lâu, từ hồi đó, chúng tôi đã thôi không dò hỏi lão da đen nữa. Hẳn chẳng nói năng với ai, có lẽ cũng chẳng hề nói với Cô, bởi giọng hẳn đã trở thành rè rè, hoen rỉ, như đã lâu không dùng.

V

Lão da đen ra đón người đầu tiên trong bọn các bà ở cửa trước, rồi đưa tất cả vào trong nhà, các bà thì thảo, bàn tán, mắt lăm lét, tò mò, rồi lão da đen đi mất. Hẳn đi thẳng qua nhà, ra đằng sau, không thấy đâu nữa.

Hai bà chị họ đến ngay tức thì. Ngày thứ hai thì họ làm tang lễ, cả tỉnh đến xem cô Emily nằm dưới một chõng hoa lớn, phía trên áo quan là bức họa chỉ cha cô đang trầm mặc, bọn các bà thì xì xào và trông khùng khiếp; còn những ông cụ già — có vài người lên khung bình phục thời xưa, áo quần chải chuốt — thì đứng ở ngoài cổng hay ngoài sân cỏ, nói đến cô Emily như người đồng thời với mình, và cả quyết có lần đã đi nhảy với cô, hay thậm chí theo tán cô là đẳng khác, lẫn lộn thời gian với những cấp số toán học của thời gian, nhằm lẫn y như những người già nhằm lẫn, bởi đối với họ quá khứ không còn là một con đường ngăn dần dần mà là một đồng cỏ mông mênh không mùa đông nào rét tới, ngăn cách họ lúc bấy giờ bằng một cỗ chai nhỏ hẹp chứa đựng vài chục năm gần đây nhất.

Không đợi ai bảo, chúng tôi cũng đã biết ngay rằng còn một căn phòng nào trên gác chưa ai hề trông thấy trong bốn mươi năm nay và

phải phá cửa mới vào được. Đợi cho cô Emily đã nằm yên ổn dưới đất, họ mới mở cửa vào căn phòng ấy.

Sức phá cửa mạnh đến nỗi làm căn phòng bụi bay tràn ngập. Như là có một thứ khăn trùm quan tài mỏng, manh, mùi hăng hăng, vương vẩn khắp nơi trong phòng, trang hoàng và bày biện như một phòng cưới : vương vẩn trên những màn cửa màu hồng bằng bạc, trên những chụp đèn có hình một đóa hoa hồng, trên mặt bàn trang điểm, trên những bộ quần áo mong manh như pha-lê, trên bộ đồ cạo mặt bằng bạc đã hoen ố, hoen ố đến nỗi những chữ khắc ở trên không nhìn thấy nữa. Giữa những thứ ấy là một chiếc cổ áo và một chiếc cra-vát, có vẻ như vừa cởi ra, nhắc lên thì trên mặt bàn để lộ hình nửa vành trăng giữa làn bụi. Trên ghế treo một bộ quần áo đàn ông, gấp cẩn thận ; dưới ghế là đôi giày im lìm với đôi bít tất ném bừa bộn sang một bên.

Ở trên giường chính gã đàn ông đang nằm.

Một hồi lâu, chúng tôi chỉ đứng đó ngó xuống nụ cười bí mật và không còn da thịt kia. Hình như xác hắn đã nằm theo dáng dấp một cái ôm choàng, nhưng đến bây giờ thì giấc ngủ dài kia, vĩnh cửu hơn cả tình yêu, chinh phục đến cả những vẻ xấu xí nhất của tình yêu, đã lừa dối hắn. Cái còn lại với hắn, mục nát dưới cái còn lại với manh áo ngủ, hầu như đã gắn liền với cái giường hắn nằm ; trên xác hắn, trên chiếc gối đặt bên cạnh hắn, chỉ là một manh áo bụi đều đặn, vững bền và gầy bó.

Rồi chúng tôi để ý thấy trên mặt chiếc gối bên cạnh có vết hõm xuống hình một đầu người. Một kẻ cúi xuống gối nhặt lên một thứ gì, ghé nhìn chăm chú, mùi bụi khô và hăng hăng thoảng vào mũi : Chúng tôi thấy màu xám của sắt một sợi tóc dài.

WILLIAM FAULKNER

1931

CƠN MƯA

LÔI TAM

Vở chồng Phước tiễn Tam ra hiên. Bên ngoài gió thổi mạnh. Ba người dừng lại ở bậc cấp. Phước nói :

— Sắp có mưa lớn đấy.

Tam đội chiếc mũ lên đầu, đáp :

— Không sao, tôi sẽ đón xe ở ngã tư gần đây.

Ái — vợ Phước — nhìn Tam :

— Anh Tam vội vàng quá. Buổi họp mặt đang vui.

Tam mỉm cười lặng lẽ. Có tiếng đàn từ bên trong vọng ra. Yên lặng một lát, Tam nói :

— Cậu Viễn lại đàn bản gi của Albeniz đấy. Cậu ấy thích Albeniz lạ.

Chàng bước xuống sân và cảm thấy hơi khó chịu vì ý nghĩ vợ chồng Phước đang nhìn theo. Lúc chàng ra đến đường hình như Ái có nói một câu gì nghe không rõ.

Ngoài đường gió thổi mạnh. Lá khô và bụi rác bay mù. Tam dừng lại, kéo mũ xuống để đánh diêm châm thuốc nhưng que diêm vẫn không đốt. Từ phía nhà Phước, tiếng đàn vẳng đến tận đây, đứt quãng trong gió. Tam nghĩ đến sự từ giã đột ngột của mình. Bao giờ giữa những đám đông, Tam cũng đột nhiên thấy mình trở trối, sự trở trối đến đau đớn. Lúc ấy, tất cả trở nên vô nghĩa và Tam tìm cách rời bỏ mọi người.

Một chiếc xe hàng dừng lại trước mặt chàng. Người tài xế thò đầu ra ngoài cửa xe :

— Mau lên ông, mưa đến nơi rồi.

Tam bước lên xe, ngồi một chỗ trống bên cạnh tài xế. Chiếc xe chạy giữa những luồng bụi mù. Hai bên xe, người ta đã che kín các dãy cửa bằng hai tấm vải bạt dày. Có tiếng bàn tán ở phía sau về cơn mưa bất ngờ. Hai người đàn ông đằng sau Tam đang nói về những vụ xung đột ở vùng Trung Đông. Tam thấy thật khó chịu, cảm giác lẻ loi đang dày vò chàng. Những giọt mưa bắt đầu rơi vương trên mặt kính chắn gió. Gió thổi phần phật hai bên thái dương Tam. Chàng có cảm tưởng như đang đứng ở đầu một toa tàu chạy nhanh. Con đường nhựa đã bắt đầu loáng ướt, đổi sang màu đen thẫm. Gã tài xế quay sang chàng :

— Ông về đâu ?

Tam lơ đãng:

— Gần đây.

Chiếc xe sắp ra khỏi thành phố. Mưa giăng mù khắp nơi. Tam tò

mỏ cúi nhìn xuống cuốn sổ lưu thông đặt trong hộc thùng máy để ngó. Cuốn sổ lưu thông nhàu nát đầy những dấu của sở Cảnh Sát.

Bỗng chiếc xe lạng nghiêng sang lề đường và đứng hẳn lại làm Tam chúi người về đằng trước. Tiếng gã tài xế lạc đi trong gió:

— Mở cửa phía sau cho người ta lên.

Tam ngược lên, mắt chàng gặp phải tấm kính phản chiếu ở phía trên tay lái. Một người đàn bà hiện lên trong khung kính. Người đàn bà đội nón, chiếc nón che gần hết khuôn mặt nàng và bên dưới, Tam chỉ còn thấy hai vành môi thắm đỏ. Lúc xe bắt đầu chạy lại thì người đàn bà ngẩng lên. Ánh sáng từ khung cửa phía sau chiếu qua chiếc nón Huế làm nổi rõ những hình hoa lá hên trong vành nón. Người đàn bà không đẹp. Trên toàn khuôn mặt nàng chỉ có đôi môi là hoàn toàn. Đôi vành môi nhỏ nhắn, mọng đỏ như màu một thứ hoa kén đại mộc ven bờ suối trong các khu rừng rậm. Tam nhìn mãi người đàn bà trong khung kính. Thỉnh thoảng nàng cũng nhìn lại nhưng vừa gặp đôi mắt Tam nàng vội quay đi phía khác. Nàng có cái e thẹn của một người con gái nhỏ. Nhìn nàng, Tam bỗng nhớ lại lần gặp gỡ giữa chàng và một người bạn gái. Lần gặp gỡ ấy hơi buồn bởi lẽ người con gái sắp đi lấy chồng. Người con gái ấy là Ai, vợ Phước bây giờ. Hôm ấy Ai cũng có một đôi môi đẹp như đôi môi của người đàn bà đang ở sau Tam hôm nay. Ai tiễn chân Tam ra sân ga trong một buổi chiều. Hai người đến sớm nên sân ga hãy còn vắng người. Tam lặng lẽ nhìn những toa tàu đang được quét dọn. Ai đứng cạnh chàng, mái tóc Ai chạm vào vai chàng. Ai nói:

— Từ bao lâu nay, chính anh đã phá vỡ mọi ước vọng của anh. Điều ấy làm cho anh và cả những người xung quanh đau khổ.

Tam không đáp. Ai tiếp:

— Anh từ chối mọi hạnh phúc. Có lẽ lòng tự trọng đã khiến anh hành động như thế. Đến bây giờ thì tất cả đều tan vỡ...

Có thể Ai sẽ bật khóc nếu nàng còn nói thêm nữa. Tam đáp:

— Đối với tôi thì mọi sự tan vỡ từ lâu. Tôi không muốn tìm an ủi trong tình thương vì tôi không tin ở khả năng của sự cảm thông. Càng lớn lên người ta càng thấy những thần tượng mình ôm ấp dần dần thay đổi. Những điều mình vẫn tin là cao quý, đẹp đẽ đều trở nên bần thiêu, tồi tệ...

— Em thì em nghĩ rằng anh cố tình trốn tránh một cái gì...

Tam cười:

— Có thể là tôi hèn nhát. Hèn nhát cũng là một thái độ và tôi chọn thái độ đó.

Ai còn nói thêm một câu nữa nhưng giọng nàng bị tiếng còi tàu át đi. Từ đó mỗi lần nghĩ đến Ai, Tam lại nhớ đến đôi môi ướm mọng của nàng chiều hôm ấy.

Chiếc xe đang chạy giữa cánh đồng. Mưa mờ mịt. Hai người đàn

ông phía sau đã chuyển sang một câu chuyện làm ăn, người tài xế thỉnh thoảng lớn tiếng bàn góp. Trong khung kính phản chiếu, khuôn mặt người đàn bà vẫn quay chéch về một phía. Một lát sau, Tam thấy nàng quay lại. Xe chạy trên quãng đường gồ ghề nên mặt kính rung lên. Đôi mắt người đàn bà nhìn thẳng. Mặt kính rung động nên đôi mắt ấy nhòa đi. Tam nghĩ đến hình ảnh một người con gái soi bóng mình xuống đáy nước. Hai người nhìn nhau thật lâu. Chưa bao giờ Tam nhìn vào đôi mắt một người đàn bà lâu đến thế. Trước kia, có lần Tam đã chú ý đến đôi mắt của một vũ nữ ngoại quốc. Đôi mắt người vũ nữ dày dạn vẫn giữ được những ánh trong sáng. Tam vừa định nói điều ấy thì người vũ nữ lên tiếng :

— Cái nhìn của anh vừa có vẻ kiêu ngạo lại vừa có vẻ chán chường. Tại sao thế ?

Câu hỏi thật vô lý. Tam mỉm cười không đáp và lần ấy chàng đã không nói gì với người vũ nữ về đôi mắt của nàng.

Lần này thì khác. Đôi mắt người đàn bà sau Tam không có gì đặc biệt nhưng đượm vẻ xa lạ bởi lẽ nàng luôn luôn lẩn tránh. Lúc đôi mắt ấy dừng lại trong mặt kính, Tam có cảm tưởng như vừa bắt gặp một vật gì sau cuộc săn đuổi dài. Chàng nhìn xuống đôi môi người đàn bà. Đôi vành môi vẫn mím chặt. Đôi mắt và làn môi của người đàn bà đã tạo nên ở nàng một sự thâm kín tuyệt vời.

Đến quãng đường bằng phẳng, mặt kính yên lặng, đôi mắt người đàn bà lại lảng ra phía khác. Tam cũng quay ra ngoài. Làng xóm mờ mờ trong mưa. Bầu trời xám ngắt. Trong xe, mọi người đã thôi nói chuyện. Mùi dầu chải tóc ở mái tóc người tài xế lẫn với mùi dầu săng bị đốt cháy làm thành một mùi hăng nồng. Gió tạt mưa vào khung cửa xe để trống. Tam ngồi xích vào phía trong. Phía sau có tiếng một người thanh niên :

— Sao cho xe chạy chậm thế bác tài ?

Tức thì, một người đứng tuổi chặn ngay :

— Đường trơn, chạy thế này là quá rồi. Cậu muốn chết cả hay sao?

Người tài xế không trả lời nhưng vẫn cho xe chạy nhanh hơn. Tam chờ sự phản đối của người đứng tuổi nhưng ông ta vẫn không nói gì. Nhìn vào mặt kính, Tam thấy người đàn bà đưa tay lên nâng trán. Tam biết rằng nàng đang cố chống lại giấc ngủ. Nhưng chỉ sau một lát, đầu nàng cúi thấp xuống và chiếc nón lá che kín cả khuôn mặt. Tam cũng cảm thấy mệt mỏi. Chàng ngả người vào thành ghế và thiếp đi một lát.

Chiếc xe dừng lại đột ngột làm Tam tỉnh dậy. Người đàn bà có đôi môi đẹp xuống ở đây. Tam nhìn ra ngoài. Vùng này là một thị trấn nhỏ. Vài chiếc quán gạch bán đủ các thứ hàng vụn vặt. Một con đường lát đá chạy vào xóm nhà phía trong. Người đàn bà đi trên con đường ấy. Nhìn phía sau, Tam thấy nàng có một thân hình đều đặn. Chiếc xe tiếp tục

chạy lúc người đàn bà khuất sau dãy quán gạch. Một người đàn ông sau Tam lên tiếng:

— Sao cô ta lại ở đây nhỉ?

Người thứ hai đáp, giọng người miền Nam:

— Anh cho rằng vùng này không thể có một người đàn bà như vậy sao?

— Tôi chỉ ngạc nhiên về đôi môi của cô ta. Trông không hợp với « thủy thổ » ở đây tí nào.

Người tài xế giải thích:

— Cô ta dạy trong trường Tiểu học mới mở ở vùng này. Chủ nhật nào cô ta cũng về thành phố ngoài kia.

Người đàn ông ban nãy nói như reo lên:

— À! thì ra một cô giáo.

Yên lặng một lát. Trong khung kính, Tam thấy một nửa mái tóc bóng nhẫy của một gã đàn ông. Bỗng có một bàn tay đập lên vai người tài xế:

— Này, cô ta có gia đình chưa?

— Ai?

— Cô nữ giáo viên ban nãy ấy.

Người tài xế lắc đầu:

— Hình như chưa. Không bao giờ thấy cô ta đi với một người đàn ông nào.

Câu chuyện lại chấm dứt, Tam nghĩ đến những công việc phải làm trong buổi chiều: vài bức thư chưa trả lời, cuốn sách đang đọc dở. Tất cả chẳng có gì quan trọng. Chàng thấy khó chịu vì những công việc vô nghĩa ấy. Chàng lại buông mình vào nệm xe. Phía sau, người đàn ông nói giọng miền Nam đang kể lại câu chuyện tình ái của một ông bác sĩ và một cô khán hộ. Anh ta kể chuyện với một giọng nói nhỏ và, lời cuốn. Lúc câu chuyện chấm dứt, ông đứng tuổi bên cạnh lên tiếng:

— Các cô gái sống xa nhà dễ bị hư hỏng. Nhất là lúc các cô ấy bắt đầu làm ra tiền nghĩa là bắt đầu thoát khỏi những ràng buộc về sinh kế đối với gia đình. Các cô ấy cứ nghĩ rằng mình đã trưởng thành và có quyền quyết định tất cả.

Vài người cười khẽ. Thành phố đã hiện ra trước mắt. Người ta sửa soạn đứng lên. Có tiếng loạt soạt của những tấm áo mưa được tung ra. Chiếc xe chạy từ từ vào thành phố rồi dừng lại ở một bãi đất lầy lội. Tam xuống xe bước vội sang hè phố bên kia. Chàng đến ẩn dưới mái hiên của một hiệu buôn đóng cửa. Về chiều, gió trở lạnh. Trên hè phố chỉ còn vài người đi lại, co ro trong tấm áo mưa. Bỗng Tam chú ý đến một người đàn ông đang đi về phía chàng. Tam gọi khẽ:

— Linh!

Linh ngẩng lên, mừng rỡ:

—Ồ! Tam, làm gì ở đây?

Tam cười, chỉ những giọt mưa loang loáng trước mặt:

—Mưa lớn quá nên chưa về được. Cậu ra đây bao giờ?

Linh đáp:

—Tôi có việc phải đến một thị trấn gần đây. Chuyển xe dừng lại để lấy xăng và trình giấy tờ cho cảnh sát. Rồi một ít thì giờ nên tôi xuống đi bộ cho đỡ mỏi. Không định ghé lại cậu vì công việc có thể kéo dài.

—Việc gì thế? Tam hỏi.

Linh yên lặng. Một lát, Linh bảo Tam:

—Chúng ta vào một tiệm trà gần đây. Tôi muốn kể câu chuyện ấy cho cậu nghe.

Tam lắc đầu:

—Tôi ghét sự ồn ào của những tiệm ăn. Vả lại chuyển xe của cậu hình như cũng sắp chạy. Cậu bắt đầu kể đi là vừa.

Giọng Linh chợt trở nên buồn buồn:

—Tôi đến thăm một người bạn gái vừa đổi về dạy học ở một thị trấn gần đây...

Tam bỗng nhớ đến người đàn bà trên chuyển xe ban nãy. Hình ảnh người nữ giáo viên hiện ra với đôi môi ướm mọng và cái nhìn e dè. Tam định hỏi một câu về nàng nhưng chàng ngần ngại.

Linh tiếp:

—Nàng là tình nhân của một người bạn tôi. Hai người yêu nhau thắm thiết nhưng đến bây giờ gã đàn ông muốn nàng quên hẳn.

—Sao thế?

—Hắn mắc một chứng bệnh trầm trọng. Trước kia hắn dẫu nàng vì hắn hy vọng có thể thoát khỏi căn bệnh. Nhưng bây giờ thì những hy vọng ấy không còn nữa. Hắn nhờ tôi trình bày tất cả với nàng.

—Thế tại sao anh ấy không nói thẳng với người yêu?

—Hắn không có can đảm làm việc ấy. Vả lại hắn nghĩ rằng một người ngoài cuộc như tôi sẽ khiến nàng tin hơn.

Đột nhiên, Tam nghĩ đến mối tình của chàng và Ái. Lúc Ái nhận lời lấy Phước, Tam thấy thật buồn. Một đêm, hai người ra ngồi ở một quán nước ven bờ sông. Phía bên kia sông là thành phố. Ánh sáng của những ngọn đèn đủ màu sắc lấp lánh trên mặt nước. Tam nói:

—Ái sắp sửa bước sang một cuộc đời khác. Điều ấy chỉ nên kể là một điều vui mừng. Chúng ta đã giữ trong nhau nhiều kỷ niệm của một mối tình tan vỡ. Anh nghĩ rằng đã đến lúc tất cả nên được xóa đi.

Ái đáp:

—Mọi sự không giản dị như thế đâu. Đã nhiều lần trong đêm khuya em nghĩ những ngày sắp đến và những ngày đã qua. Đánh rằng em phải sống cho ngày mai nhưng những hình ảnh cũ vẫn không thể xóa nhòa

được. Anh hiền em định nói gì đấy chứ ?

Tam trầm giọng :

— Sự ấy không ích lợi gì cho tương lai.

Ái không nói gì thêm. Lúc từ giã Tam, mắt nàng long lanh ướt.

Bống Linh quay lại :

— Cậu cho rằng người đàn bà có thể quên được không ?

Tam nhớ đến Ái. Đôi mắt Ái nhìn chàng thăm thẳm ... Tam đáp đúng như lời Ái đã nói với chàng trước kia :

— Mọi sự không giản dị như thế đâu.

Bên kia đường chiếc xe nổ máy. Linh quay sang từ giã Tam. Lúc nhìn Linh băng qua đường, Tam nghĩ đến người nữ giáo viên và sự tan vỡ nàng sắp phải đón nhận. Mỗi người đều gánh chịu ít nhiều đau khổ.

Cuối cùng, Tam ra về với sự đau xót đang dày vò chàng. Cơn mưa vẫn nặng hạt.

LÔI TAM

TÌM HIỂU NON NƯỚC NHÀ: MIỀN KIM SƠN — TIỀN HẢI

NGUYỄN THIỆU LÂU

Ở đồng bằng sông Nhĩ hà, ven theo bờ biển, có một miền, hoặc gọi là Kim sơn — Tiền hải, hoặc gọi là Bù chu — Phát diệm cũng được.

Miền này là một miền địa lý, nhưng cũng là một miền lịch sử.

Lịch sử và địa lý liên lạc mật thiết với nhau.

Chúng ta giờ trang sử cũ, nhìn bản đồ quân sự, tỷ lệ một hai mươi năm phần nghìn (1/25.000), ta hiểu đại khái như sau này.

Trước hết ta hãy nói về sử.

Nguyên là vào đầu năm *Bính tuất* (1826) tức là năm thứ bảy triều vua Minh Mạng, cách đây một trăm ba mươi ba năm, ở trấn Nam định, Bắc Việt, có một đảng giặc to, ấy là giặc *Phan bá Vành*.

Nhà khảo cứu lịch sử tìm các lý do của sự nội loạn này.

Có nhiều lý do :

Trước hết là lý do kinh tế. Dân bị mất mùa luôn. Lại còn nhiều thiên tai như nước biển dâng lên, ngập vào ruộng. Giông tố, bão táp, thuyền chìm đắm nhiều. Dân có làm mà không có ăn. Ruộng đất bỏ hoang, làng mạc ly tán.

Sau nữa là lý do chính trị. Hồi đó, như sử ghi rõ ràng, quan lại tham ô, sách nhiễu dân cùng. Đã chẳng biết thương dân, phụng sự dân trong những năm hoạn nạn, lại còn cậy thế của triều đình mà hạch sách dân, không khác gì những kẻ ăn cướp ngày, dưới uy quyền của nhà Vua.

Bấy giờ ở trấn Nam định, viên *Thủ ngự* ở đồn Ba thắc là *Võ đức Cật* cử tập bọn *Phan bá Vành* và *Nguyễn Hạnh* cùng các nông dân nghèo đói hay uất hận vì tham quan ô lại, bèn nổi lên làm giặc.

Nhà sử học có thể coi giặc này như một cuộc cách mạng nông dân mà người thủ lĩnh là *Phan bá Vành*.

Có một câu ca dao còn truyền lại, chứng tỏ đại chí của *Phan bá Vành*.

Trên trời có ông sao tua,

Ở dưới hạ giới, có Vua Bá Vành.

Vậy *Phan bá Vành* đã muốn lật đổ Nhà Nguyễn để lên làm Vua. *Phan bá Vành* đã đánh nay đây mai đó, thắng nhiều trận, huy động có

khí một lúc đến năm ngàn quân. Trấn thủ *Nguyễn đăng Huyền* đánh không lại. Việc tâu lên vua *Minh Mạng*.

Nhà vua, một mặt bổ nhiệm các tướng tá; trong các vị đó có *Nguyễn công Trứ*, *Tham hiệp Thanh hóa*. Một mặt Ngài phái lính Thanh, Nghệ theo đường thủy, trên mười tám chiếc thuyền trận ra Hải dương.

Nhưng sự tiếp viện này chưa đủ. Ngài lại phải cử *Hậu quân*, *phó tướng Ngô văn Vĩnh* đem quân từ Kinh ra để hội tiểu.

Trong công cuộc dẹp loạn này, *Nguyễn công Trứ* đã trở tài *Tham tán*. *Rồn Phan bá Vành* vào làng *Trà lữ* rồi bao vây.

Làng *Trà lữ* là một làng thuộc tỉnh *Thái bình*, lũy tre cao, hào sâu, dân đông. Quân đội *Phan bá Vành* chui vào đấy, bị vây. Ra thời chết, ở thời đói, rồi cũng chết mà thôi.

Phan bá Vành, theo sử chép, thời toan ban đêm định đánh giải vây chạy ra biển, liên lạc với giặc *Tàu ô*, nhưng quan quân đánh thẳng vào, bắt sống cùng 760 đồng đảng.

Nguyễn công Trứ đã «xếp bút nghiên theo nghiệp kiếm cung, đem hai chữ trung trinh báo quốc» thời vị nho tướng này, nguyên *Tể tửu ở Quốc tử giám*, lẽ tất nhiên là phải thắng *Phan bá Vành*.

Dẹp loạn là một việc.

Yên dân là một việc khác.

Hai lý do cho cuộc nổi loạn này, như ta đã biết, ấy là lý do kinh tế và chính trị. Dân chúng đói khổ, quan lại tham ô.

Vậy, phải trừng thanh lại trị và phải đem cơm ăn áo mặc cho dân chúng.

Chính phủ đã dẹp loạn, bây giờ yên dân ra sao?

Vua *Minh Mạng* đã phái các quan đi kinh lược. Một vị là *võ tướng*, *Thống chế* lãnh *Trấn thủ Nghệ an* là *Võ văn Hiếu* và một vị là *văn quan* *Hình bộ* *Thượng thư* là *Hoàng kim Xán*.

Hai vị kinh lược, quyền tiền trăm hậu tấu, cũng như có quyền sử dụng thóc và tiền của nhà nước. Sử chép như sau này :

« Ngoài việc phủ dụ dân chúng, nơi nào bị giặc phá, đốt, thời cấp tiền, lúa. Nơi nào bị hại thời cho tiền tuất, lại xét việc kiện cáo và việc gian tham».

Sử ghi rằng : « *Chánh án Phạm Thanh*, *Thư ký Bùi khắc Kham* tham nhũng lắm, khiến giải đến chợ, chém ngang lưng, tịch thu gia sản phát cho dân cùng... »

Phủ dụ nhân dân, trừng trị tham quan ô lại, đó là công việc xây dựng tinh thần và tẩy trừ của hai đại quan kinh lược.

Nhưng còn công việc kiến thiết thời sao ?

Phải đem cơm ăn áo mặc cho dân chúng. Mà dân chúng miền này thì điêu linh vì thiên tai, vì chính quyền địa phương thối nát.

Công việc kiến thiết này sẽ lại dành cho Nguyễn công Trứ.

Bây giờ, ta nói tới sự thành lập hai huyện Kim sơn và Tiền hải. Nguyễn công Trứ đã lập hai huyện này như thế nào ?

Ai đã đi qua miền *Bùi chu* — *Phát diệm*, bản đồ cầm trong tay, ắt phải nhận xét mấy điểm chính sau này :

Dọc theo bờ biển, có những bãi đất cát pha nổi lên mà người Pháp gọi là «cordon littoral». Ta gọi là «Giồng».

Các *Giồng* này do phù sa của sông *Nhĩ hà* đọng lại vì có nước thủy triều ở ngoài đánh vào và có một luồng nước hướng Đông bắc Tây nam dẹt vào.

Sử ta ghi các *Giồng* này là *Tiền châu*. Các bãi tiền châu mọc lên từ dưới đáy biển. Lau, còi, sậy mọc trên bãi.

Nước thủy triều, mỗi ngày, tùy theo tuần trăng, lên cao độ một thước tây. Có các lạch nhỏ ăn sâu vào các bãi. Miền này đã như miền *Dạ Trạch*. Giặc có chỗ ẩn núp . . .

Nguyễn công Trứ là người làng *Uy viễn*, thuộc về miền cửa sông *Lam*. Nguyễn công Trứ đã biết cách hướng dân dân đắp đê, đào mương, để lấy nước ngọt vào ruộng, để ngăn nước mặn tràn vào ruộng.

Nói tóm lại, Nguyễn công Trứ đã biết cách dinh điền miền duyên hải.

Tôi sao ra đây mấy sử liệu.

«Tháng ba năm *Mậu tý* (1828) Ngải cho *Thị lang* Nguyễn công Trứ làm chức *Dinh điền sứ*.

Nguyên khi trước, Nguyễn công Trứ dâng tờ sớ xin ba điều :

1 — Nghiêm phép cấm để tuyệt bọn trộm cướp.

2 — Rõ thưởng phạt để khuyến răn quan lại.

3 — Mở ruộng hoang để giúp cho dân nghèo.»

Sử ghi rằng : «Ngải cho».

Vậy Nguyễn công Trứ từ kinh ra đi, vào độ cuối tháng ba năm *Mậu tý* (1828). Rồi đến cuối tháng mười, sử ghi là đặt huyện *Tiền hải*, thuộc về phủ *Kiến xương*, trấn *Nam định*.

Tôi sao ra đây sử liệu trích trong bộ *Chánh biên* :

«Nguyên trước, ở gần biển có một giải bãi *Tiền châu* bỏ hoang. Giặc thường trốn núp tại đó.

Khi *Dinh điền sứ* Nguyễn công Trứ đến, chiêu dụ, dạy bảo dân, ngấm đo đất bỏ hoang ở *Tiền châu* và hai bên bờ, chia cấp cho dân chúng, cả thấy được mười bốn lý, hai mươi bảy ấp, hai mươi trại,

mười giáp. Số đinh hai nghìn hai trăm năm mươi người. Ruộng hơn một vạn tám nghìn chín trăm bảy mươi mẫu. Chia làm bảy tổng.

Tâu xin biệt lập một huyện đặt tên là huyện *Tiền hải*.

Lại ở làng Ninh cường, Hải cát, mở được bốn lý, bốn ấp, một trại. Xin lập một tổng thuộc về huyện *Nam chân*.

Ở tổng Hoàng nha, mở được năm ấp, một trại, ba giáp, cũng làm một tổng, thuộc về huyện *Giao thủy*. Còn bao nhiêu, tùy gần tổng nào thuộc vào tổng ấy.

Đến như ngư canh điền khí, lượng lấy tiền công chi cấp cho ».

Sử ghi rằng : « Ngài ban khen ».

Sử ghi tiếp như sau :

« Công Trứ lại tâu : những dân nghèo muốn xin lãnh ruộng hoang mà khẩn còn đến hơn một ngàn người.

Tôi xét huyện An khánh, An ngô, thuộc về Ninh bình, đối ngạn với huyện Nam chân, trấn Nam định theo một giải bờ biển còn nhiều nơi bỏ hoang. Cày được cũng chẳng kém gì huyện *Tiền hải*.

Tôi xin qua để ngắm, đo, lập thành ấp, lý.»

Sử chép rằng : « Ngài khiến hội với quan đạo Ninh bình mà làm ».

Sử lại cho ta biết tài liệu sau đây :

« Tháng ba, năm Kỷ Sửu (1829) đặt huyện *Kim sơn*, phủ Yên khánh, đạo Ninh bình.

Lựa người đặt làm tri huyện để khuyên dạy dân.

Nhà cửa, lượng thặng, ngư canh điền khí, thời đều cấp cho dân, y như lệ huyện *Tiền hải*.

Còn ruộng thiết trưng và ruộng đã thành thuộc thời lấy thuế từ năm nay. Ruộng lưu hoang thời đến năm Minh Mạng thứ mười hai (hai năm sau) sẽ đánh thuế.

Đó là theo nhời Nguyễn công Trứ xin.»

Ta lại đọc sử liệu này nữa :

« Công Trứ lại dâng sớ xin lập quy ước, khiến cho dân biết kiềm thúc, lâu cũng nên thói hay được.

1— *Lập nhà học* : Đặt ruộng học, tha thuế, khiến dân cày ruộng để làm học bổng. Học trò, tám tuổi phải vào học.

2— *Đặt xã thương* : chăm dạy bảo dân làm ăn.

3— *Cần việc phòng giữ*.

4— *Nghiêm việc khuyên răn*.

Việc tâu lên. Ngài khen phải».

Nguyễn công Trứ đã được nhà vua tin dùng vì làm được việc.

Hai huyện *Kim sơn* và *Tiền hải* đã lập nên, trên những bãi bồi.

Loạn Phan bá Vành đã được dẹp

An ninh, trật tự cùng cơm áo đem lại cho dân chúng.
Đó là công của Tham tán Nguyễn công Trứ vào năm 1829. Ngài Minh Mạng cũng đã biết công vị đại thần này.

Bây giờ, miền Kim sơn, Tiền hải ra sao ? Tôi không biết.
Nhưng tôi biết một chuyện.

Ấy là sau hội nghị Giơ neo, đồng bào Phát diệm bỏ đi nhiều. Và hiện thời ở tỉnh Kiến hòa, sát bờ biển, cũng trên đất bùn, đồng bào Phát diệm ở chung sống với nhau :

Trồng coi. Dệt chiếu,
Vẫn giữ lên Phát diệm, là tên mà Tham tán Nguyễn công Trứ đã đặt ra.

Một miền Kim sơn, Tiền hải mới.

NGUYỄN THIỆU LÂU

RIÊNG TƯ

THAO TRƯỜNG

Làm một con đường không phải cho
một người đi mà cho nhiều người đi.

V.B. thân mến,

TÔI thường tự nhủ rằng từ nhỏ tới nay anh là một người bên cạnh quan trọng của tôi. Đã nhiều lần chúng mình ngồi ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu. Cũng đã nhiều lần chúng mình ngồi rất lâu mà không nói với nhau một lời. Tôi còn nhớ nhân một lần định thay đổi nghề nghiệp, anh có nói tôi :

— Không có ý kiến gì về mày. Mỗi đứa đều phải tự suy nghĩ và quyết định. Không đứa nào trách nhiệm hộ đứa nào. Tao chỉ là một con ốc.

Thì đúng như vậy rồi. Thế mà đến nay anh lại viết cho tôi một lời nhắc nhở, một ý kiến, tuy đầu thư anh đã rào đón : «tôi không đóng vai một người phê bình trong cánh thư hôm nay... » Anh nhắc tôi rằng «...có một vài «gợn bẩn» làm cho kẻ đọc khó chịu, mà xét ra lại không cần thiết cho những thắc mắc rộng lớn về những cảm nghĩ cuộc đời...» Tôi ghi nhận lời anh vì không những chỉ có anh nhắc tôi mà cả Lê cũng thường phân nân về những tư tưởng «đến phát hoảng» của tôi.

Khi viết tôi có thói quen dùng ngôi thứ nhất. Những cái «tôi» ngổn ngang trong những sáng tác in trên báo. Điều này tôi không cân nhắc lợi hại gì cho cá nhân mình. Chỉ nghĩ rằng : nên tự mình đem mình ra mổ xẻ, tự mình tưởng tượng ra mình đang sống trong những vai trò của những nhân vật sáng tạo nên. Đôi khi đau đớn, nhưng từ xưa đến nay tôi vẫn hằng nhớ lời Thầy tôi dạy ; «Nếu con cần phải nhắc nhở đến sự xấu xa thì con nên lấy ngay những cái xấu xa của con ra mà nói». Vì vậy mà tôi có thể là một kẻ sa đọa, là một kẻ giết người rồi ở tù, là một kẻ bất mãn điên cuồng.

Thú thực rằng đến nay tôi cũng chưa có lấy một dự định về sự sinh nhai lâu dài ; lại càng chưa có ước vọng gì về công danh, kể cả lúc nhận cấp hiệu trong buổi lễ mãn khóa ở trường Võ khoa. Đời sống của tôi là những sự ngẫu nhiên. Đến như phần tâm hồn tôi, cũng chưa ổn định được. Vẫn chỉ là kẻ thắc mắc thường xuyên. Đời sống tâm hồn là hệ trọng. Tôi muốn không thể thờ-ơ với những hệ trọng đó.

Nói đến tâm hồn tôi lại nhớ một chuyện hồi nhỏ, nhân một lần đi lễ nhà thờ với Thầy tôi. Hôm ấy ngồi trong hàng ghế thánh đường, tôi đã tơ tưởng đến giọng hợp ca của đoàn nghĩa-binh trên gác đàn. Những

âm thanh trong cao, những lời ca mà tôi đã thuộc không biết từ hồi nào dâng lên, dâng lên và tôi như bị lôi ra khỏi nhà thờ theo tháp chuông nhọn hoắt cao mãi... Tôi sống trong âm thanh thần thánh êm dịu với một hình ảnh áo choàng trắng, đôi vành hoa trắng của một cô bé trong đoàn nghĩa binh. Cô vừa hát vừa cười hoan lạc, nhìn tôi rồi nhìn lên trời. Lúc đó tôi như tan ra trong cái âm hưởng của thiên đường. Càng lúc tôi càng bay theo cô bé.

Tôi quên theo dõi thầy cả đang dâng lễ trên bàn thờ. Tôi không biết gì đến cái tôi hiện sinh. Tôi không biết gì đến những lễ nghi đang diễn ra quanh tôi. Tôi quên tôi là tôi. Chỉ còn có tiếng hát và cô bé cùng với khối không gian cao vô tận. Thề xác tôi dần dờ trên ghế. Thầy tôi phải thức tôi về hiện tại bằng cách lôi tôi qui xuống. Tôi làm dấu thánh giá và cố gắng trốn khỏi cái thế giới trong đầu óc mình.

V.B. thân mến,

Anh có biết về nhà hôm ấy tôi ra sao không? Thầy tôi đã nói với tôi suốt buổi sáng về thái độ xem lễ. Thầy tôi còn nhắc tới cả những điều luật của giáo hội và những thủ đoạn của Juda, Thầy tôi nhắc luôn tới cái pháp lý của Philatus. Tôi không nhớ hết nhưng cũng ghi nhận được đến ngày nay một lời Thầy tôi dạy:

— Con xem lễ không phải con đến để ngồi không trên ghế thánh đường. Cũng không bắt buộc con phải làm rầm khăn vái, gục đầu, rầu rĩ ăn năn tội. Con phải có một thái độ nhận thức những cử chỉ của thầy-cả trên bàn thờ. Thầy-cả hành lễ là để diễn lại những việc Chúa Jesus đã làm. Người xem theo dõi và suy ngẫm. Như vậy con phải có lòng thành kính buổi lễ trong tâm hồn. Con suy tư về cuộc đời Chúa-cứu-thế và mong mỗi sống theo cái quan niệm triết lý của người.

Cũng như khán giả của sân khấu. Xem kịch phải có thái độ. Nhìn lên sân khấu theo dõi diễn viên (hay diễn viên hướng dẫn khán giả) để mà xúc cảm với những vai trò của vở kịch nổi dậy trong lòng. Điều cần là phải có một tấm lòng chân thành rung động và tìm hiểu. Sau này hòa mình với đời sống phức tạp con không những phải sống theo tập quán mà con còn phải sống theo cái đời sống sẽ nảy nở trong tâm hồn con».

Từ ngày đó tôi chú ý nhiều đến cái phần nội tại của con người tôi. Tôi muốn chân thành làm việc và hưởng thụ. Trong một đời, tôi vừa phải làm cái công việc của nhân sinh, tôi lại phải làm luôn cả những công việc của đời sống tâm hồn. Vì thế mà tôi lúng túng dấn vấp. Vì thế mà tôi vất vả.

Như anh đã biết, công việc hàng ngày của tôi là công việc của một chuyên viên kỹ thuật.

Trong khi chờ đợi chiến tranh những người như tôi thường xuyên thao luyện những phương pháp tiêu diệt. Tôi tập nhìn qua lỗ chiếu môn của cây súng. Tôi đã nhìn qua lỗ chiếu môn tới «điểm đen». Tôi cũng nhìn qua ống nhòm đến «mục tiêu» chờ đợi quan sát kết quả những viên trái phá từ hậu tuyến phóng tới. Những vòng tròn tác-xạ trên những tấm thấu-minh-đồ-hỏa-lực. Những điểm chỉ đỏ trên bản đồ chiến lược, những danh từ quân đoàn, lộ quân, là những hình ảnh và chi tiết chiếm mất nhiều thì giờ trong đầu óc tôi.

Những giờ phút ấy tôi sống cho cái đời sống ngoài đời, tôi làm việc cho cái «kế hoạch sinh tồn».

Như đã nói, tôi phải mang nặng trên vai một lúc hai đời sống, vì vậy mà đôi khi tôi cũng sao nhãng công việc. Rất có thể trong lúc truyền về hậu quân bằng vô tuyến cái địa điểm của địch quân bằng tọa độ mà tôi vẫn phải nghĩ đến một nhân vật nào đó trong một vở kịch nào đó thì anh bảo sao?

Trong lúc sống bằng tâm hồn, tôi không thể để lẫn lộn vào đó những hình ảnh hay ý nghĩ gì về kỹ thuật. Nhìn người yêu, tôi không thể nhìn qua lỗ chiếu môn. Tôi không thể nhìn nàng bằng con mắt soi mói qua hệ thống lăng kính có ghi những li góc. Tôi không thể dẫn người yêu dạo chơi trên những nẻo đường chiến dịch.

Tôi có thể ngắt một cánh hoa rừng cất kỹ đợi dịp gửi về cho nàng, nhưng tôi cam đoan không bao giờ có ý nghĩ sẽ tặng nàng những chiến công xây dựng trên vạn bộ xương khô hay trên những rừng thánh-giá trắng.

Buồng tôi ở cửa sổ mở lớn và gió vào tự do. Bên ngoài có kẽm gai và lô cốt. Tôi vẫn thường ngồi trong gian buồng ấy dạo dương cầm để nhớ tới người yêu. Tiếng đàn tôi bay qua cửa sổ vượt các chương ngại vật ra ngoài hàng rào. Tôi cần nhắc lại anh hiểu rằng tôi không muốn là một vai trò quyết định thắng bại cho một cuộc chiến tranh. Bởi vì như thế to tát quá. Tôi chỉ bằng lòng thi hành những mệnh lệnh nhỏ để góp phần bảo vệ đời sống nhân sinh của mọi người; và như thế mới còn sống mà phát triển cái đời sống tâm hồn của mình.

Chỉ có thế thôi. Rất nhỏ mọn. Tôi bằng lòng làm cái nhỏ mọn ấy để còn được tự do sống cái đời sống nội tâm của tôi. Tôi bằng lòng làm những việc kỹ thuật (nhỏ thôi), quan tâm đến những khẩu đại bác nòng sâu thăm thẳm, những ống nhòm, những đạn đạo, những tấm bản đồ quân sự, để chỉ xin một điều giản dị là mặc kệ tôi suy tưởng trong những thì giờ riêng tư của tôi. Một ngày tôi có thể sống 23 giờ cho quân đội, nhưng chắc chắn phải có một giờ cho riêng tôi.

V.B. thân mến, đó đời sống của tôi là như vậy. Một phần tôi bằng lòng sống chung với cái không khí chuẩn bị chiến đấu, một phần tôi suy tưởng thêm vào những sự riêng tư của mình. Có lẽ vì vậy mà anh thấy tôi xung đột, bối rối, dằn vặt...

Anh muốn hiểu tôi thế nào thì hiểu, kết án tôi thế nào tùy ý, nhưng anh có thể tin được rằng tôi viết không điều kiện. Tôi «cày bừa» bằng nguyên liệu tâm hồn với những tình cảm rung động chân thành không mong mồi, không vụ lợi, không phải để có tên có tuổi, cũng không phải để sinh nhai. Ai đọc? Tùy ý. Chỉ là một sự cần thiết như tôi cần thiết nàng.

Nghĩ như thế nên tôi đã làm theo sự suy luận của mình mặc dù Lê đã nói với tôi :

— Thà anh đừng biết gì về văn nghệ. Thà anh chỉ biết đi làm và về đúng giờ. Có lẽ em còn vui được.

Tôi không làm Lê được hài lòng, nên chúng tôi xa nhau. Tôi chịu.

Có nhiều khi tôi sống thật gương mẫu, sống hoàn toàn điều độ nhưng chỉ được 23 giờ. Còn một giờ của tôi thì không thể. Một giờ mỗi ngày kể ra cũng quá ít. Thế mà nhiều khi tôi cũng không được hưởng trọn vẹn. Từ nay tôi hứa với anh sẽ cố gắng gạt bỏ những ý nghĩ thậm tệ về cuộc đời trong những giờ khác của 24. Hoặc là không có một giờ ấy nữa. Nghĩa là nếu không hài lòng được anh và nàng, tôi sẽ thôi viết văn. Thôi viết văn để cả 24 giờ trong một ngày cho những công việc thường nhật. Tôi sẽ không có đời sống riêng tư. Tôi sẽ chỉ đạo những bản đàn tôn giáo cổ xưa và yêu nàng như một mối tình trẻ dại.

V.B. thân mến,

Nếu sau này anh không còn phân nản gì về tôi là một điều tốt, hoặc anh thấy tôi vắng mặt, có nghĩa là tôi đã đầu hàng rồi đấy. Đầu hàng để sống trọn đời cho một kiếp nhân sinh. Đầu hàng có nghĩa là không giám sống theo sự suy nghĩ của mình. Đầu hàng để được sống trong giòng sống quy định và được chết khi cuộc sống đào thải mình.

V.B. thân mến,

Trong suốt nhóm ngày giờ của đời mình, sự lựa chọn có đúng là vinh dự lớn lao nhất không?

Huy

Lê thân mến,

Hồi mới gặp nhau, tôi đã yêu Lê bằng một thứ tình yêu trẻ dại. Chúng ta trao đổi nhau những lá thư. Lê thì kín đáo, còn tôi không được tế nhị. Về sau Lê khám phá ra tôi thiếu sót, lỗi lầm và kém chân thật. Vì thế giữa hai người chỉ còn là kỷ niệm. Tôi bị tù túng trong những kỷ niệm đó và thường cảm thấy mình là một phạm nhân đứng ở vành móng ngựa mà tận trên ghế thẩm phán, Lê chỉ ngồi nhìn tôi không xử. Chính thái độ im lặng của Lê đã làm tôi đau đớn.

Thú nhận rằng bài «đàn ông» tôi đã viết bằng một giọng văn phản phúc với những ý tưởng phản phúc của một kẻ phản phúc. Nhưng tôi

lại nghĩ, giá Lê mà biết được tôi đã khóc suốt suốt khi viết những dòng bản thảo ấy.

Ít điều vụn vặt của chúng ta xuất hiện trên vài sáng tác là những thậm tệ của một kẻ thiếu chân thật. Sống thực với lòng mình khó lắm, Tôi đã nhiều lần giả dối, nhưng có lần giả dối mà tôi nhớ mãi là lần ngày xưa.

Nhà tôi hơi nghèo. Ngoài Bắc về mùa lạnh không đủ chăn cho mỗi người một cái. Nên bao giờ tôi cũng phải đắp cái chăn đơn cũ đã bỏ, chỉ dùng để lót là quần áo. Chiếc chăn này rách một mảng to ở giữa và nồng nặc mùi xà phòng khét. Chị Huyền không chịu. Chị nói bằng một giọng rất quan trọng rằng tôi đắp cái chăn ấy có thể bị đau ốm. Và chị nhường chăn của chị cho tôi. Chị nói nhỏ với chị Hòa cho tôi nghe:

— Ngủ mà đắp chăn đến khó chịu, Huyền chỉ cần mặc cái áo len là ấm rồi.

Tôi hiểu chị nói thế để tôi nhận chăn của chị, nhưng không đời nào tôi nhận như thế. Suốt mùa đông năm ấy tôi đắp chiếc chăn cũ. Tôi còn nói với mọi người:

— Huy nói thật đấy, Huy chả thấy mùi khét gì cả. Huy trùm kín và ngủ ngon đến sáng.

Thực ra thì mấy tối đầu tôi cũng rất khó chịu. Sau rồi quen dần. Ban ngày chiếc chăn vẫn lót là quần áo. Đêm tôi rở ra đắp. Và ấm lắm. Chị Huyền chê tôi đại như bò. Còn cả nhà thì chắc không ai quan tâm đến điều đó. «Huy nghĩ rằng, Huy không đại tí nào. Huy có hơi dối mình và dối chị. Nhưng biết làm thế nào để trong nhà không có ai phải rét».

Lê thân mến,

Đến bây giờ nghĩ lại tôi nhớ mùi chăn khét và thêm những kỷ niệm. Trải qua nhiều biệt ly, tôi sống trong cái thân phận của mình và cũng đã nhiều lần nói dối. Tôi yêu Lê chân thành nhưng tôi cũng đã dối Lê.

Chị Huyền ngày xưa có lần bảo:

— Giả dối có khi cần thiết. Miễn là cái giả dối đó không vì sự ích lợi cho riêng mình.

Lê thân mến,

Chị Huyền nói đúng. Những điều giả dối cần thiết của tôi có ích lợi gì cho ai? Nhưng với tôi thì hoàn toàn không tác dụng. Không chân thật không đáng là người. Đời tôi đã nhiều lần phải giả dối như thế nhưng là giả dối chân thật.

Từ khi biết được mình còn có cái đời sống nội tại, tôi đã suy nghĩ nhiều và hy vọng nhiều ở cái phần nội tại đó. Giữa đường gặp sự chệch lạc, trắc trở biết tôi có còn chịu đựng được mãi cái mùi hôi khét mỗi mùa đông? Niềm tin thừa thiếu thời vẫn cháy sáng, nhưng tôi cũng đã

nhìn thấy vài mẫu u-tối trên đường đời.

Sẽ có một ngày tôi hết tin tưởng, hết suy tư và hấp hối nốt quãng thời gian thừa thãi. Ngày đó sẽ là ngày tôi hết yêu em hay là ngày giữa chúng ta đã có một kẻ nằm xuống.

Lệ thân mến,

Xa cách muôn ngàn dặm rồi, chẳng bao giờ Lệ đọc những dòng tôi viết, nên tôi mới gọi đây là những *riêng tư* cho bớt trầm trọng những sự dằn vặt kinh hồn vì trống trải, vì mảnh chần đơn, vì thiếu sót, vì những gì tôi không có được, không làm được. Em là thần tượng của tôi, là người không bao giờ tôi gặp.

Giữa mùa xuân tung bừng, người ta nô nức giao chơi trên những lễ đường nắng ấm, tôi có chen chúc đi nhìn mặt từng người chắc cũng chẳng bao giờ gặp em. Gặp làm sao được khi hai ta không cùng nhìn về một hướng. Gặp làm sao được khi tôi còn phải đắp mãi chần đơn...

Phải không Lệ ?

Huy.

Một người bạn và một người yêu thân mến, xin đừng quan tâm gì đến tôi. Sống, chết, hay hấp hối cũng không là gì. Chỉ có thái độ mới quan trọng. Nhất là thái độ chúng ta yêu nhau.

THẠO TRƯỜNG

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của :

Nguyễn Sỹ Tế — Trần Thanh Hiệp — Thanh Tâm Tuyền — Hồ Nam

VIỆT NAM VĂN HỌC TOÀN THƯ
của HOÀNG TRỌNG MIÊN — Quốc
Hoa xuất bản

Từ hơn hai năm nay tôi cũng theo đuổi một công việc tương tự với công việc của Hoàng Trọng Miên: thu thập và xếp đặt lại những suy nghĩ, những tài liệu của tôi và của mọi nơi về Văn học Việt Nam, nuôi tham vọng viết một bộ Lịch sử Văn học từ khởi thủy. Tôi đã đi nhờ vả đủ mọi học giả chuyên môn về sử học, triết học, xã hội học, cổ ngữ học, niên đại học... Và tôi đã từng bị đặt trước những vấn đề, những điểm chưa thể giải quyết được, kể ngay vấn đề nguồn gốc của dân tộc và của tiếng nói Việt Nam. Nay được Mai Thảo chuyển cho cuốn *Việt Nam Văn học toàn thư* vừa mới ấn hành, còn thơm mùi giấy, thật lấy làm mừng. Lại bảo viết bài giới thiệu trong mục *Qua các bộ môn Văn nghệ (?)*, thật lấy làm lúng túng. Lúng túng không những vì số trang viết hạn định mà còn vì thời gian dành cho việc đọc sách có hẹp hòi. Hơn nữa đây mới là cuốn đầu trong bộ sách của Trọng Miên, cuốn dành cho *Thần thoại Việt Nam*, nghĩa là còn nặng tính chất văn hóa hơn là tính chất văn học, nên sợ rằng những nhận xét của tôi chưa được toàn diện đối với những cuốn đến sau chẳng. Dầu sao cũng xin chân thành đưa ra những nhận xét đại cương về cuốn *Thần thoại Việt Nam* này cũng như bàn về toàn bộ sách văn học qua những lời giới thiệu và phác lược ở đầu sách.

1. — Về kiến trúc đại cương của toàn bộ, điều nên khen ở tác giả là đã chọn đúng quan niệm kiến

trúc. Đó là quan niệm mới mẻ, quan niệm hiện thời của các nhà văn học Đông Tây muốn đưa ý thức thông thái, khoa học vào trong môn học, truy cứu một vấn đề tới nguyên nhân sâu xa, đặt văn học vào trong khuôn khổ của văn hóa, và văn hóa vào trong khuôn khổ của khu vực trong đại đồng. Đó cũng là quan niệm kiến trúc của những sách về văn học, văn hóa, sử như: *Histoires des Littératures*, học *Encyclopédie de la Pléiade*, Gallimard; *Histoire du Việt Nam* của Lê thành Khôi; *Connaissances du Việt Nam* của Huard; những tập sách về văn học của Lê văn Siêu, Thanh Lãng ở đây và những tập sách về văn học của « ngoài kia » mà tôi có được đọc.

2 — Về đối tượng và tinh thần của cuốn sách

a) Tôi e rằng tác giả đã hơi hẹp hòi khi chủ trương « không ghi chép những tài liệu về triết học, giáo dục, sử học... thuộc về văn hóa » (lệ sách, điều 4, trang 9). Bộ sách đang theo hướng rộng, — thần thoại và tương quan giữa thần thoại các dân tộc như đã nói là nặng tính chất văn hóa và xã hội học, — bỗng thu mình co hẹp lại. Tác giả đã không câu nệ mà dành phần xứng đáng cho « văn chương chữ Hán », thiết tưởng nên rộng rãi đối với tác phẩm mọi loại. Dầu chẳng cực đoan như Etiemble quan niệm « Văn học trở thành Cuốn sách, tất cả Cuốn sách, chỉ Cuốn sách thôi », (*La littérature devient le Livre, tout le Livre, rien que le Livre*), ta cũng không thể thu hẹp phạm vi văn học vào những « tác phẩm văn chương » được, trừ khi ta muốn viết một cuốn « Lịch sử văn chương » như

Hồ hữu Tường. Thề tài toàn thư của cuốn sách chưa được quan niệm đúng mức. (Xin xem : Vấn đề văn học, Đối tượng và Phương pháp, Sáng Tạo số 21).

b) Một khuyết điểm nữa, theo tôi, là vấn đề phân chia bộ sách : Văn chương chữ Hán, Văn chương chữ Nôm, Văn chương chữ Quốc ngữ... Lấy văn tự, — một điểm tựa rất lung thoát và bấp bênh, — để phân chia cuốn sách e rằng không được xác đáng. Văn học Việt Nam theo tôi phải được nhận định như là một toàn thể biến dịch theo thời gian, có thể ta mới nắm vững được sự tiến hóa của tư tưởng, nghệ thuật, cảm xúc, ngôn ngữ Việt Nam. Phương pháp tổng hợp mà tác giả đề cao hầu như khiếm diện trong lối phân chia cuốn sách cho tiện việc này rồi. (Xin xem : Vấn đề phân chia thời đại và khuynh hướng Văn học Việt Nam, Sáng Tạo số 8) ; Vấn đề xác định một thời hiện đại trong Văn học Việt Nam, Sáng Tạo số 22; và bài đã dẫn trên kia).

c) Một điều nên khen người viết sách là : sau khi trình bày các sự kiện và trình bày các lối giải thích sự kiện của các học giả, tác giả thường đã chỉ kết luận gọn gàng mau lẹ, nghĩ rằng việc trình bày và giải thích trước đó cũng đã có thể « nói » được nhiều rồi.

3.— Về hình thức, hãy xin tạm thu hẹp vào « lối văn » của tác giả. Nếu tôi không lầm thì người viết sách tỏ ra không chăm chút « văn chương » của cuốn sách. Trong một cuốn sách loại học thuật, loại khảo luận, tôi vẫn ưa một lối hành văn nghiêm minh và cô lọc. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng đọc một bài báo (kể cả bài tựa, tôi xin phép, để cho « anh em trong nhà » được chân thành trọn vẹn cùng nhau). Riêng nói về một chữ : tôi vẫn

không bằng lòng lời chú thích « từ nguyên thủy đến hiện đại ». Nơi học đường chúng tôi, danh từ khởi thủy quen thuộc hơn nếu không là một danh từ được chuẩn nhận.

Tôi đã khó tính khi quên không xét tới điều kiện của việc nghiên cứu Văn học Việt Nam và hiện trạng thư tịch chẳng ? Nhất là tôi mới chỉ đọc qua để viết bài nhận xét đại cương riêng về một cuốn Thần thoại Việt Nam trong bộ sách Văn học toàn thư của tác giả !

N.S.T.

ĐỀ HIỂU ĐẠO PHẬT của PHƯƠNG BỒI — Phật Học Viện Trung Phần xuất bản.

Thường thường vẫn có sự thắc mắc rằng những người muốn nghiên cứu Phật học mà chưa, hay là không, chọn con đường tu Phật thì nên bắt đầu từ đâu và có thể dự liệu được những nỗi khó khăn phải vượt qua hay không. Sự thắc mắc ấy là một trở ngại đáng kể.

Tu sĩ Phương Bồi vừa soạn một cuốn sách về Phật học lấy tên là : Đề Hiểu Đạo Phật. Qua tên sách người ta hy vọng sẽ có một cuốn sách nhập môn về Phật-học.

Tác giả đã chia sách thành 12 mục đề bản về một số vấn đề căn bản của đạo Phật như: Nguyên Lý, Giải Thoát, Nhân Duyên, Luân Hồi, Bản Ngã, Thiên Học v.v... Tác giả đã cố gắng đem vào không khí học Phật ở đây một ít ánh sáng của triết học Tây phương. Nhưng rút lại người đọc cũng vẫn còn gặp trở lại một sự gián đoạn thiếu nhất trí hoặc một sự khô khan của phiên dịch thường gặp ở những sách về Phật học khác. Điều mà người đọc mong đợi nhất là được biết sự thể nghiệm bằng chính đời sống, mỗi khi đọc sách về Phật học của tác

giả. Điều ấy không thấy ở trong cuốn *Đề Hiểu Đạo Phật*.

Có lẽ tác giả không muốn dành cho tác phẩm của mình nhiệm vụ nhập môn vì tác giả không mang lại cho người đọc một cái nhìn tổng quát về đạo Phật mặc dù chính tác giả cũng đã nhận rằng học Phật tức là *boi lội trong một cái biển mênh mông*. Vì vậy người mới học Phật đã lúng túng lại càng lúng túng hơn.

Có nên hiểu rằng phải chăng tác giả muốn trao cho người đọc một thứ « *chìa khóa* » để thấu hiểu đạo Phật? Nếu quả thật như vậy thì cuốn *Đề Hiểu Đạo Phật* không đạt được mục đích ấy.

Thành thử nó không tìm được một chỗ đứng thích hợp. Người ta không muốn nghi ngờ thẩm quyền của tác giả đối với vấn đề trình bày vì tác giả là một tu sĩ tốt nghiệp ở một trường Cao đẳng Phật-học. Sự thất bại — nếu có thể gọi như vậy — có lẽ ở điểm tác giả không xác định được đối tượng của sách mình mà soạn thảo cho phù hợp. Vì tác giả làm công việc mà nguyên tắc phải « *tùy duyên* ».

Tuy nhiên dầu sao vẫn cần phải hoan nghênh cuốn *Đề Hiểu Đạo Phật* như một công trình suy-tư cá nhân về đạo lý, một công trình ít thấy lúc này.

T.T.H

TRÍ THỨC LÀM DÁNG

Trong tình trạng nghèo nàn của tiểu thuyết Việt Nam có được một người viết tiểu thuyết đứng đắn lương tâm như Mặc Đỗ thật là quý. Hai năm in hai tác phẩm (1957 *Bốn Mươi*, 1958 *Siu cô nương*) công trình làm việc kỹ lưỡng với mục đích hết sức tốt đẹp là làm mới tiểu thuyết Việt Nam từ đề tài cho đến kỹ thuật hầu theo kịp trào lưu tiến hóa của tiểu thuyết Âu Tây. Nhưng phải

thành thật nhận rằng hai lần cố gắng của ông là hai lần thất bại không xứng đáng với tài của ông.

Với *Siu cô nương*, Mặc Đỗ muốn viết một cuốn tiểu thuyết về trí thức V.N trong một giai đoạn lịch sử — Hà Nội, 1954 trước hiệp định Genève. Một nhân vật của A. Huxley đã nhận xét : cái hỏng lớn nhất của loại tiểu thuyết lý tưởng (roman d'idées) là người ta bắt buộc phải trình bày những người có những ý tưởng để phát biểu — như thế là loại ra gần hết toàn thể nhân loại — những người này chỉ có chừng 0,01 phần 100 trong nhân loại. Điều nhận xét đó đúng, nhưng chắc ai cũng có thể nhận thấy cái thiếu sót ấy không phải là vô giá trị, là đồ bỏ trong xã hội loài người. Điểm thất bại của Mặc Đỗ không phải là vì ông đã chọn các nhân vật của ông ở trong giới trí thức — chính trị gia, luật sư, văn sĩ, kịch sĩ — mà chính là vì những nhân vật trí thức của ông không trí thức một chút nào, tôi gọi là *những người trí thức làm dáng*.

Một cuốn tiểu thuyết có tính cách trí thức không phải đơn giản là nhân vật thuộc giới trí thức trong xã hội. Nếu những kẻ trí thức không sống đời sống trí thức — nghĩa là một đời sống mãnh liệt bằng ý thức — mà cũng sống vồn vện trong đời thường như mọi người khác thì tính cách trí thức chỉ là thuộc về nghề nghiệp thôi; một bác sĩ, một kỹ sư hay chính trị gia, hay văn sĩ nữa có thể làm nghề trí thức mà không sống trí thức. *Siu cô nương* của Mặc Đỗ gồm những nhân vật trí thức không muốn giam mình trong đời sống thường, họ muốn sống đời sống trí thức — nhất là trong hoàn cảnh lịch sử bi đát là năm 54. Nhưng đời sống thường ngày của họ thì nghèo nàn, có lẽ

đó là có khiến họ vươn đến đời sống trí thức nhưng ở cái thế giới này họ lại càng tỏ lộ sự nghèo nàn hơn nữa. Người ta thất vọng biết chừng nào khi phải nghe những nhà trí thức của *Mặc Đỗ* bàn luận về tình hình chính trị như bất cứ một người ngoài phố nào cũng nói được. Mỗi một lần một nhân vật của ông tự nhiên nghiêm giọng nói chuyện quan trọng, người đọc lắng tai với thiện chí nghe những lời dạy bảo hay ít nhất cũng là hy vọng được tham dự vào cái thế giới của trí thức với biết bao nhiêu vấn đề khúc mắc, rối rắm, phần đất riêng biệt của giới này, thì người đọc toàn bắt gặp những ý tưởng tầm thường hằng ngày nhan nhản trên báo chí. Người đọc sẽ phải tự hỏi: đám trí thức *tiền bộ* của xứ này chỉ có chừng ấy thôi ư? Không có lẽ.

Sự thực những nhân vật của *Mặc Đỗ* chỉ là những nhà trí thức làm dáng. Vì mãi làm dáng cho nên đời sống của họ quá hời hợt bề mặt, từ cách uống rượu nói chuyện với đàn bà, thảo luận hay ngủ với gái (Mộ để cái mũi chàng đứng giữa sống mũi và mắt trái của *Siu trước* khi say gục) đến lúc tâm sự với nhau họ ồn ào nông cạn đến khó chịu, nói gì đến khi họ phải suy tưởng hay hành động (Suy tưởng đã nhắc rồi, còn hành động là một tối kịch).

Sự hời hợt của tất cả nhân vật trong *Siu cô nương* làm cho tác phẩm hiện rõ từng mảnh lấp lù kỹ thuật xây dựng kết cấu tiểu thuyết mới *Mặc Đỗ* tỏ ra đã nắm vững. Biển cổ Genève không cần thiết, đời sống của đám trí thức của *Siu trước* hay sau đó vẫn không nhập được vào giòng sống, họ chập chờn như những bóng ma, không mặt mũi, không hình dáng, không cá tính (khác tên và khác nghề nghiệp mà

thôi) họ lưu động trong những khoảng không gian trần trụi, quán rượu, phòng việc, nhà tù, nhà hát, đường phố không thành hình thù gì hết chỉ là những tên gọi chỉ định trống không.

Tuy thế trong *Siu cô nương* có một đoạn, mà dù đã thất bại hai lần, *Mặc Đỗ* vẫn còn đề cho người ta hy vọng rất nhiều ở ông, đó là đoạn từ biệt giữa Thái và Loan trong nhà tù; ở đây nghệ thuật của ông thật là vững vàng đặc sắc.

Vấn cái nhân vật của A. Huxley, tôi đã nhắc đến ở trên, nói: «Viết một cuốn sách dở công phu cũng ngang như viết một cuốn sách hay, nó cũng phát xuất từ sự chân thành của tâm hồn tác giả».

Ở *Mặc Đỗ* người đọc không phủ nhận sự tận tâm cũng như sự chân thành của ông khi viết *Siu cô nương*. Nhưng qua các nhân vật của *Mặc Đỗ*, sống thật dễ dãi yên lành không mất mát gì hay có thì chỉ là «hai con dĩ một xác chết (!)», tâm hồn họ mẫn nguyện tràn đầy thiếu bề sâu — người ta thấy sự chân thành của tác giả đơn giản quá. Nếu ý thức là sự chia xé, tri thức là một thứ *Hamlet* thì sự chân thành không chưa đủ, phải nghi ngờ, phải đặt vấn đề với ngay sự chân thành của mình. Sự thất bại của *Mặc Đỗ* chính là cho đến bây giờ — ở *Bốn Mươi* cũng như ở *Siu cô nương* — ông chưa bao giờ hoài nghi sự chân thành của tâm hồn ông.

Tôi rất bất mãn với tôi khi phải cầm bút phê bình *Mặc Đỗ*. Vì đối với tôi, ông là một nhà văn đứng đắn lương tâm hiếm có trong văn chương chúng ta. Nhưng tôi không thể làm khác được vì tôi không muốn cũng làm dáng như những nhân vật của ông.

T.T.T.

GIÒNG THƠ SANG MÙA của HÀ PHƯƠNG

Những người trẻ tuổi ngày nay hình như chia làm hai phái: một phái sống không sức động, sống thân nhiên và buông trôi; còn một phái thì ngược lại, can đảm nhận làm nhân chứng của thời đại, sống say mê, đắm thắm, sống tin yêu. Phái thứ hai là phái đang tham dự vào sự sinh thành của nghệ thuật. Do đó trong số những người hai mươi tuổi ở đây có rất nhiều thi sĩ (trường hợp này giống trường hợp các văn tài trẻ tuổi mà người ta mệnh danh là thế hệ J 3 ở Âu châu độ nào).

Hà Phương là một trong những người trẻ tuổi biết sống sức cảm, biết nhìn đời. Cuộc đời dưới mắt Hà Phương, dưới mắt một người trẻ tuổi, có những gì? Xin thưa có trăm nghìn màu sắc huy hoàng và rất nhiều tin yêu. Nhưng với Hà Phương, riêng Hà Phương, thì chỉ có một sự buồn, buồn mang mang.

«Thế hệ thanh thiếu niên thời hạn chiến này nó ngơ ngác và thế nào ấy». Câu nói của một người cùng lứa tuổi với tôi, nói với tôi, tôi thấy rất đúng với trường hợp Hà Phương.

Hà Phương có mối buồn của một người mới lớn và có thêm nỗi đau của một chứng nhân thời đại.

Ngôn ngữ Hà Phương là ngôn ngữ quen thuộc của thi ca cổ điển nhưng Hà Phương xử dụng chưa lấy gì làm quen thuộc lắm (còn bỏ ngỡ trong thể thơ thất ngôn). Điều này có lẽ cũng là điều cần mang ra thảo luận. Phải chăng đã đến lúc những người trong thế hệ này cần phải có một thứ ngôn ngữ thi ca riêng biệt để đối thoại với nhau.

Đón mừng Hà Phương trên con đường đang hình thành của thế hệ

Hà Phương. Một người yêu thơ đang tìm ngôn ngữ của mình.

KỊCH BUỒN M' RONG

Từ lâu giới thưởng ngoạn nghệ thuật thủ đô vẫn chờ đợi những đêm kịch, những đêm kịch từng bừng như những đêm hoa đăng của quá khứ xa xưa. Vì thế nên buổi công diễn vở thoại kịch ba màn *Buon M' Rong* của Kỳ văn Nguyên tuy mở màn vào buổi chiều, nhất là chiều thứ bảy, vẫn được giới thưởng ngoạn nghệ thuật ở thủ đô tham dự một cách đông đảo. Trước khi bắt đầu vở kịch ban tổ chức đã dùng ca nhạc tạo không khí thuận lợi cho sân khấu.

Vở kịch được viết với một kỹ thuật tường cải lương. Vì thế nên, từ cách cấu tạo nhân vật đến câu đối thoại, sự sắp xếp kịch tính chuyển biến, tất cả đều mang một cái gì của rạp «Quảng Lạc» thừa nào. Điểm đáng chú ý của buổi công diễn vở *Buon M' Rong* là vấn đề đạo diễn. Đạo diễn đã vì quá ân ý với tác giả nên vở kịch vốn dĩ đã tường cải lương lại cải lương thêm nữa.

Các diễn viên đã được hai ông Tiền Phong và Hoàng Năm đặt thật đúng chỗ, những hề Vũ Huân, Lữ Liên đóng vai chánh nên «tài năng» phát triển không những đầy đủ mà lại còn quá sức nữa. Sân khấu và trò hề chẳng xa nhau bao nhiêu. Riêng về mặt trang trí, họa sĩ Tạ Ty gần như đầy đủ bốn phần.

Ngày nay chúng ta vì thiếu vở, thành ra đã vô tình để thoại kịch bị chìm đi bởi những vở kịch tường cải lương. Thoại kịch cần phải được cứu bằng những kịch sĩ chân tài và những vở có thực chất.

Và thoại kịch kêu cứu.

H.N.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TƯ THỰC TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP

TRƯỜNG - SƠN

155A Tự Đức — Dakao — Saigon.

các lớp đệ Nhị **A.B.C** và đệ Nhất **A.B.C**

Hiệu trưởng : Nguyễn-sỹ-Té

HỘP THƯ

Các bạn : Lê hữu Lộc, Tất Trọng Đam, Minh Tâm, Chi Hoài Vân, Kim Thạch, Đình Lang, Phượng Tứ, Hoàng Bằng Sơn, Duy Lang, Vy Ngọc, My Anh, Bằng Cơ, Thanh Giao, Vi Anh, Nguyễn Phúc Thanh, Trường Sỹ, Nguyễn Phùng Trân, Bằng Đình, Trung Châu, Từ Thế Kỳ, Hoài Giang, Nguyễn Sơn, Thanh My, Phạm Hữu Hiệp, Diệu Thanh, Bùi Nguyễn Trần, T.N. Huyền Trinh, Trần Nhật Tân, Mộng Tường, Duy Châu, Đỗ Hữu Trí, Bằng Cơ, Hy Tam, Nguyễn Đức Nam, Phạm Hữu Thành, Huân Nguyên, Lê Anh Hoa, Táng Hoàng Thời, Ngư Thủy, Hoài Diệu, Thế Hoài, Thanh Cầm, Hoài Lâm, Thùy Giao, Nguyễn Phùng Ngọc, Võ Hữu Quyền, Hải Phương, Đ.L. Thọ :

Đã nhận được thơ văn các bạn. Cảm tạ. Xin gửi cho sáng tác mới

Hoàng Khanh : Đã nhận được thơ. Gửi tiếp sáng tác mới. Thân ái.

Lan Anh : Rất nhiều triển vọng. Chờ đợi sáng tác mới. Thân ái.

Diên Nghị : Thơ đã đăng vào số này. Thân ái.

Trần Phong : Chờ những truyện ngắn mới.

Trần Thơ : Thơ em chưa đăng được. Phải cố gắng hơn nữa.

Đình Lang : Thơ không đăng.

Thao Trường : Gửi về sáng tác mới. Ngoài ấy có gì vui không? Nhớ viết thơ cho tôi luôn luôn. M.T.

Ô Phạm Huyền : Người Việt đã đình bản. Nguyên-Sa không viết thường xuyên cho Sáng Tạo.